

HSK 3.0 NEW STANDARD • CẤP ĐỘ 2 (SƠ CẤP)

TẬP 2 (2/2) • TỪ #376 – #750

SỔ TAY TỔNG HỢP TỪ VỰNG HSK 2 (3.0)

Bản phát hành chuẩn in ấn A4 được chia nhỏ tiện lợi để dễ dàng tải về, học tập mọi lúc mọi nơi và in ấn đóng sổ tay cầm tay nhỏ gọn.

**TẬP 2: Gồm 375 Từ Vựng Chọn Lọc**

Thứ tự từ #376 đến #750 trên tổng số 750 từ

**Âm Hán Việt Viết Hoa Chuẩn Mực**

Kích hoạt phản xạ từ vựng qua tiếng mẹ đẻ

**Tích Hợp QR Code Tương Tác**

Quét mã nghe phát âm chuẩn & tập viết chữ Hán

⚡ KHÔNG GIAN HỌC TRỰC TUYẾN**Quét Mã QR Để Học & Nghe Phát Âm**

Dùng camera điện thoại quét mã QR để mở ngay kho từ vựng trực tuyến trên FoxHSK: Nghe phát âm giọng Bắc Kinh, tập viết từng nét bút và làm bài trắc nghiệm.

<https://foxhsk.com/vocabulary?standard=3.0&level=2> →





☆ CẤU TRÚC 1 THẺ TỪ VỰNG CHUẨN TRÊN FOXHSK

Áp dụng chuẩn UI V3 đồng bộ toàn hệ thống

HSK 2 (3.0)

Tính từ

#376

难看

nán kàn

xấu xí, khó coi; mất mặt, khó coi
(sắc mặt)

无论遇到多么棘手复杂的问题都要理性沟通, 在公共场合大声争吵会让场面十分难看且无济于事。

Wú lùn yù dào duō me jí shǒu fù zá de wèn tí dōu yào lǐ xìng gōu tōng, zài gōng gòng chǎng hé dà shēng zhēng chǎo huì ràng chǎng miàn shí fēn nán kàn qiě wú jì yú shì.

Bất luận gặp phải vấn đề nan giải phức tạp đến đâu cũng cần trao đổi lý tính, cãi vã to tiếng nơi công cộng chỉ làm cho cục diện trở nên vô cùng khó coi mà chẳng giải quyết được việc gì.

26 nét

HÁN VIỆT: NAN KHÁN

1 Cấp độ & Từ loại: Xác định phân loại ngữ pháp (Động từ, Danh từ, Phó từ...) để đặt câu đúng ngữ cảnh.

3 Pinyin Đỏ Nổi Bật: Đầy đủ dấu thanh điệu giúp phát âm chuẩn xác ngữ âm phổ thông.

5 Câu Ví Dụ Thực Tế: Ứng dụng từ vựng vào ngữ cảnh câu thực tế, tách riêng 3 dòng rõ ràng: Chữ Hán, Pinyin và bản dịch tiếng Việt.

2 Chữ Hán Tiêu Chuẩn: Kiểu chữ Noto Serif SC rõ ràng, hiển thị đúng từng nét bút chuẩn thi HSK.

4 Nghĩa Tiếng Việt: Bản dịch tự nhiên, chuẩn văn phong tiếng Việt hiện đại.

6 Hán Việt (VIẾT HOA 100%): Chia khóa vàng giúp người Việt hiểu sâu gốc từ, mở rộng vốn từ vựng cấp số nhân!



1. Đòn Bẫy Âm Hán Việt

Tiếng Việt có hơn 70% từ mượn gốc Hán. Học chữ Hán kết hợp âm Hán Việt giúp bạn thuộc từ trong 5 giây mà không cần học vẹt!



2. Ôn Tập Ngắt Quãng SRS

Áp dụng nguyên lý đường cong quên lãng Ebbinghaus: Ôn lại sau 1 ngày, 3 ngày, 7 ngày và 14 ngày trên website FoxHSK với thuật toán SRS.



3. Quét QR Luyện Nghe Nói

Mỗi trang tài liệu đều có mã QR dẫn trực tiếp về bài học trực tuyến để bạn nghe giọng đọc chuẩn và luyện trắc nghiệm phản xạ.

THỐNG KÊ TỪ LOẠI HSK 2 (3.0) • TẬP 2

Tập này: 375 từ vựng

227

Danh từ

72

Động từ

29

Tính từ

11

Đại từ

8

Số & Lượng từ

28

Từ loại khác



HSK 2 (3.0)

Tính từ

#376

难看

nán kàn

xấu xí, khó coi; mất mặt, khó coi (sắc mặt)

无论遇到多么棘手复杂的问题都要理性沟通，在公共场合大声争吵会让场面十分难看且无济于事。

Wú lùn yù dào duō me jí shǒu fù zá de wèn tí dōu yào lǐ xìng gōng tōng, zài gōng gòng chǎng hé dà shēng zhēng chǎo huì ràng chǎng miàn shí fēn nán kàn qiě wú jì yú shì.

Bất luận gặp phải vấn đề nan giải phức tạp đến đâu cũng cần trao đổi lý tính, cãi vã to tiếng nơi công cộng chỉ làm cho cục diện trở nên vô cùng khó coi mà chẳng giải quyết được việc gì.

26 nét

HÁN VIỆT: NAN KHÁN

HSK 2 (3.0)

Tính từ

#377

难受

nán shòu

khó chịu, đau buồn, bức bối

感冒发烧导致全身关节酸痛无力，躺在床上感觉格外难受。

Gǎn mào fā shāo dǎo zhì quán shēn guān jié suān tòng wú lì, tǎng zài bìng chuáng shàng gǎn jué gé wài nán shòu.

Cơn cảm sốt khiến toàn thân đau nhức mỏi nhừ không còn chút sức lực, nằm trên giường bệnh cảm thấy vô cùng khó chịu và bức bối.

23 nét

HÁN VIỆT: NAN THỌ

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#378

难题

nántí

nan đề, bài toán khó, thách thức học búa

科研攻关团队经过上千次模拟推演与实验验证，终于彻底攻克了深海钻探关键材料的技术难题。

Kē yán gōng guān tuán duì jīng guò shàng qiān cì mó nǐ tuī yǎn yǔ shí yàn yàn zhèng, zhōng yú chéng dī gōng kè le shēn hǎi zuān tàn guān jiàn cái liào de jì shù nán tí.

Nhóm xung kích nghiên cứu khoa học trải qua hàng ngàn lần diễn tập mô phỏng và kiểm chứng thực nghiệm, cuối cùng đã chinh phục triệt để bài toán khó nan đề kỹ thuật về vật liệu then chốt khoan thăm dò biển sâu.

26 nét

HÁN VIỆT: NAN ĐỀ

HSK 2 (3.0)

Tính từ

#379

难听

nántīng

chối tai, khó nghe (âm thanh/lời lẽ)

公共场合应当讲究文明礼貌，杜绝使用粗俗难听的言语，共同营造和谐友善的社会风尚。

Gōng gòng chǎng hé yīng jiǎng jiū wén míng lǐ mào, dù jué shǐ yòng cū sù nán tīng de yán yǔ, gòng tóng yīng zào hé xié yǒu shàn de shè huì fēng shàng.

Nơi công cộng cần chú trọng văn minh lịch sự, bài trừ việc sử dụng các ngôn từ thô tục chối tai khó nghe, cùng nhau tạo dựng nếp sống xã hội thân thiện hòa hợp.

24 nét

HÁN VIỆT: NAN DẪN

HSK 2 (3.0)

Động từ năng nguyện

#380

能够

nénggòu

có thể, có khả năng làm được

新一代国产重型运载火箭具备超强运载能力，能够将数十吨重型航天器精准送入预定深空轨道。

Xīn yí dài guó chǎn zhòng xíng yùn zài huǒ jiàn jù bēi chāo qiáng yùn zài néng lì, néng gòu jiǎng shù shí dùn zhòng xíng háng tiān qì jīng zhǔn sòng rù yù dìng shēn kōng guǐ dào.

Tên lửa đẩy hạng nặng thế hệ mới do nước ta sản xuất sở hữu năng lực vận tải siêu mạnh, có thể đưa các tàu vũ trụ hạng không hạng nặng nặng hàng chục tấn vào quỹ đạo không gian sâu dự định một cách chuẩn xác.

20 nét

HÁN VIỆT: NĂNG CỨ

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#381

年级

niánjí

lớp

我的小侄女今年正在实验小学读四年级，不仅学习名列前茅，钢琴也弹得极好。

Wǒ de xiǎo zhī nǚ jīn nián zhèng zài shí yàn xiǎo xué dú dìng nián jí, bù jǐn xué xí míng liè qián máo, gāng qín yě tán de jí hǎo.

Cháu gái tôi năm nay đang học lớp 4 tại Trường Tiểu học Thực nghiệm, học tập vừa đứng top đầu mà chơi đàn piano cũng rất cừ.

24 nét

HÁN VIỆT: NIÊN CẤP

HSK 2 (3.0)

Tính từ

#382

年轻

nián qīng

trẻ tuổi, thanh xuân trẻ trung

在这支屡创奇迹的国家深空探测科研团队中，骨干成员的平均年龄只有三十多岁，是一支年轻充满活力的队伍。

Zài zhè zhī lǚ chuàng qí jī de guó jiā shēn kōng tàn cè kē yán tuán duì zhōng, gǔ gàn chéng yuán de píng jūn nián líng zhǐ yǒu sān shí duō suì, shí yì zhī nián qīng chōng mǎn huó lì de duì wǔ.

Trong đội ngũ nghiên cứu khoa học thám trắc không gian sâu quốc gia liên tiếp lập nên những kỳ tích này, độ tuổi trung bình của các thành viên cốt cán chỉ hơn ba mươi tuổi, là một đội ngũ trẻ trung trẻ tuổi tràn trề sức sống.

20 nét

HÁN VIỆT: NIÊN KHINH

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#383

鸟

niǎo

chim, loài chim

随着高原湿地生态保护力度的加大，每年都有数十万只珍稀候鸟飞临这片水域筑巢栖息繁衍。

Suí zhe gāo yuán shī dì shēng tài bǎo hù lì dù de jiā dà, měi nián dōu yǒu shù shí wàn zhī zhēn xī hòu niǎo fēi lín zhè piàn shuǐ yù zhù cháo qī xī fán yǎn.

Cùng với việc đẩy mạnh cường độ bảo tồn sinh thái đất ngập nước cao nguyên, hàng năm đều có hàng trăm ngàn con chim loài chim di cư quý hiếm bay tới vùng nước này làm tổ trú ngụ và sinh sôi nảy nở.

13 nét

HÁN VIỆT: ĐIỀU

HSK 2 (3.0)

Động từ

#384

弄

nòng

làm, nghịch, xoay xở

在动手组装这台精密仪器时一定要小心谨慎，千万别把关键零配件弄丢了。

Zài dòng shǒu zǔ zhuāng zhè tái jīng mì yī qì shí yí dìng yào xiǎo xīn jìn shèn, qiǎn wàn bié bǎ guān jiàn líng pèi jiàn nòng diū le.

Khi bắt tay vào lắp ráp chiếc máy chính xác này nhớ phải hết sức cẩn thận, tuyệt đối đừng làm mất các linh kiện quan trọng.

14 nét

HÁN VIỆT: LỘNG



HSK 2 (3.0)

Tính từ

#385

努力

nǚ lì

làm việc chăm chỉ

成功的道路从来没有捷径可走，唯有日积月累的勤奋努力才能助你实现理想抱负。

Chénggōng de dàolù cónglái méiyǒu jiéjīng kě zǒu, wéiyǒu rìjī yuèlěi de qínfēn nǚlì cái néng zhù nǐ shíxiàn lǐxiǎng bàofù.

Con đường thành công chưa bao giờ có đường tắt, chỉ có sự nỗ lực chăm chỉ tích lũy ngày qua ngày mới giúp bạn hiện thực hóa hoài bão ước mơ.

17 nét

HÁN VIỆT : NỖ LỰC

HSK 2 (3.0)

Động từ

#386

爬

pá

leo, trèo (núi), bò

青年科考队员们迎风冒雪、克服高原缺氧，成功爬上了海拔六千多米的高山冰川开展科考采样。

Qīng nián kǎo duìyuán men yíng fēng mào xuě, kè fú gāo yuán quē yǎng, chéng gōng pá shàng le hǎi bá liù qiān duō mǐ de gāo shān bīng chuān kāi zhǎn kǎo cǎi yàng.

Các đội viên khảo sát khoa học trẻ tuổi đội gió đập tuyết, khắc phục tình trạng thiếu oxy vùng cao nguyên, đã leo trèo lên thành công dòng sông băng núi cao trên độ cao hơn sáu ngàn mét so với mực nước biển để triển khai lấy mẫu khảo sát.

11 nét

HÁN VIỆT : BÒ

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#387

爬山

pá shān

leo núi

周末清晨和同事们结伴去郊外爬山登高，既能呼吸清新空气，又能强身健体、放松心情。

Zhōumò qīngchén hé tóngshìmen jiébàn qù jiāowài páshān dēnggāo, jì néng hūxī qīngxīn kōngqì, yòu néng qiángshēn jiàntǐ, fàngsōng shēnxīn.

Sáng sớm cuối tuần rủ đồng nghiệp cùng nhau leo núi ở ngoại ô, vừa hít thở bầu không khí trong lành vừa rèn luyện thể lực và thư thái đầu óc.

24 nét

HÁN VIỆT : BÒ SƠN

HSK 2 (3.0)

Động từ

#388

怕

Pà

Sợ hãi

老师鼓励大家积极怕，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí pà, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực sợ hãi, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

14 nét

HÁN VIỆT : PHẠ

HSK 2 (3.0)

Động từ / Danh từ / Lượng từ

#389

排

pái

xếp hàng; hàng, dãy (lượng từ); bài trừ xả

在新落成的国家重大科学基础设施大厅内，数千台高性能超算服务器整齐排成数十列高效运转。

Zài xīn luò chéng de guó jiā zhòng dà kē xué jī chǔ shè shī dà tīng nèi, shù qiān tái gāo xìng néng chāo suàn fú wù qì zhěng qí pái chéng shù shí liè gāo xiào yùn zhuǎn.

Bên trong đại sảnh cơ sở hạ tầng khoa học trọng đại quốc gia mới khánh thành, hàng ngàn máy chủ siêu máy tính hiệu năng cao xếp hàng ngay ngắn thành hàng chục dãy đang vận hành hiệu quả cao.

11 nét

HÁN VIỆT : BÀI

HSK 2 (3.0)

Động từ

#390

排队

pái duì

xếp hàng

在早晚高峰时段乘坐地铁时，乘客们自觉站在安全屏蔽门两侧文明排队候车。

Zài zǎo wǎn gāo fēng shí duàn chéng zuò dì tiě shí, chéng kè men zì jué zhàn zài ān quán píng bǐ mén liǎng cè wén míng pái duì hòu chē.

Khi đi tàu điện ngầm vào giờ cao điểm sáng tối, các hành khách đều tự giác đứng xếp hàng văn minh ở hai bên cửa chắn an toàn để chờ tàu.

20 nét

HÁN VIỆT : BÀI ĐỘI

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#391

排球

pái qiú

môn bóng chuyền, quả bóng chuyền

中国女排在赛场上展现出的“顽强拼搏、永不言弃”的女排精神，深深激励着一代代中华儿女奋勇前行。

Zhōng guó nǚ pái zài sài chǎng shàng zhǎn xiàn chū de "wán qiáng pīn bó, yǒng bù yán qì" de nǚ pái jīng shén, shēn shēn jī lì zhe yí dài dài zhōng huá ér nǚ fèn yǒng qiǎn xíng.

Tinh thần bóng chuyền nữ 'Ngao cường chiến đấu, không bao giờ bỏ cuộc' mà đội tuyển bóng chuyền nữ Trung Quốc thể hiện trên sân đấu đã truyền cảm hứng sâu sắc cho bao thế hệ tiến bước.

24 nét

HÁN VIỆT : BÀI CẦU

HSK 2 (3.0)

Động từ

#392

碰

pèng

chạm vào

老师鼓励大家积极碰，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí pèng, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực chạm vào, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

13 nét

HÁN VIỆT : BÍNH

HSK 2 (3.0)

Động từ

#393

碰到

pèng dào

gặp phải, bắt gặp (khó khăn, người quen)

在探索未知颠覆性科学前沿遇到技术瓶颈时，团队骨干从不气馁，而是勇于在挫折中寻找新路径。

Zài tàn suǒ wèi zhī diǎn fù xíng kē xué qián yán yù dào jì shù píng jīng shí, tuándì gǔ gàn cóng bù qì nèi, ér shì yǒng yú zài cuò zhé zhōng xún zhǎo xīn lù jīng.

Khi gặp phải bắt gặp nút thắt kỹ thuật trong quá trình tìm tòi khám phá các lĩnh vực khoa học tiên phong mang tính cách mạng vô định, cán bộ cốt cán của đội không bao giờ nản lòng thoái chí, mà luôn dũng cảm tìm kiếm con đường mới trong nghịch cảnh.

26 nét

HÁN VIỆT : BÍNH ĐÁO



HSK 2 (3.0)

Động từ

#394

碰见

pèng jiàn

tình cờ gặp, đụng mặt, bắt gặp

今天在国家图书馆善本阅览室查阅古籍文献时，我正好碰见了多年未见的高中同窗挚友。

Jīn tiān zài guó jiā tú shū guǎn shàn běn yuē lǎn shì chá yuē gù jī wén xiàn shí, wǒ zhèng hǎo pèng jiàn le duō nián wèi jiàn de gāo zhōng tóng chuāng zhì yǒu.

Hôm nay khi đến phòng đọc sách quý của Thư viện Quốc gia tra cứu tài liệu cổ, tôi tình cờ gặp lại người bạn thân thời cấp ba gần ba mươi năm chưa gặp.

27 nét

HÁN VIỆT: BÌNH KIẾN

HSK 2 (3.0)

Động từ

#395

篇

piān

chương

老师鼓励大家积极篇，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí piān, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực chương, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

13 nét

HÁN VIỆT: THIÊN

HSK 2 (3.0)

Danh từ / Lượng từ

#396

片

piàn

mảnh, miếng, tấm; vùng, dải; viên (thuốc)

放眼望去，盛开的十万亩油菜花田如同一片金色的壮美海洋，在春风中泛起层层波浪。

Fàng yǎn wàng qù, shèng kāi de shí wàn mù yóu cài huā tián rú tóng yí piàn jīn sè de zhuàng měi hǎi yáng, zài chūn fēng zhōng fàn qǐ céng céng bō làng.

Phóng tầm mắt nhìn ra xa, mười vạn mẫu ruộng hoa cải vàng nở rộ tựa như một dải đại dương vàng óng ả trắng lệt, dập dềnh từng đợt sóng hoa trong gió xuân.

10 nét

HÁN VIỆT: PHIẾN

HSK 2 (3.0)

Tính từ

#397

漂亮

piào liang

đẹp

这件衣服很漂亮。

Zhè jiàn yī fú hěn piào liang.
Bộ quần áo này rất đẹp.

24 nét

HÁN VIỆT: PHIÊU LƯỢNG

HSK 2 (3.0)

Tính từ

#398

平

píng

bằng phẳng

在面对复杂的挑战时，保持平的心态尤为重要。

Zài miàn duì fù zá de tiǎo zhàn shí, bǎo chí píng de xīn tài yóu wéi zhòng yào.

Khi đối mặt với những thử thách phức tạp, giữ tâm thái bằng phẳng đặc biệt quan trọng.

9 nét

HÁN VIỆT: BÌNH

HSK 2 (3.0)

Tính từ / Danh từ

#399

平安

píng ān

bình an, yên lành an lành

随着“平安中国”建设深入推进，人民群众的安全感与获得感持续提升，社会大局保持长期和谐稳定。

Suí zhe "píng ān zhōng guó" jiàn shè shēn rù tuī jìn, rén mín qún zhòng de ān quán gǎn yǔ huò dé gǎn chí xù tí shēng, shè huì dà jú bǎo chí cháng qī hé xié wěn dìng.

Cùng với việc đi sâu xây dựng 'Nước Nhà Bình An', cảm giác an toàn và cảm giác thụ hưởng của quần chúng nhân dân liên tục được nâng cao, đại cục xã hội duy trì hòa hợp ổn định lâu dài.

21 nét

HÁN VIỆT: BÌNH AN

HSK 2 (3.0)

Tính từ / Danh từ

#400

平常

píng cháng

bình thường, thông thường; ngày thường

伟大出自平凡，平凡造就伟大；在平常的工作岗位上把每一件小事做好就是不平凡。

Wěi dà chū zì píng fán, píng fán zào jiù wéi dà; zài píng cháng de gōng zuò gǎng wèi shàng bǎ měi yí jiàn xiǎo shì zuò hǎo jiù shì bù píng fán.

Sự vĩ đại bắt nguồn từ những điều bình dị, sự bình dị kiến tạo nên sự vĩ đại; làm tốt từng việc nhỏ bé nơi vị trí công tác bình thường thường nhật chính là điều phi thường.

22 nét

HÁN VIỆT: BÌNH THƯỜNG

HSK 2 (3.0)

Tính từ / Danh từ

#401

平等

píng děng

bình đẳng

在国际大家庭中，国家不论大小、强弱、贫富，一律平等，都应当共同参与全球治理规则的制定。

Zài guó jì dà jiā tīng zhōng, guó jiā bù lùn dà xiǎo, qiáng ruò, pín fù, yī lǚ píng děng, dōu yīng dāng gòng tóng cān yù quán qiú zhì lǐ guī zé de zhì dìng.

Trong đại gia đình quốc tế, tất cả các quốc gia bất kể lớn hay nhỏ, mạnh hay yếu, giàu hay nghèo đều bình đẳng như nhau, cùng nhau tham gia xây dựng các quy tắc quản trị toàn cầu.

22 nét

HÁN VIỆT: BÌNH ĐẲNG

HSK 2 (3.0)

Phó từ

#402

平时

píng shí

bình thường, ngày thường

平时多流汗，战时少流血；只有在日常高强度训练中精益求精，才能在关键时刻从容应对。

Píng shí duō liú hàn, zhàn shí shǎo liú xiě; zhǐ yǒu zài rì cháng gāo qiáng dù yān liàn zhōng jīng yì qiú jīng, cái néng zài guān jiàn shí kè cóng róng yìng duì.

Bình thường đổ nhiều mồ hôi thì lúc lâm trận bớt đổ máu; chỉ khi trong luyện tập thường nhật luôn cầu tiến rèn giũa thì khi thời khắc then chốt tới mới có thể vững vàng ứng phó.

23 nét

HÁN VIỆT: BÌNH THỜI



HSK 2 (3.0)

Lượng từ / Danh từ

#403

瓶

píng

chai, lọ, bình; chai (lượng từ)

科考队员从深海万米海底热液喷口成功采集并密封保存了珍贵的水体样品瓶。

Kē kǎo duìyuán cóng shēn hǎi wàn mǐ hǎi dǐ rě yè pēn kǒu chéng gòng cǎi jí bīng mǐ fēng bǎo cún le zhēn guì de shuǐ tǐ yàng pǐn píng.

Đội viên khảo sát khoa học từ miệng phun nhiệt dịch dưới đáy biển sâu vạn mét đã thu thập và bảo quản niêm phong thành công bình mẫu nước vô cùng quý giá.

11 nét

HÁN VIỆT BÌNH

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#404

瓶子

píng zi

cái chai, cái lọ, bình

请将喝完矿泉水后的空塑料瓶子投递到标有“可回收物”字样的蓝色分类垃圾桶中。

Qǐng jiāng hē wán kuàng quán shuǐ hòu de kōng sù liào píng zi tóu dì dào biāo yǒu "kě huí shōu wù" zì yàng de lán sè fēn lèi lǚ jī tǒng zhōng.

Xin vui lòng bỏ vỏ chai nhựa sau khi uống hết nước khoáng vào thùng rác phân loại màu xanh lam có ghi dòng chữ 'Rác tái chế'.

22 nét

HÁN VIỆT BÌNH TỬ

HSK 2 (3.0)

Tính từ

#405

普通

pǔ tōng

Bình thường

在面对复杂的挑战时，保持普通的心态尤为重要。

Zài miàn duì fù zá de tiǎo zhàn shí, bǎo chí pǔ tōng de xīn tài yǒu wéi zhòng yào.

Khi đối mặt với những thử thách phức tạp, giữ tâm thái Bình thường đặc biệt quan trọng.

16 nét

HÁN VIỆT PHỔ THÔNG

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#406

普通话

pǔ tōng huà

tiếng quan thoại

随着中国与世界各国经贸往来的深化，海外学习标准普通话的热潮方兴未艾。

Suízhe Zhōngguó yǔ shìjiè gèguó jīngmào wǎnglái de shēnhuà, hǎiwài xuéxí biāozhǔn Pǔtōnghuà de rèchǎo fāngxíng wèihài.

Cùng với sự sâu sắc trong giao thương giữa Trung Quốc và thế giới, phong trào học tiếng Phổ thông chuẩn ở nước ngoài đang dâng cao mạnh mẽ.

24 nét

HÁN VIỆT PHỔ THÔNG THOẠI

HSK 2 (3.0)

Đại từ

#407

其他

qí tā

khác, cái khác, người khác

除了在人工智能大模型领域取得突破外，该科研团队在其他跨学科交叉前沿方向也成果斐然。

Chú le zài rén gōng zhì néng dà mó xíng lǐng yù qǔ dé tú pò wài, gāi kē yán tuán duì zài qí tā kuà xué kē jiāo chā qián yán fāng xiàng yě chéng guǒ fěi rán.

Ngoài việc đạt được đột phá trong lĩnh vực mô hình lớn trí tuệ nhân tạo ra, nhóm nghiên cứu khoa học này ở các phương hướng tiên phong liên ngành khác cũng đạt được thành quả vô cùng rực rỡ.

18 nét

HÁN VIỆT KỶ THA

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#408

其中

qí zhōng

trong đó, trong số đó

本次国际青少年科创大赛共收到来自全球的数千件优秀作品，其中五十件入围了终极决赛。

Běn cì guó jì qīng shào nián kē chuàng dà sài gòng shōu dào lái zì quán qiú de shù qiān jiàn yōu xiù zuò pīn, qí zhōng wǔ shí jiàn rù wéi le zhōng jí jué sài.

Cuộc thi sáng tạo khoa học thanh thiếu niên quốc tế lần này đã nhận được hàng nghìn tác phẩm xuất sắc trên toàn cầu, trong số đó có 50 tác phẩm đã lọt vào vòng chung kết xếp hạng.

17 nét

HÁN VIỆT KỶ TRUNG

HSK 2 (3.0)

Động từ

#409

骑

qí

cưỡi (ngựa), đi (xe đạp/xe máy)

在阳光明媚的周末，青年朋友们相约骑着公共自行车环湖绿道骑行，倡导绿色低碳出行。

Zài yáng guāng míng mèi de zhōu mò, qīng nián péng yǒu men xiāng yuē qí zhe gōng gòng zì xíng chē huán hú lǜ dào qí xíng, chàng dǎo lǜ sè de chū xíng.

Vào ngày cuối tuần nắng đẹp rực rỡ, các bạn trẻ hẹn nhau đi xe đạp đạp xe đạp công cộng dọc theo đường xanh quanh hồ, kêu gọi lối sống đi lại xanh ít phát thải carbon.

13 nét

HÁN VIỆT KỶ

HSK 2 (3.0)

Động từ

#410

骑车

qí chē

đi xe đạp / xe máy

越来越多的市民选择骑公共自行车绿色出行，既锻炼了身体，又为低碳环保贡献了一份力量。

Yuè lái yuè duō de shì mín xuǎn zé qí gōng gòng zì xíng chē lǜ sè chū xíng, jì duàn liàn le shēn tǐ, yòu wéi dī tàn huán bǎo gòng xiàn le yí fèn lì liàng.

Ngày càng có nhiều người dân lựa chọn đi xe đạp công cộng để đi lại xanh, vừa rèn luyện thân thể lại vừa đóng góp một phần sức lực cho bảo vệ môi trường ít phát thải carbon.

23 nét

HÁN VIỆT KỶ XA

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#411

起飞

qǐ fēi

cất cánh

各位尊贵的旅客请系好安全带，我们乘坐的国际航班即将滑入跑道准备起飞。

Gè wèi zūn guì de lǚ kè qǐng xī hǎo ān quán dài, wǒ men chéng zuò de guó jì háng bān jì jiāng huá rù pǎo dào zhǔn bèi qǐ fēi.

Kính mời quý hành khách thắt chặt dây an toàn, chuyến bay quốc tế của chúng ta chuẩn bị lăn bánh vào đường băng để cất cánh.

24 nét

HÁN VIỆT KHỞI PHI



HSK 2 (3.0)

Động từ

#412

气
qì

tức giận

老师鼓励大家积极气，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí qì, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực
tức giận, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

12 nét

HÁN VIỆT: KHÍ

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#413

气温
qì wēn

hiệt độ không khí, nhiệt độ thời tiết

国家气象局通过高精度气象卫星网络，实时监测并精准发布全国各地未来几天的气温变化预报。

Guó jiā qì xiàng jú tōng guo gāo jīng dù qì xiàng wēi xīng wǎng luò, shí shí jiān cè bīng jīng zhǔn fā bù quán guó gè dì wèi lái jǐ tiān de qì wēn biàn huà yù bào.

Cục Khí tượng Quốc gia thông qua mạng lưới vệ tinh khí tượng độ chính xác cao, quan trắc theo thời gian thực và công bố chuẩn xác dự báo biến đổi nhiệt độ không khí nhiệt độ thời tiết trong vài ngày tới trên toàn quốc.

25 nét

HÁN VIỆT: KHÍ ÔN

HSK 2 (3.0)

Số từ

#414

千
qiān

ngàn

这个手机一千块。
Zhè gè shǒu jī yī qiān kuài.
Chiếc điện thoại này một nghìn tệ.

8 nét

HÁN VIỆT: THIÊN

HSK 2 (3.0)

Lượng từ

#415

千克
qiān kè

ki-lô-gam, kg (1000 gam)

“嫦娥六号”探测器从月球背面南极艾特肯盆地成功带回了近两千克珍贵的人类首月背样品。

"cháng é liù hào" tàn cè qì cóng yuè qiú bèi miàn nán jí ài tè kēn pén dì chéng gōng dài huí le jìn liǎng qiān kè zhēn guì de rén lèi shǒu yuè bèi yàng pǐn.

Tàu thám trắc 'Hằng Nga 6' từ bốn địa Nam Cực - Aitken ở mặt sau Mặt Trăng đã mang về thành công gần hai ki-lô-gam mẫu vật mặt sau Mặt Trăng đầu tiên của nhân loại vô giá.

16 nét

HÁN VIỆT: THIÊN KHẮC

HSK 2 (3.0)

Danh từ chỉ thời gian

#416

前年
qián nián

năm kia, năm trước năm ngoài

前年正式立项的国家重大科学装置工程，经过科研建设团队两年的艰苦奋战，目前已顺利进入调试阶段。

Qián nián zhèng shì lì xiàng de guó jiā zhòng dà kē xué zhuāng zhì gōng chéng, jīng guo kē yán jiàn shè tuán duì liǎng nián de jiǎn kǔ fèn zhàn, mù qián yí shùn lì jìn rù tiáo shì jiē duàn.

Công trình cơ sở hạ tầng khoa học trọng đại quốc gia chính thức được phê duyệt lập dự án từ năm kia, trải qua hai năm chiến đấu gian khổ của đội ngũ nghiên cứu xây dựng, hiện nay đã thuận lợi tiến vào giai đoạn hiệu chỉnh thử nghiệm.

24 nét

HÁN VIỆT: TIỀN NIÊN

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#417

墙
qiáng

bức tường, tường

书房四周洁白的墙壁上挂满了古典水墨字画，营造出淡雅宁静的浓郁书香氛围。

Shū fáng sì zhōu jié bái de qiáng bì shàng guā mǎn le gǔ diǎn shuǐ mò zì huà, yíng zào chū dàn yǎ níng jìng de nóng yù shū xiāng fēn wéi.

Trên những bức tường trắng tinh khôi bao quanh thư phòng treo trang trọng các bức tranh thủy mặc và thư pháp cổ điển, tạo nên một không gian đậm chất học thuật thanh tao và tĩnh lặng.

9 nét

HÁN VIỆT: TƯỜNG

HSK 2 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#418

青年
qīng nián

thanh niên, tuổi trẻ

青年一代有理想、有担当，国家就有前途，民族就有希望。

Qīng nián yí dài yǒu lǐ xiǎng, yǒu dān dāng, guó jiā jiù yǒu qián tú, mín zú jiù yǒu xī wàng.

Thế hệ thanh niên tuổi trẻ có lý tưởng, có tinh thần gánh vác trách nhiệm, thì đất nước mới có tiền đồ, dân tộc mới có tương lai hy vọng.

18 nét

HÁN VIỆT: THANH NIÊN

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#419

青少年
qīng shào nián

thanh thiếu niên, giới trẻ

全社会应当共同构筑清朗健康的网络生态屏障，切实守护广大青少年的身心健康成长。

Quán shè huì yīng dāng gòng tóng gòu zhù qīng lǎng jiàn kāng de wǎng luo shēng tài píng zhàng, qiè shí shǒu hù guǎng dà qīng shào nián de shēn xīn jiàn kāng chéng zhǎng.

Toàn xã hội cần chung tay dựng xây bức tường thành sinh thái không gian mạng trong lành và lành mạnh, bảo vệ thiết thực sự trưởng thành thể chất và tinh thần của đông đảo thanh thiếu niên.

26 nét

HÁN VIỆT: THANH THIẾU NIÊN

HSK 2 (3.0)

Tính từ

#420

轻
qīng

nhẹ, nhẹ nhàng, xem nhẹ

这台新型笔记本电脑采用了超轻碳纤维机身，随身携带出差非常轻便。

Zhè tái xīn xíng bǐ jì běn diǎn nǎo cái yòng le le chāo qīng tàn xiān wéi jī shēn, suí shēn xié dài chū chāi fēi cháng qīng biàn.

Chiếc máy tính xách tay thế hệ mới này sử dụng vỏ sợi carbon siêu nhẹ, mang theo bên người đi công tác vô cùng gọn nhẹ và tiện lợi.

10 nét

HÁN VIỆT: KHINH



HSK 2 (3.0)

Tính từ

#421

清楚

qīng chu

rõ ràng

这份技术说明文档结构清晰、文字简练，把每一个核心操作步骤都解释得清清楚楚。

Zhè fèn jìshù shuōmíng wéndàng jiégòu qīngxī, wénzì jiǎnliàn, bā měi yí gè héxīn cāozuò bùzhòu dōu jiěshì de qīngqīng chǔchǔ.

Tài liệu kỹ thuật minh kỹ thuật này kết cấu rành mạch, diễn đạt cô đọng, giải thích rõ ràng từng bước thao tác cốt lõi.

26 nét

HÁN VIỆT: THANH SỎ

HSK 2 (3.0)

Tính từ

#422

晴

qíng

nắng, trời quang

今天 是 晴天。

Jīntiān shì qíngtiān.

Hôm nay là một ngày nắng đẹp.

14 nét

HÁN VIỆT: TÌNH

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#423

晴天

qíngtiān

ngày nắng, trời quang mây tạnh

在万里无云的晴天里，光伏发电站数万块太阳能电池板在阳光照射下源源不断输出绿色清洁电力。

Zài wànlǐ wú yún de qíng tiān lǐ, guāngfú fā diàn zhàn shù wàn kuài tài yǎng néng diàn chí bǎn zài yǎng guāng zhào shè xià yuán yuán bù duàn shū chū lǜ sè qīng jié diàn lì.

Trong một ngày nắng trời quang đấng muôn dặm không một gợn mây, hàng vạn tấm pin năng lượng mặt trời của trạm điện quang điện dưới ánh nắng chiếu rọi liên tục không ngừng phát ra nguồn điện sạch xanh.

27 nét

HÁN VIỆT: TÌNH THIÊN

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#424

请客

qǐng kè

mời khách, khao, bao chầu

为了庆祝顺利通过硕士论文答辩，他特意在周末做东请客邀请全组师兄师姐共进晚餐。

Wèi le qīng zhù shùn lì tōngguò shìshì lùn wén dá biàn, tā tè yì zài zhōu mò zuò dōng qǐng kè yāo qǐng quán zǔ shī xiōng shī jiě gòng jìn wǎn cān.

Để ăn mừng việc bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ, cuối tuần này anh ấy đã đứng ra làm chủ bữa tiệc khao toàn bộ các anh chị em cùng nhóm nghiên cứu một bữa tối thịnh soạn.

22 nét

HÁN VIỆT: THÌNH KHÁCH

HSK 2 (3.0)

Động từ / Danh từ

#425

请求

qǐngqiú

thỉnh cầu, yêu cầu, đề nghị

国际救援直升机组接到紧急救援请求后，冒着恶劣气象条件以最快速度赶赴灾区转移伤员。

Guó jì jiù yuán zhí shēng jī zǔ jiē dào jǐn jí jiù yuán qǐng qiú hòu, mào zhe è liè qì xiàng tiáo jiàn yǐ zuì kuài sù dù gǎn fù zāi qū zhuǎn yí shāng yuán.

Tổ bay trực thăng cứu hộ quốc tế sau khi nhận được yêu cầu thỉnh cầu cứu hộ khẩn cấp, đã đội điều kiện thời tiết khắc nghiệt khẩn trương tới vùng thiên tai với tốc độ nhanh nhất để di chuyển người bị thương.

22 nét

HÁN VIỆT: THÌNH CẦU

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#426

秋天

qiūtiān

mùa thu, tiết thu

秋天是收获的季节，广袤神州大地上稻浪飘香、硕果累累，处处是一派丰收繁荣的动人景象。

Qiū tiān shì shōu huò de jì jié, guǎng mào shén zhōu dà dì shàng dào làng piāo xiāng, shuǒ guǒ lěi lěi, chù chù shì yí pài fēng shōu fán róng de dòng rén jǐng xiàng.

Mùa thu là mùa của thu hoạch gặt hái, trên mảnh đất Thần Châu bao la hương lúa ngọt ngào cuộn sóng, hoa thơm quả ngọt trĩu cành, khắp nơi là một khung cảnh bội thu phồn vinh làm rung động lòng người.

22 nét

HÁN VIỆT: THU THIÊN

HSK 2 (3.0)

Động từ

#427

求

qiú

cầu, tìm cầu, mưu cầu (chân lý/tiến bộ)

我们在学术研究中必须坚持求真务实、实事求是，绝不能弄虚作假。

Wó men zài xué shù yán jiū zhōng bì xū jiān chí qiú zhēn wù shí, shí shí qiú shì, jué bù néng wù xuǎo nòng xū zuò jiǎ.

Chúng ta trong nghiên cứu học thuật bắt buộc phải kiên trì mưu cầu tìm cầu chân lý thực chất, thực sự cầu thị, tuyệt đối không được làm giả làm dối.

9 nét

HÁN VIỆT: CẦU

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#428

球场

qiúchǎng

sân bóng (bóng đá, bóng rổ, tennis)

傍晚时分，新建的社区智慧体育公园球场上聚集了许多热爱运动的青年人切磋球技。

Bàng wǎn shí fēn, xīn jiàn de shè qū zhì huì tǐ yù gōng yuán qiú chǎng shàng jù jí le xǔ duō ài yùn dòng de qīng nián rén qiè cuō qiú jì.

Lúc chiều tối, trên sân bóng của công viên thể thao thông minh khu dân cư mới xây quy tụ rất nhiều bạn trẻ đam mê thể thao tới so tài giao lưu kỹ năng chơi bóng.

21 nét

HÁN VIỆT: CẦU TRƯỜNG

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#429

球队

qiúduì

đội bóng, câu lạc bộ thể thao

在全国大学生排球联赛决赛中，我校代表球队凭借默契配合与顽强防守勇夺全国总冠军。

Zài quán guó dà xué shēng pái qiú lián sài jué sài zhōng, wǒ xiào dài biào qiú duì píng jiè mò qì pèi hé yǔ wǎng qiáng fáng shǒu yǒng duó quán guó zòng guān jūn.

Trong trận chung kết Giải Bóng chuyền Sinh viên Toàn quốc, đội bóng đại diện trường chúng tôi nhờ vào sự phối hợp ăn ý đã xuất sắc đoạt ngôi vô địch toàn quốc.

22 nét

HÁN VIỆT: CẦU ĐỘI



HSK 2 (3.0)

Danh từ

#430

球鞋

qiúxié

giày thể thao, giày đá bóng/chạy bộ

国产新一代专业运动鞋鞋采用了轻量化碳板与高回弹气垫科技, 受到了专业运动员的高度评价。

Guó chǎn xīn yí dài zhuān yè yùn dòng qiú xié cái yòng le qīng liàng huà tàn bǎn yǔ gāo huí tán qì diàn kē jì, shòu dào le zhuān yè yùn dòng yuán de gāo dù píng jià.

Dòng giày thể thao vận động chuyên nghiệp thể hệ mới do nước ta sản xuất áp dụng công nghệ đệm khí đàn hồi cao cùng tấm carbon siêu nhẹ, nhận được sự đánh giá rất cao của các vận động viên chuyên nghiệp.

22 nét

HÁN VIỆT: CẦU HẢI

HSK 2 (3.0)

Động từ

#431

取

qǔ

lấy, nhận, rút (tiền)

凭取件码可以在社区智能快递柜全天候自助取件, 十分便捷省心。

Píng qǔ jiàn mǎ kě yǐ zài shè qū zhì néng kuài dì guì quán tiān hòu zì zhù qǔ jiàn, shí fēn biàn xīn jié shěng xīn.

Dựa vào mã lấy đồ bạn có thể tự lấy bưu phẩm tại tủ chuyển phát thông minh của khu dân cư bất cứ lúc nào suốt 24/7, vô cùng tiện lợi và yên tâm.

8 nét

HÁN VIỆT: THỦ

HSK 2 (3.0)

Động từ

#432

取得

qǔdé

đạt được, giành được (thành tựu, thắng lợi)

我国在前沿量子计算与超导科技攻关中取得了多项引领全球的重大原创突破成果。

Wǒ guó zài qián yán liàng zǐ jì suàn yǔ chāo dǎo kē jì gōng guān zhōng qǔ dé le duō xiàng yǐn lǐng quán qiú de zhòng dà yuán chuàng tū pò chéng guǒ.

Nước ta trong các trận đánh vượt khó công nghệ siêu dẫn và tính toán lượng tử tiên phong đã giành được đạt được nhiều thành quả đột phá nguyên tác trọng đại dẫn đầu toàn cầu.

22 nét

HÁN VIỆT: THỦ ĐẮC

HSK 2 (3.0)

Tính từ / Phó từ

#433

全

quán

toàn bộ, đầy đủ, hoàn toàn

新落成的国家超级大科学装置顺利实现了全系统联动调试与高精度稳定运行。

Xīn luò chéng de guó jiā chāo dà kē xué zhuāng zhì shùn lì shí xiàn le quán xì tǒng lián dòng tiáo shì yǔ gāo jīng dù wěn dìng yùn xíng.

Cơ sở hạ tầng khoa học lớn siêu cấp quốc gia mới khánh thành đã thuận lợi thực hiện việc vận hành ổn định độ chính xác cao và hiệu chỉnh liên động toàn bộ toàn hệ thống.

9 nét

HÁN VIỆT: TOÀN

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#434

全部

quánbù

toàn bộ, tất cả

经过全组工程师通力协作与连续奋战, 系统升级换代所涉及的全部核心模块已顺利部署完毕。

Jīng guò quán zǔ gōng chéng shī tǒng lì xié zuò yǔ lián xù fēn zhàn, xì tǒng shēng jí huàn dài suǒ shè jí de quán bù hé xīn mó kuài yǐ shùn lì bù shǔ wán bì.

Nhờ sự hiệp lực đồng lòng và nỗ lực chiến đấu liên tục của toàn bộ kỹ sư, toàn bộ các mô-đun cốt lõi liên quan đến đợt nâng cấp hệ thống đã được triển khai hoàn tất và trơn tru.

20 nét

HÁN VIỆT: TOÀN BỘ

HSK 2 (3.0)

Tính từ

#435

全国

quán guó

Toàn quốc

在面对复杂的挑战时, 保持全国的心态尤为重要。

zài miàn duì fù zá de tiǎo zhàn shí, bǎo chí quán guó de xīn tài yóu wéi zhòng yào.

Khi đối mặt với những thử thách phức tạp, giữ tâm thái Toàn quốc đặc biệt quan trọng.

19 nét

HÁN VIỆT: TOÀN QUỐC

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#436

全家

quánjiā

cả gia đình, toàn bộ người trong nhà

除夕之夜, 全家老小欢聚一堂包饺子、看春晚, 共享阖家团圆的温馨与幸福。

Chú xī zhī yè, quán jiā lǎo xiǎo huān jù yì táng bāo jiǎo zi, kàn chūn wǎn, gòng xiāng hé jiā tuán yuán de wēn xīn yǔ xìng fú.

Đêm giao thừa, cả gia đình già trẻ lớn bé cùng quây quần vui vẻ gói sủi cảo, xem Gala Xuân, cùng chia sẻ niềm hạnh phúc và ấm áp của sự đoàn viên gia đình sum họp.

17 nét

HÁN VIỆT: TOÀN GIA

HSK 2 (3.0)

Danh từ / Số lượng

#437

全年

quánnián

cả năm, quanh năm suốt cả năm

我国全年粮食产量连续多年保持在一点三万亿斤以上, 牢牢端稳了十四亿中国人的饭碗。

Wǒ guó quán nián liáng shí chǎn liàng lián xù duō nián bǎo chí zài yì diǎn sān wàn yì jīn yǐ shàng, láo láo duān wěn le shí sì yì zhōng guó rén de fàn wǎn.

Sản lượng lương thực cả năm của nước ta trong nhiều năm liên tiếp duy trì ở mức trên 1,3 nghìn tỷ cân (650 triệu tấn), giữ chắc vững vàng bát cơm của 1,4 tỷ người dân Trung Quốc.

19 nét

HÁN VIỆT: TOÀN NIÊN

HSK 2 (3.0)

Tính từ

#438

全身

quánshēn

toàn bộ cơ thể

在面对复杂的挑战时, 保持全身的心态尤为重要。

zài miàn duì fù zá de tiǎo zhàn shí, bǎo chí quán shēn de xīn tài yóu wéi zhòng yào.

Khi đối mặt với những thử thách phức tạp, giữ tâm thái toàn bộ cơ thể đặc biệt quan trọng.

21 nét

HÁN VIỆT: TOÀN THÂN



HSK 2 (3.0)

Danh từ

#448

日子

rìzi

ngày tháng, cuộc sống những ngày qua

脱贫攻坚让山乡发生了翻天覆地的历史性巨变，老百姓的日子过得一天比一天更加红火幸福。

Tuō pín gōng jiàn ràng shān xiāng fā shēng le fān tiān fù dǐ de lì shǐ xìng jù biàn, lǎo bǎi xìng de rì zi guò dé yì tiān bǐ yì tiān gèng jiā hóng huǒ xìng fú.

Xóa đói giảm nghèo đã khiến các làng quê vùng núi diễn ra sự thay da đổi thịt mang tính lịch sử nghiêng trời lệch đất, cuộc sống ngày tháng của bà con nhân dân ngày càng thêm ấm no hạnh phúc phát đạt.

22 nét

HÁN VIỆT: NHẬT TỬ

HSK 2 (3.0)

Liên từ

#449

如果

rúguǒ

nếu

如果你在自学汉语语法过程中遇到了任何疑惑，随时都可以向老师或中国朋友请教。

Rúguǒ nǐ zài zìxué Hànyǔ yǔfǎ guòchéng zhōng yù dào le rènhé yíhuò, suíshí dōu kěyǐ xiàng lǎoshī huò Zhōngguó péngyou qǐngjiào.

Nếu bạn gặp bất kỳ vướng mắc nào trong quá trình tự học ngữ pháp tiếng Trung, hãy thoải mái hỏi thầy cô hoặc bạn bè Trung Quốc bất cứ lúc nào.

20 nét

HÁN VIỆT: NHƯ QUẢ

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#450

入口

rùkǒu

lối vào, cửa vào, ngõ vào

大型国际会展中心东侧的主入口设置了高效智能的人脸识别与安检快速通道。

Dà xíng guó jì huì zhǎn zhōng xīn dōng cè de zhǔ rù kǒu chù shè zhì le gāo xiào zhì néng de rén liǎn shí bié yǔ ān jiǎn kuài sù tōng dào.

Tại cửa vào chính ở phía đông Trung tâm Triển lãm Quốc tế quy mô lớn đã lắp đặt làn kiểm tra an ninh và nhận diện khuôn mặt thông minh tốc độ cao.

27 nét

HÁN VIỆT: NHẬP KHẨU

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#451

商量

shāngliang

bàn bạc, thương lượng, trao đổi

遇到重大家庭决策时，夫妻双方应当坦诚相待、共同商量，切忌独断专行。

Yù dào zhòng dà jiā tíng jué cè shí, fū qī shuāng fāng yīng dāng tǎn chéng xiāng dài, gòng tóng shāng liáng, qiè jì dú duàn zhuān xíng.

Khi đứng trước các quyết định trọng đại của gia đình, vợ chồng nên thẳng thắn trao đổi, cùng nhau bàn bạc thấu đáo, tránh việc tự ý quyết định một mình.

23 nét

HÁN VIỆT: THƯƠNG LƯỢNG

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#452

商人

shāngrén

thương nhân, doanh nhân buôn bán

在共建“一带一路”国际经贸博览会上，来自全球数十个国家的外商商人齐聚一堂洽谈合作。

Zài gòng jiàn "yí dài yí lù" guó jì jīng mào bó lǎn huì shàng, lái zì quán qiú shù shí gè guó jiā de wài shāng shāng rén qí jù yì táng qiān tán hé zuò.

Tại Hội chợ Triển lãm Kinh tế Thương mại Quốc tế Cùng xây dựng 'Vành đai và Con đường', các thương nhân doanh nhân nước ngoài đến từ hàng chục quốc gia trên toàn cầu đã quy tụ cùng bàn bạc hợp tác.

21 nét

HÁN VIỆT: THƯƠNG NHÂN

HSK 2 (3.0)

Danh từ chỉ thời gian

#453

上周

shàngzhōu

tuần trước

上周在国家会议中心举行的世界青年科学家峰会上，多位青年才俊分享了颠覆性前沿创新成果。

Shàng zhōu zài guó jiā huì yì zhōng xīn jū xíng de shì jiè qīng nián kē xué jiā fēng huì shàng, duō wèi qīng nián cái jùn fēn xiǎng le diǎn fù xīng qián yán chuàng xīn chéng guǒ.

Tuần trước tại Hội nghị Thượng đỉnh Các Nhà Khoa học Trẻ Thế giới tổ chức ở Trung tâm Hội nghị Quốc gia, nhiều anh tài thanh niên đã chia sẻ những thành quả đổi mới sáng tạo tiên phong mang tính cách mạng.

22 nét

HÁN VIỆT: THƯỜNG CHU

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#454

少年

shàonián

thiếu niên, tuổi thiếu niên

少年强则国强，少年智则国智；广大青少年应当树立远大志向，勇攀科学文化高峰。

Shào nián qiáng zé guó qiáng, shào nián zhì zé guó zhì; guāng dà qīng shào nián yīng dāng shù lì yuǎn dà zhì xiāng, yǒng pān kē xué wén huà gāo fēng.

Thiếu niên mạnh thì đất nước mạnh, thiếu niên thông minh thì đất nước thông minh; đông đảo các bạn thanh thiếu niên cần xây dựng chí hướng lớn lao, đứng cảm trào lên đỉnh cao văn hóa khoa học.

18 nét

HÁN VIỆT: THIẾU NIÊN

HSK 2 (3.0)

Danh từ / Số lượng

#455

少数

shǎoshù

thiểu số, số ít

在现代化决策体系中，既要充分尊重多数人的意见，又要切实保护和倾听少数人的合理建议。

Zài xiàn dài huà jué cè tǐ xì zhōng, jì yào chōng fēn zūn zhòng fēn zūn zhòng duō shù rén de yì jiàn, yòu yào qiè shí bǎo hù hé qīng tīng shǎo shù rén de hé lǐ jiàn yì.

Trong hệ thống đưa ra quyết sách hiện đại hóa, vừa phải tôn trọng đầy đủ ý kiến của số đông, lại vừa phải lắng nghe và bảo vệ thiết thực những kiến nghị hợp lý của số ít thiểu số.

21 nét

HÁN VIỆT: THIỂU SỐ

HSK 2 (3.0)

Danh từ chỉ nơi chốn

#456

身边

shēnbiān

bên cạnh, bên mình, xung quanh mình

我们要善于发现身边平凡人的不凡奉献，向身边的道德楷模与劳动模范学习致敬。

Wǒ men yào shàn yú fā xiàn shēn biān píng fán rén de bù fán fèng xiàn, xiàng shēn biān de dào dé kǎo mǔ yǔ láo dòng mó fàn xué xí zhì jīng.

Chúng ta cần biết cách phát hiện sự cống hiến phi thường của những con người bình dị ở bên cạnh bên mình, học tập và nghiêng mình kính trọng những tấm gương đạo đức và chiến sĩ thi đua lao động xung quanh mình.

21 nét

HÁN VIỆT: THÂN BIÊN



HSK 2 (3.0)

Đại từ nghi vấn

#457

什么样

shénmeyàng

như thế nào, loại gì, hình dáng ra sao

请问建设世界一流大学和优势学科到底需要具备什么样的核心战略支撑与高水平师资队伍?

Qǐng wèn jiàn shè shì yì jiè yì liú dà xué hé yōu shì xué kē dǐ xū yào jù bēi shén me yàng de hé xīn zhàn lüè zhī chēng yǔ gāo shuǐ píng shī zī duì wú?

Xin hỏi xây dựng trường đại học đẳng cấp hàng đầu thế giới và các ngành học mũi nhọn tốt cuộc cần phải sở hữu đội ngũ giảng viên trình độ cao và điểm tựa chiến lược cốt lõi như thế nào?

32 nét

HÁN VIỆT: THẬM YÊU DẠNG

HSK 2 (3.0)

Động từ / Tính từ / Danh từ

#458

生

shēng

sinh ra, sinh trưởng; sống (chưa chín); học sinh sinh viên

大自然生生不息、充满无限生机。人与自然应当和谐共生、共建绿色美好家园。

Dà zì rán shēng shēng bù xī, chōng mǎn wú xiàn shēng jī. Rén yǔ zì rán yīng dāng hé xié gòng shēng, gòng jiàn lǜ sè měi hǎo jiā yuán.

Thiên nhiên sinh sôi nảy nở đời đời bất diệt, tràn ngập sức sống vô bờ bến, con người và tự nhiên cần sống hài hòa cùng nhau, cùng xây dựng mái nhà chung tươi đẹp xanh biếc.

10 nét

HÁN VIỆT: SINH

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#459

生词

shēngcí

từ mới (trong học ngoại ngữ)

学习汉语时，我们要善于把课本上的生词放入真实的日常对话语境中反复实践运用。

Xué xí hàn yǔ shí, wǒ men yào shàn yú bǎ kè běn shàng de shēng cí fàng rù zhēn shí de rì cháng duì huà yǔ jīng zhōng fǎn fù shí jiàn yùn yòng.

Khi học tiếng Hán, chúng ta cần biết cách đặt các từ mới trong sách giáo khoa vào trong ngữ cảnh đàm thoại giao tiếp hàng ngày chân thực để vận dụng thực hành lặp đi lặp lại.

23 nét

HÁN VIỆT: SINH TỪ

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#460

生活

shēng huó

cuộc sống, sinh hoạt, sinh sống

热爱生活的人总能在平淡琐碎的日常烟火气中，发现诗意的美好与无限的乐趣。

Rè ài shēng huó de rén zǒng néng zài píng dàn suǒ suǐ de rì cháng yān huǒ qì zhōng, fā xiàn shī yì de měi hǎo yǔ wú xiàn de lè qù.

Người biết yêu cuộc sống luôn có thể tìm thấy vẻ đẹp thi vị cùng niềm vui bất tận ngay trong chính những điều bình dị, đời thường nơi phố thị.

23 nét

HÁN VIỆT: SINH HOẠT

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#461

声音

shēng yīn

âm thanh

她播音主持的声音清脆甜美、富有磁性，给听众留下了极其深刻的美好印象。

Tā bō yīn zhǔ chí de shēng yīn qīng cuī tián měi, fù yǒu cí xīng, gěi tīng zhòng liú xià le jí qí shēn kè de měi hǎo yìn xiàng.

Giọng đọc phát thanh dẫn chương trình của cô ấy trong trẻo ngọt ngào và đầy truyền cảm, để lại ấn tượng tốt đẹp vô cùng sâu sắc trong lòng thính giả.

20 nét

HÁN VIỆT: THANH ÂM

HSK 2 (3.0)

Động từ

#462

省

shěng

tỉnh (đơn vị hành chính); tiết kiệm, lược bớt

云南省自然资源极其丰富，拥有令人心驰神往的秀美风光与独特的多元民族风情。

Yún nán shěng zì rán zī yuán jí qí fēng fù, yǒng yǒu líng rén xīn chí shén wǎng de xiù měi fēng guāng yǔ dú tè de duō yuán mín zú fēng qíng.

Tỉnh Vân Nam có nguồn tài nguyên thiên nhiên vô cùng phong phú, sở hữu cảnh sắc tươi đẹp say đắm lòng người cùng nét đặc sắc văn hóa đa dân tộc.

9 nét

HÁN VIỆT: TỈNH

HSK 2 (3.0)

Số từ

#463

十分

shí fēn

vô cùng, rất, hết sức, mười phần

得知我国青年科研团队在量子精密测量领域取得重大突破的消息，大家感到十分振奋与自豪。

Dé zhī wǒ guó qīng nián kē yán tuán duì zài zì lǎng zǐ jīng mì cè liáng lǐng yù qǔ dé zhòng dà tú pò de xāo xī, dà jiā gǎn dào shí fēn zhèn fèn yǔ zì háo.

Nhận được tin đội ngũ nghiên cứu khoa học trẻ của nước nhà đạt bước đột phá trọng đại trong lĩnh vực đo lường lượng tử chính xác, ai nấy đều cảm thấy vô cùng phấn chấn và tự hào.

26 nét

HÁN VIỆT: THẬP PHẦN

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#464

实际

shí jì

thực tế, thực tiễn

在制定企业经营战略时切忌脱离市场实际，必须脚踏实地根据客户真实需求开展产品创新。

Zài zhì dìng qì yè jīng yíng zhàn lüè shí qiè jì tuō lí shì chǎng shí jì, bì xū jiǎo tà shí dì gēn jù kè hù zhēn shí xū qiú kāi zhǎn chǎn pǐn chuàng xīn.

Khi hoạch định chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp tuyệt đối chớ nên xa rời thực tế thị trường, nhất thiết phải bám sát nhu cầu thực tế của khách hàng để sáng tạo sản phẩm.

24 nét

HÁN VIỆT: THỰC TẾ

HSK 2 (3.0)

Động từ / Danh từ

#465

实习

shí xí

thực tập, đợt thực tập

在国家重点实验室开展为期一年的毕业科研实习期间，他系统掌握了前沿基因编辑实验全流程技能。

Zài guó jiā zhòng yān shí yàn shì kāi zhǎn wéi qī yí nián de bì yè kē yán shí xí qī jiān, tā xì tǒng zhāng wò le qián yán jī yīn biān jí shí yàn quán liú chéng jì néng.

Trong thời gian thực tập nghiên cứu khoa học tốt nghiệp kéo dài một năm tại Phòng Thí nghiệm Trọng điểm Quốc gia, anh đã nắm vững một cách hệ thống toàn bộ kỹ năng quy trình thực nghiệm chỉnh sửa gen tiên phong.

22 nét

HÁN VIỆT: THỰC TẬP



HSK 2 (3.0)

Động từ

#466

实现

shí xiàn

thực hiện, hiện thực hóa, đạt được

全体中华儿女团结一心、接续奋斗，必将全面实现中华民族伟大复兴的宏伟奋斗目标。

Quán tǐ zhōng huá ér nǚ tuán jié yī xīn, jiē xù fèn dòu, bì jiāng quán miàn shí xiàn zhōng huá míng zú wèi dà fù xīng de hóng wěi fèn dòu mù biāo.

Toàn thể con Lạc cháu Hồng đoàn kết một lòng, tiếp nối sự nghiệp phấn đấu gian nan nhất định sẽ hiện thực hóa toàn diện mục tiêu phấn đấu hùng vĩ phục hưng vĩ đại dân tộc.

26 nét

HÁN VIỆT: THỰC HIỆN

HSK 2 (3.0)

Tính từ

#467

实在

shí zài

thật thà, thực tế, quả thực

这位老匠人为人朴实实在，做工极其精细，深得街坊邻里的一致好评。

Zhè wèi lǎo jiàng rén wéi rén pǔ shí shí zài, zuò gōng jí qí jīng xì, shēn dé jiē fāng lín lǐ de yí zhì hǎo píng.

Người thợ thủ công già này tính tình chất phác thật thà, tay nghề làm đồ cực kỳ tỉ mỉ, được bà con lối xóm hết lời khen ngợi.

23 nét

HÁN VIỆT: THỰC TẠI

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#468

食物

shí wù

thức ăn, thực phẩm

保证食品安全与食物营养均衡，是直接关系到千家万户身体健康与生命安全的民生头等大事。

Bǎo zhèng shí pǐn ān quán yǔ shí wù yíng yǎng jūn héng, shì zhí jiē guān xi dào qiān jiā wàn hù shēn tǐ jiàn kāng yǔ shēng míng ān quán de mín shēng tóu dēng dà shì.

Bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm và cân bằng dinh dưỡng trong thức ăn là đại sự dân sinh hàng đầu liên quan trực tiếp đến sức khỏe và tính mạng an toàn của hàng triệu dân gia đình.

22 nét

HÁN VIỆT: THỰC VẬT

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#469

使用

shǐ yòng

sử dụng, dùng

正确规范地使用各类实验室高端精密仪器，不仅能确保实验精度，还能有效延长设备使用寿命。

Zhèng què guī fàn dì shǐ yòng gè lèi shí yàn shì gāo duān jīng mì yí qì, bù jǐn néng què bǎo shí yàn jīng dù, hái néng yǒu xiào yán cháng shè bèi shǐ yòng shòu mìng.

Sử dụng đúng quy chuẩn các loại thiết bị chính xác cao cấp trong phòng thí nghiệm không chỉ đảm bảo độ chuẩn xác của thực nghiệm mà còn kéo dài tuổi thọ vận hành của máy móc.

22 nét

HÁN VIỆT: SỬ DỤNG

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#470

市

shì

thành phố, thị xã; chợ

这座现代化海滨创新型城市全面构建了以绿色低碳和高端数字制造为核心的产业集群体系。

Zhè zuò xiàn dài huà hǎi bīn chuàng xīn xíng chéng shì quán miàn gòu jiàn le yǐ lǜ sè dī tàn hé gāo duān shù zì zhì zào wéi hé xīn de chǎn yè jī tǐ xì.

Thành phố đổi mới sáng tạo ven biển hiện đại hóa này đã xây dựng toàn diện hệ thống cụm ngành công nghiệp lấy chế tạo kỹ thuật số cao cấp và xanh ít phát thải carbon làm hạt nhân cốt lõi.

8 nét

HÁN VIỆT: THỊ

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#471

市长

shì zhǎng

thị trưởng, người đứng đầu thành phố

市长在国际友好城市合作峰会上发表主旨演说，热情推介本市一流的创新生态与法治化营商环境。

Shì zhǎng zài guó jì yǒu hǎo chéng shì hé zuò féng huì shàng fā biǎo zhǔ zhǐ yǎn shuō, rè qíng tuī jiàn běn shì yí liú de chuàng xīn shēng tài yǔ fǎ zhì huà yíng shāng huán jīng.

Thị trưởng tại Hội nghị Thượng đỉnh Hợp tác Thành phố Hữu nghị Quốc tế đã có bài phát biểu chủ đề, nhiệt tình quảng bá giới thiệu môi trường kinh doanh pháp trị hóa và hệ sinh thái đổi mới sáng tạo đẳng cấp hàng đầu của thành phố.

18 nét

HÁN VIỆT: THỊ TRƯỞNG

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#472

事情

shì qing

việc, sự việc

今天有很多事情要做。

Jīn tiān yǒu hěn duō shì qing yào zuò.

Hôm nay có rất nhiều việc phải làm.

19 nét

HÁN VIỆT: SỰ TÌNH

HSK 2 (3.0)

Động từ

#473

收

shōu

nhận được

老师鼓励大家积极收，勇于探索新的知识。

Lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí shōu, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực nhận được, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

11 nét

HÁN VIỆT: THU

HSK 2 (3.0)

Động từ

#474

收到

shōu dào

nhận được (thư từ, quà tặng, giải thưởng)

当在海外求学的青年学者收到国家自然科学基金重点研发项目的立项资助通知时，内心无比激动。

Dāng zài hǎi wài qiú xué de qīng nián xué zhě shōu dào guó jiā zì rán kē xué jī jīn zhòng diǎn yán fā xiàng mù de lì xiàng zī zhù tōng zhī shí, nèi xīn wú bǐ jī dòng.

Khi người học giả trẻ tuổi đang du học ở nước ngoài nhận được thông báo cấp kinh phí tài trợ lập dự án nghiên cứu phát triển trọng điểm của Quỹ Khoa học Tự nhiên Quốc gia, trong lòng xúc động vô bờ bến.

24 nét

HÁN VIỆT: THU ĐÁO



HSK 2 (3.0)

Danh từ

#475

收入

shōu rù

thu nhập

通过持续优化产业结构与扶持特色农业，当地农户的人均年可支配收入实现了稳步翻番。

Tōng guò chí xù yōu huà chǎn yè jié gòu yǔ fú chí tè sè nóng yè, dāng dì nóng hù de rén jūn nián kě支配收入实现了稳步翻番。

Thông qua việc liên tục tối ưu hóa cơ cấu ngành nghề và hỗ trợ nông nghiệp đặc sản, thu nhập khả dụng bình quân đầu người hàng năm của các hộ nông dân địa phương đã tăng gấp đôi một cách vững chắc.

24 nét

HÁN VIỆT

THU NHẬP

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#476

手表

shǒu biǎo

đồng hồ đeo tay

这块手表很漂亮。

Zhè kuài shǒubiǎo hěn piàoliang.

Chiếc đồng hồ đeo tay này rất đẹp.

25 nét

HÁN VIỆT

THỦ BIỂU

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#477

受到

shòu dào

nhận được, chịu (tác động)

由于在国际青年公益环保行动中表现优异，这位大学生志愿者受到了联合国教科文组织的嘉奖。

Yóu yú zài guó jì qīng nián gōng yì huán bǎo xíng dòng zhōng biǎo xiàn yōu yì, zhè wèi dà xué shēng zhì yuàn zhě shòu dào le lián hé guó jiào kē wén zǔ zhī de jiǎ jiǎng.

Nhờ có thành tích xuất sắc trong các chiến dịch bảo vệ môi trường vì cộng đồng của thanh niên quốc tế, bạn sinh viên tình nguyện này đã vinh dự nhận được bằng khen từ UNESCO.

22 nét

HÁN VIỆT

THỌ ĐÁO

HSK 2 (3.0)

Tính từ

#478

舒服

shū fu

dễ chịu, thoải mái khoan khoái

经过一整天紧张充实的科研攻关，洗个热水澡坐在阳台吹着晚风喝杯清茶，让人感到格外舒服惬意。

Jīng guò yí zhěng tiān jǐn zhāng chōng shí de kē yán gōng guān, xǐ gè rè shuǐ zǎo zuò zài yáng tái chuī zhe wǎn fēng hē bēi qīng chá, ràng rén gǎn dé gè wài shū fu qiè yì.

Trải qua một ngày nghiên cứu khoa học vượt khó đầy căng thẳng và bổ ích, tắm nước nóng rồi ngồi ngoài ban công đón làn gió tối nhâm nhi chén trà thanh đạm, khiến con người cảm thấy vô cùng khoan khoái thoải mái dễ chịu.

27 nét

HÁN VIỆT

THƯ PHỤC

HSK 2 (3.0)

Tính từ

#479

熟

shú

chín (thức ăn); quen thuộc, thuần thục

金秋十月，北方万亩生态果园里红彤彤的苹果全都熟透了，散发出诱人的果香。

Jīn qiū shí yuè, běi fāng wàn mǔ shēng tài guǒ yuán lǐ hóng tóng tóng de píng guǒ quán dōu shú tōu le, sǎn fā chū yòu rén de guǒ xiāng.

Tháng Mười mùa thu vàng, những trái táo đỏ rực trong vườn cây ăn quả sinh thái vạn mẫu phương Bắc đều đã chín kỹ chín mọng, tỏa ra hương thơm hoa quả quyến rũ.

10 nét

HÁN VIỆT

THỤC

HSK 2 (3.0)

Số từ / Danh từ

#480

数

shǔ

số, con số; đếm, tính toán; nổi bật nhất

在世界大跨度桥梁与高原铁路建设史上，能够攻克如此复杂地质极限考验的工程壮举可谓屈指可数。

Zài shì jiè dà kuà dù qiáo liáng yǔ gāo yuán tiě lù jiàn shè shǐ shàng, néng gòu gōng kè rú cǐ fù zá dì zhì jī xiàn kǎo yàn de gōng chéng zhuàng jǔ kě wèi qǔ zhǐ kě shù.

Trong lịch sử xây dựng đường sắt cao nguyên và các cây cầu nhịp lớn trên thế giới, những kỳ tích công trình có thể chinh phục được thử thách cực hạn địa chất phức tạp đến nhường này thực sự chỉ có thể đếm trên đầu ngón tay.

13 nét

HÁN VIỆT

SỐ

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#481

数字

shù zì

con số, chữ số, kỹ thuật số

这些翔实精准的统计数字背后，凝结着全组科研人员夜以继日、求真务实的辛勤汗水。

Zhè xiē xiáng shí jīng zhǔn de tǒng jì shù zì bèi hòu, níng jié zhe quán zǔ kē yán rén yǐ jì rì, qiú zhēn wú shí de xīn qín hàn shuǐ.

Đằng sau những con số thống kê chuẩn xác và chi tiết này là kết tinh bao giọt mồ hôi công sức miệt mài ngày đêm và tinh thần làm việc thực tế của toàn thể cán bộ nghiên cứu.

24 nét

HÁN VIỆT

SỐ TỰ

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#482

水平

shuǐ píng

cấp độ

通过系统性的高强度听说读写综合训练，学员们的实际商务汉语应用水平得到了飞速提升。

Tōng guò xì tǒng xìng de gāo qiáng dù tīng shuō dú xiě zōng hé xùn liàn, xué yuán men de shí jì shāng wù Hànyǔ yìng yòng shuǐ píng dé dào le fēi sù tí shēng.

Thông qua chương trình rèn luyện nghe nói đọc viết toàn diện có hệ thống, trình độ ứng dụng tiếng Trung thương mại thực tế của các học viên đã tiến bộ vượt bậc.

18 nét

HÁN VIỆT

THỦ BÌNH

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#483

顺利

shùn lì

suôn sẻ, thuận lợi, trôi chảy

在各部门的高效协作与严密保障下，本次大型国际峰会开幕式与主论坛议程圆满顺利举行。

Zài gè bù mén de gāo xiào xié zuò yǔ yán mì bǎo zhàng xià, běn cì dà xíng guó jì fēng huì kāi mǔ shì yǔ zhǔ lùn tán yì chéng yuán mǎn shùn lì jǔ xíng.

Dưới sự phối hợp nhịp nhàng và bảo đảm an ninh nghiêm ngặt của các bộ ban ngành, lễ khai mạc và các phiên nghị sự chính của Hội nghị thượng đỉnh quốc tế đã diễn ra vô cùng thuận lợi và tốt đẹp.

23 nét

HÁN VIỆT

THUẬN LỢI



HSK 2 (3.0)

Danh từ

#484

说明

suō míng

thuyết minh, giải thích, chứng minh

这份详尽的实验检测报告有力地说明了该新型高分子材料具有极其优良的耐高温性能。
Zhè fèn xiǎng jìn de shí yàn jiǎn cè bào gào yǒu lì dì shuō míng le gāi xīn xíng gāo fēn zǐ cái liào jù yǒu jí qí yōu liáng de nài gāo wēn xīng néng.
Bản báo cáo kiểm định thực nghiệm chi tiết này đã chứng minh một cách thuyết phục rằng loại vật liệu polyme mới này sở hữu tính năng chịu nhiệt độ cao vô cùng vượt trội.

20 nét

HÁN VIỆT: THUYẾT MINH

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#485

司机

sī jī

người lái xe

这位经验丰富的老出租车司机师傅不仅车技娴熟平稳, 而且对本市大街小巷的路线了如指掌。
Zhè wèi jīng yàn fēng fù de lǎo chū zū chē sī jī fū zhǔ bù jǐn chē jì xián shú píng wěn, ér qiě duì běn shì dà jiē xiǎo xiàng de lù xiàn liǎo rú zhǐ zhǎng.
Bác tài xế taxi già giàu kinh nghiệm này không những tay lái vững vàng êm ái mà còn thuộc lòng từng ngõ ngách đường phố của thành phố như lòng bàn tay.

23 nét

HÁN VIỆT: TÍ CƠ

HSK 2 (3.0)

Động từ

#486

送到

sòng dào

gửi tới, đưa tới tận nơi

在特大自然灾害发生后, 国家应急保障物资以最快速度空运并安全送到了灾区群众手中。
Zài tè dà zì rán zāi hài fā shēng hòu, guó jiā yìng jí bǎo zhàng wù zī yǐ zuì kuài sù dù kòng yùn bǐng ān quán sòng dào le zāi qū qún zhòng shǒu zhōng.
Sau khi xảy ra thảm họa thiên tai đặc biệt lớn, hàng hóa vật tư bảo đảm khẩn cấp quốc gia đã được vận chuyển bằng đường hàng không với tốc độ nhanh nhất và đưa tới gửi tới an toàn tận tay bà con nhân dân vùng thiên tai.

24 nét

HÁN VIỆT: TỐNG ĐÁO

HSK 2 (3.0)

Động từ

#487

送给

sòng gěi

tặng cho, trao tặng gửi gắm

少先队员们怀着无比崇敬的心情, 把亲手制作的精美贺卡与鲜花送给为国奉献的老英雄。
Shǎo xiān duì yuán men huái zhe wú bǐ chóng jīng de xīn qíng, bǎ qīn shǒu zhì zuò de jīng měi hè kǎ yǔ xiān huà sòng gěi wéi guó fèng xiàn de lǎo yīng xióng.
Các đội viên Thiếu niên Tiền phong mang theo tâm trạng vô cùng tôn kính, đã trao tặng tặng cho người anh hùng lão thành đã cống hiến cho đất nước những bông hoa tươi cùng tấm thiệp chúc mừng tình hảo do tự tay mình làm.

19 nét

HÁN VIỆT: TỐNG CẤP

HSK 2 (3.0)

Động từ

#488

算

suàn

tính toán, coi như

这道高难度的高等数学题目需要运用微积分公式进行多步严密推算才能得出精确结果。
Zhè dào gāo nán dù de gāo děng shù xué tí mù xū yào yùn yòng wēi jī fēn gōng shì jìn xíng duō bù yán mì tuī suàn cái néng dé chū jīng què jié guǒ.
Bài toán toán cao cấp độ khó cao này cần vận dụng công thức vi tích phân để tính toán nhiều bước chặt chẽ mới ra được kết quả chính xác.

14 nét

HÁN VIỆT: TOÁN

HSK 2 (3.0)

Liên từ

#489

虽然

suī rán

Mặc dù

虽然在异国他乡求学需要克服语言和文化差异等多重挑战, 但他依然坚定乐观地面对一切。
Suī rán zài yì guó tā xiāng qú xué xū yào kè fú yǔ yán hé wén huà chā yì děng duō chóng tiǎo zhàn, dàn tā yī rán jiǎn dìng lè guān de miàn duì yí qiè.
Tuy rằng du học nơi đất khách quê người cần phải vượt qua nhiều rào cản như ngôn ngữ và sự khác biệt văn hóa, nhưng bạn ấy vẫn kiên định và lạc quan đối diện với tất cả.

21 nét

HÁN VIỆT: TUY NHIÊN

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#490

随便

suí biàn

tùy tiện, tự nhiên, tùy ý

做客时主人热情地招待大家吃水果点心, 并笑着说: “大家千万别客气拘束, 请随便享用。”
Zuò kè shí zhǔ rén rè qíng de zhāo dài dà jiā chī guǒ diǎn xīn, bìng xiào zhe shuō: “dà jiā qiān wàn bié kè qì jū shù, qǐng suí biàn xiǎng yòng.”
Khi đến chơi nhà, chủ nhà niềm nở mời mọi người dùng hoa quả bánh kẹo và mỉm cười bảo: “Mọi người đừng khách sáo quá gượng gạo nhé, cứ tự nhiên thưởng thức ạ.”

20 nét

HÁN VIỆT: TÙY TIỆN

HSK 2 (3.0)

Phó từ

#491

随时

suí shí

bất cứ lúc nào, mọi lúc

市民只需打开政务手机应用程序, 就可以随时随地在线查询社保缴纳记录与公积金余额。
Shì mīn zhǐ xū dǎ kāi zhèng wù shǒu jī yòng chéng xù, jiù kě yǐ suí shí suí dì zài xiàn chá xún shè bǎo jiǎo nà jì lù yǔ gōng jī jīn yú é.
Người dân chỉ cần mở ứng dụng hành chính công trên điện thoại di động là có thể tra cứu trực tuyến hồ sơ đóng bảo hiểm xã hội và số dư quỹ nhà ở bất cứ lúc nào và ở bất kỳ đâu.

23 nét

HÁN VIỆT: TÙY THỜI

HSK 2 (3.0)

Liên từ

#492

所以

suǒ yǐ

Vì vậy

因为下雨, 所以我们没去。
Yīn wéi xià yǔ, suǒ yǐ wǒ men méi qù.
Bởi vì trời mưa nên chúng tôi không đi.

19 nét

HÁN VIỆT: SỞ DĨ



HSK 2 (3.0)

Danh từ

#493

所有

suǒ yǒu

tất cả, toàn bộ, sở hữu

经过全体抢险救援人员连续三昼夜的奋力搜救，所有被困群众均已安全脱险并妥善安置。

Jīng guò quán tǐ qiǎng xiǎn jiù yuán rén yuán lián xù sān zhòu yè de fèn lì sōu jiù, suǒ yǒu bèi kùn qún zhòng jūn yǐ ān quán tuō xiǎn bìng tuǒ shàn ān zhì.

Sau 3 ngày 3 đêm nỗ lực tìm kiếm cứu nạn liên tục của toàn thể lực lượng cứu hộ, tất cả bà con bị mắc kẹt đều đã thoát hiểm an toàn và được bố trí nơi ở chu đáo.

18 nét

HÁN VIỆT : SỞ HỮU

HSK 2 (3.0)

Đại từ

#494

它

tā

nó

这是一只小猫，它很可爱。

Zhè shì yì zhī xiǎo māo, tā hěn kě ài.

Đây là một chú mèo con, nó rất đáng yêu.

13 nét

HÁN VIỆT : THA

HSK 2 (3.0)

Đại từ

#495

它们

tāmen

chúng, chúng nó (chỉ đồ vật, con vật)

在大熊猫国家公园深处，野生大熊猫母子正在竹林间嬉戏，它们憨态可掬的模样惹人喜爱。

Zài dà xióng māo guó jiā gōng yuán shēn chù, yě shēng dà xióng māo mǔ zǐ zì zhèng zài zhú lín jiān xī xì, tāmen hān tài kě jū de mú yàng rě rén xǐ ài.

Nơi sâu thẳm Công viên Quốc gia Gấu trúc Lớn, hai mẹ con gấu trúc hoang dã đang đùa vui giữa rừng trúc, dáng vẻ ngộ nghĩnh đáng yêu của chúng chúng nó khiến ai nấy đều vô cùng yêu quý.

23 nét

HÁN VIỆT : THA MÔN

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#496

太太

tài tai

bà xã, phu nhân, bà lớn

老教授与太太相濡以沫半个多世纪，在科研与教学岗位上比翼齐飞、共同为国家培育了大批栋梁英才。

Lǎo jiào shòu yǔ tài tài xiāng rú yǔ mò bàn gè duō shí jì, zài kē yán yǔ jiào xué gǎng wèi shàng bǐ yì qí fēi, gòng tóng wéi guó jiā péi yù le dà pī dòng liáng yīng cái.

Vị giáo sư già cùng bà xã gắn bó keo sơn chia ngọt sẻ bùi hơn nửa thế kỷ, cùng nhau kề vai sát cánh trên cương vị nghiên cứu và giảng dạy ươm mầm nên biết bao nhân tài rừng cọt cho đất nước.

28 nét

HÁN VIỆT : THÁI THÁI

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#497

太阳

tài yáng

mặt trời

清晨，温暖明媚的太阳光穿透薄雾洒向生机勃勃的田野，唤醒了沉睡的大自然。

Qīng chén, wēn nuǎn míng mèi de tài yáng guāng chuān tòu báo wù sǎ xiàng shēng jī bó bó de tián yě, huàn xǐng le chén shuì de dà zì rán.

Sáng sớm, ánh nắng mặt trời ấm áp rực rỡ xuyên qua lớp sương mỏng rơi xuống cánh đồng tràn trề sức sống, đánh thức thiên nhiên đang say giấc nồng.

22 nét

HÁN VIỆT : THÁI DƯƠNG

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#498

态度

tài du

thái độ, quan điểm

面对复杂严峻的未知挑战，保持从容自信的心态与求真务实的工作态度至关重要。

Miàn duì fù zá yán jùn de wèi zhī tiǎo zhàn, bǎo chí cóng róng zì xìn de xīn tài yǔ qiú zhēn wù shí de gōng zuò tài dù zhì guān zhòng yào.

Đứng trước những thử thách bất định phức tạp và khốc liệt, việc giữ vững tâm thế tự tin ung dung cùng thái độ làm việc thực tế, cầu thị là vô cùng quan trọng.

19 nét

HÁN VIỆT : THÁI ĐỘ

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#499

讨论

tǎo lùn

thảo luận, bàn bạc

各位专家学者在圆桌闭门会议上就下一代前沿大语言模型架构展开了极其深入热烈的专题讨论。

Gè wèi zhuān jiā xué zhě zài yuán zhuō bì mén huì yì shàng jiù xià yì dài qián yán dà yǔ yán mó xíng jià gòu zhān kāi le jí qí shēn rù rè liè de zhuān tí tāo lùn.

Các chuyên gia học giả tại cuộc họp bàn tròn kín đã có những buổi thảo luận chuyên đề vô cùng sâu sắc và sôi nổi về kiến trúc mô hình ngôn ngữ lớn thế hệ tiếp theo.

19 nét

HÁN VIỆT : THẢO LUẬN

HSK 2 (3.0)

Lượng từ / Danh từ / Động từ

#500

套

tào

bộ, bộ đồ (lượng từ); bao bọc; khuôn mẫu

科研攻关团队自主研发成功了一整套具有完全自主知识产权的高精度工业母机控制系统。

Kē yán gōng guān tuán duì zì zhǔ yán fā chéng gōng le yì zhěng tào jù yǒu wán quán zì zhǔ zhī shǐ chǎn quán de gāo jīng dù gōng yè mǔ jī kòng zhì xì tǒng.

Nhóm nghiên cứu khoa học vượt khó đã tự chủ nghiên cứu chế tạo thành công một bộ hệ thống điều khiển máy công cụ công nghiệp độ chính xác cao sở hữu quyền sở hữu trí tuệ hoàn toàn độc lập.

10 nét

HÁN VIỆT : SÁO

HSK 2 (3.0)

Phó từ / Tính từ

#501

特别

tè bié

đặc biệt, vô cùng, hết sức

在重大科技工程攻坚战决战阶段，老科学家们展现出的严谨求实与奉献精神让人特别感动与敬佩。

Zài zhòng dà kē jì gōng chéng gōng jiàn jué zhàn jiē duàn, lǎo kē xué jiǎ men zhān xiàn chū de yán jìn qín shí yǔ fèng xiàn jīng shén ràng rén tè bié gǎn dòng yǔ jīng pèi.

Vào giai đoạn quyết chiến vượt khó của công trình khoa học công nghệ trọng đại, tinh thần cống hiến và sự nghiêm cần cầu thị do các nhà khoa học lão thành thể hiện khiến người ta đặc biệt vô cùng cảm động và khâm phục.

19 nét

HÁN VIỆT : ĐẶC BIỆT



HSK 2 (3.0)

Danh từ

#502

特点

tè diǎn

đặc điểm, nét đặc trưng

这款新型轻量化智能穿戴设备的最大显著特点在于超长续航与全天候精准健康体征监测。

Zhè kuǎn xīn xíng qīng liàng huà zhì néng chuān dài shè bèi de zuì dà xiǎn zhù tè diǎn zài yú cháng cháng xù háng yǔ quán tiān hòu jīng zhǔn jiàn kāng tǐ zhēng jiàn cè.

Đặc điểm nổi bật nhất của thiết bị đeo thông minh mỏng nhẹ thế hệ mới này nằm ở thời lượng pin siêu khủng cùng khả năng giám sát chỉ số sức khỏe chuẩn xác 24/7.

📖 22 nét

HÁN VIỆT : ĐẶC ĐIỂM

HSK 2 (3.0)

Tính từ / Động từ

#503

疼

téng

đau đớn; yêu thương xót xa

老红军虽然旧伤处每逢阴雨天仍会隐隐作疼，但他依然乐观坚强，经常向年轻一代讲述当年的英勇战斗岁月。

Lǎo hóng jūn suī rán jiù shāng chù měi féng yīn yǔ tiān réng huì yīn yīn zuò téng, dàn tā yī rán lè guān jiān qiáng, jīng cháng xiàng nián qīng yí dài jiǎng shù dāng nián de yīng yǒng zhàn dòu suì yuè.

Vị lão thành Hồng quân đau vết thương cũ mỗi khi gặp ngày mưa dầm gió bắc vẫn âm ỉ đau nhức đau đớn, nhưng ông vẫn luôn lạc quan kiên cường, thường xuyên kể cho thế hệ trẻ nghe về những năm tháng chiến đấu anh dũng năm xưa.

📖 13 nét

HÁN VIỆT : ĐÔNG

HSK 2 (3.0)

Động từ

#504

提

tí

đề cập đến

老师鼓励大家积极提，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí tí, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực đề cập đến, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

📖 10 nét

HÁN VIỆT : ĐỀ

HSK 2 (3.0)

Động từ

#505

提出

tíchū

đưa ra, đề xuất (ý kiến, kiến nghị, lý thuyết)

青年科学家敢于质疑权威，在前瞻性基础理论研究中创新性地提出了全新物理模型。

Qīng nián kē xué jiā gǎn yú zhì yí quán wēi, zài qián zhān xìng jī chū lǐ lùn yán jiū zhōng chuàng xīn xìng dì tí chū le quán xīn wù lǐ mó xíng.

Nhà khoa học trẻ tuổi dám nghi ngờ uy quyền giáo điều, trong nghiên cứu lý thuyết cơ bản có tính nhìn xa trông rộng đã đề xuất đưa ra mô hình vật lý hoàn toàn mới một cách đầy sáng tạo đổi mới.

📖 18 nét

HÁN VIỆT : ĐỀ XUẤT

HSK 2 (3.0)

Động từ

#506

提到

tídào

nhắc đến, đề cập tới

在联合国国际多边合作高级别峰会上，多国领导人在发言中高度评价了中方提出的人类命运共同体理念。

Zài lián hé guó guójì duō biān hé zuò gāo jí bié fēng huì shàng, duō guó lǐng dǎo rén zài fā yán zhōng gāo dù píng jià le zhōng fāng tí chū de rén lè mìng yùn gòng tóng tǐ lǐ niàn.

Tại Hội nghị Thượng đỉnh Cấp cao Hợp tác Đa phương Quốc tế Liên Hợp Quốc, các nhà lãnh đạo nhiều quốc gia trong bài phát biểu đã đánh giá cao và nhắc đến đề cập tới quan niệm Cộng đồng Chung Vận mệnh Nhân loại do phía Trung Quốc đề xuất.

📖 23 nét

HÁN VIỆT : ĐỀ ĐÁO

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#507

提高

tígāo

cải thiện

每天坚持阅读优质中文报刊并朗读核心段落，是快速提高语感和词汇量的黄金方法。

Měitiān jiān chí yuè dú yōu zhì Zhōng wén bào kān bìng lǎng dú hé xīn duàn luò, shì kuài sù tí gāo yǔ gǎn hé cí huái liàng de huáng jīn fāng fǎ.

Mỗi ngày kiên trì đọc báo chí tiếng Trung chất lượng cao và đọc to các đoạn văn trọng tâm là phương pháp vàng để nâng cao cảm giác ngôn ngữ và vốn từ vựng cấp tốc.

📖 24 nét

HÁN VIỆT : ĐỀ CAO

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#508

题

tí

câu hỏi, đề bài

这道题很简单。

Zhè dào tí hěn jiǎn dān.

Câu hỏi này rất đơn giản.

📖 12 nét

HÁN VIỆT : ĐỀ

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#509

体育

tǐ yù

các môn thể thao

积极参与各类户外运动竞技运动不仅能增强体质，还能培养顽强的拼搏精神。

Jī jí cān yù gè lèi hù wài tǐ yù jìng jì yùndòng bù jìn néng zēng qiáng tǐ pò, hái néng péi yǎng wán qiáng de pīn bó jīng shén.

Tích cực tham gia các môn thể thao thi đấu ngoài trời không chỉ nâng cao thể lực mà còn rèn luyện ý chí phấn đấu ngoan cường.

📖 20 nét

HÁN VIỆT : THỂ DỤC

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#510

体育场

tǐ yù chǎng

sân vận động ngoài trời

国家体育场“鸟巢”那宏伟壮观的钢结构建筑艺术与绿色低碳运营模式，成为了世界建筑史上的传世经典。

Guó jiā tǐ yù chǎng "niǎo cháo" nà hóng wēi zhuàng guān de gāng jié gòu jiàn zhù yì shù yǔ lǜ sè dī tàn yùn yíng mó shì, chéng wéi le shì jiè jiàn zhù shǐ shàng de chuán shì jīng diǎn.

Nghệ thuật kiến trúc kết cấu thép hùng vĩ tráng lệ cùng mô hình vận hành xanh ít phát thải carbon của Sân vận động Quốc gia 'Tổ Chim' đã trở thành kiến tác kinh điển để đời trong lịch sử kiến trúc thế giới.

📖 28 nét

HÁN VIỆT : THỂ DỤC TRƯỜNG



HSK 2 (3.0)

Danh từ

#511

体育馆

tǐyùguǎn

nhà thi đấu thể thao, nhà tập thể
dục trong nhà

新建的城市奥体中心综合体育馆配备了国际顶级的比赛场地设施与智能化全景照明系统。

Xīn jiàn de chéng shì ào tǐ zhōng xīn zōng hé tǐ yù guǎn pèi bèi le guó jì dīng jí de bǐ sài chǎng dì shè shì yǔ zhì néng huà quán jǐng zhào míng xì tǒng.

Nhà thi đấu thể thao tổng hợp Trung tâm Thể thao Olympic thành phố mới xây được trang bị hệ thống chiếu sáng toàn cảnh thông minh hóa cùng các cơ sở vật chất sân thi đấu đỉnh cao quốc tế.

32 nét

HÁN VIỆT: THỂ DỤC QUÁN

HSK 2 (3.0)

Danh từ chỉ nơi chốn

#512

天上

tiānshàng

trên trời, bầu trời

夏夜仰望星空，天上璀璨浩瀚的银河与繁星闪烁，令人对浩瀚未知的宇宙产生无限遐想。

Xià yè yǎng wàng xīng kōng, tiān shàng cuǐ càn hào hàn de yín hé yǔ fán xīng shǎn shuò, lìng rén duì hào hàn wèi zhī de yǔ zhòu chǎn shēng wú xiàn xiǎng.

Đêm hè ngước nhìn bầu trời sao, dải Ngân Hà bao la lấp lánh cùng muôn vì sao tỏa sáng lung linh trên trời, khiến con người nảy sinh những tưởng tượng vô bờ bến đối với vũ trụ bao la huyền bí.

21 nét

HÁN VIỆT: THIÊN THƯỢNG

HSK 2 (3.0)

Lượng từ

#513

条

tiáo

Bài viết

这条新修通的高速公路如一条银色的巨龙蜿蜒在群山之间，极大缩短了城乡间的车程。

Zhè tiáo xīn xiū tōng de gāo sù gōng lù rú yì tiáo yín sè de jù lóng wǎn yán zài qún shān zhī jiān, jí dà suǒ duǎn le chéng xiāng jiān de chē chéng.

Tuyến đường cao tốc mới thông xe này tựa như con rồng bạc uốn lượn giữa núi non trùng điệp, rút ngắn đáng kể thời gian di chuyển giữa thành thị và nông thôn.

13 nét

HÁN VIỆT: ĐIỀU

HSK 2 (3.0)

Động từ

#514

条件

tiáo jiàn

điều kiện, tiêu chuẩn

这所现代化的重点中学不仅教学硬件设施一流，师资力量与住宿生活条件也十分优越。

Zhè suǒ xiàn dài huà de zhòng diǎn zhōng xué bù jǐn jiào xué yīng jiàn shè shì yì liú, shī zī lì liàng yǔ zhù sù shēng huó tiáo jiàn yě shí fēn yōu yuè.

Trường trung học trọng điểm hiện đại này không chỉ có cơ sở vật chất trang thiết bị dạy học hạng nhất mà đội ngũ giáo viên và điều kiện ăn ở sinh hoạt cũng vô cùng tiện nghi.

26 nét

HÁN VIỆT: ĐIỀU KIỆN

HSK 2 (3.0)

Động từ

#515

听讲

tīngjiǎng

nghe giảng, lắng nghe bài giảng

学术报告厅内座无虚席，全场青年学子全神贯注地听讲并认真记录大师的精辟见解。

Xué shù bào gào tīng nèi zuò wú xū xí, quán chǎng qīng nián xué zǐ quán shén guān zhù dì tīng jiǎng bìng rèn zhēn jì lù dà shī de jīng pì jiàn jiě.

Hội trường báo cáo học thuật chật kín không còn chỗ trống, toàn thể sinh viên thanh niên chăm chú tập trung nghe giảng và ghi chép cẩn thận những kiến giải sâu sắc của bậc thầy đại sư.

24 nét

HÁN VIỆT: DẪN GIẢNG

HSK 2 (3.0)

Động từ

#516

听说

tīng shuō

nghe thấy

老师鼓励大家积极听说，勇于探索新的知识。

Lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí tīng shuō, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực nghe thấy, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

20 nét

HÁN VIỆT: DẪN THUYẾT

HSK 2 (3.0)

Động từ

#517

停

tíng

dừng lại, ngừng, đỗ xe

列车平稳停靠在站台旁，乘务人员微笑着引导旅客们安全有序地下车。

Liè chē píng wěn tíng kào zài zhàn tái páng, chéng wù rén yuán wēi xiào zhe yīn dǎo lǚ kè mēn ān quán yǒu xù dì xià chē.

Đoàn tàu dừng lại êm thuận bên thêm ga, các nhân viên phục vụ mỉm cười hướng dẫn hành khách xuống xe an toàn và có trật tự.

14 nét

HÁN VIỆT: ĐÌNH

HSK 2 (3.0)

Động từ

#518

停车

tíngchē

đỗ xe, dừng xe

智慧城市交通管理系统能够实时引导车快速找到附近空余泊位，实现高效便捷停车。

Zhì huì chéng shì jiāo tōng guǎn lǐ xì tǒng néng gōu shí shí yīn dǎo chē zhǔ kuài sù zhǎo dào fù jìn kòng yú bō wèi, shí xiàn gāo xiào biàn jié tíng chē.

Hệ thống quản lý giao thông đô thị thông minh có thể dẫn đường theo thời gian thực giúp chủ xe nhanh chóng tìm được chỗ đỗ còn trống gần nhất, thực hiện việc đỗ xe dừng xe nhanh gọn và hiệu quả cao.

24 nét

HÁN VIỆT: ĐÌNH XA

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#519

停车场

tíngchēchǎng

bãi đỗ xe, bãi giữ xe

新建的大型地下智能立体停车场全部配备了新能源汽车超快充充电桩，极大便利了市民出行。

Xīn jiàn de dà xíng dì xià zhì néng lì tǐ tīng chē chǎng quán bù pèi bèi le xīn néng yuán qì chē chāo kuài chōng diàn zhuāng, jí dà biàn lì le shì mīn chū xíng.

Bãi đỗ xe bãi giữ xe lập thể thông minh dưới lòng đất quy mô lớn mới xây toàn bộ đều được trang bị các trụ sạc siêu nhanh cho xe ô tô năng lượng mới, tạo thuận tiện tối đa cho người dân đi lại.

32 nét

HÁN VIỆT: ĐÌNH XA TRẢNG



HSK 2 (3.0)

Động từ

#520

挺
tǐng

Khá

老师鼓励大家积极挺，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí tǐng, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực
Khá, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

14 nét

HÁN VIỆT: ĐỈNH

HSK 2 (3.0)

Tính từ / Cụm từ

#521

挺好
tǐng hǎo

rất tốt, khá tốt, tuyệt vời

看到基层医疗卫生服务中心硬件全面提升、
群众就医便捷，调研组专家称赞道：“这里
搞得挺好！”

Kàn dào jī céng yī liáo wèi shēng fú wù zhōng xīn
yíng jiàn quán miàn tí shēng, qún zhòng jiù yī
biàn jié, diào yán zǔ zhuan jiā chēng zàn dào:
"zhè lǐ gǎo dé tǐng hǎo!"

Nhìn thấy cơ sở vật chất phần cứng của trung
tâm dịch vụ y tế vệ sinh cơ sở được nâng cấp
toàn diện, người dân khám chữa bệnh thuận
tiện, chuyên gia tổ khảo sát đã khen ngợi:
'Nơi này làm được rất tốt khá tốt!'

27 nét

HÁN VIỆT: ĐỈNH HẢO

HSK 2 (3.0)

Động từ / Tính từ

#522

通
tōngthông, thông suốt, lưu thông;
thông thạo hiểu rõ

随着深中通道全线贯通通车，珠江口东西两
岸城市群跨入了大湾区半小时经济圈。

Suí zhe shēn zhōng tōng dào quán xiàn guān
tōng tōng chē, zhū jiāng kǒu dōng xī liǎng àn
chéng shì qún kuà rù le dà wǎn qū bàn xiǎo shí
jīng jì quān.

Cùng với việc toàn tuyến Hành lang Thẩm
Quyển - Trung Sơn thông xe thông suốt, cụm
đô thị hai bờ đông tây cửa sông Châu Giang
đã bước vào vòng kinh tế nửa tiếng của Vùng
Vịnh Lớn (Đại Loan Khu).

8 nét

HÁN VIỆT: THÔNG

HSK 2 (3.0)

Giới từ / Động từ

#523

通过
tōngguòthông qua, nhờ có; thi đỗ, thông
qua (dự thảo)

通过系统深入的理论推演与严谨的实验验
证，该物理学假设终于获得了国际学术界的一
致公认。

Tōng guò xì tǒng shēn rù de lǐ lùn tuī yǎn yǔ yán
jīn de shí yàn yàn zhèng, gāi wù lǐ xué jiǎ shuō
zhōng yú huò dé le guó jì xué shù jiè de yí zhì
gōng rèn.

Thông qua nhờ có sự suy diễn lý thuyết sâu
sắc có hệ thống cùng việc kiểm chứng thực
nghiệm nghiêm cẩn, giả thuyết vật lý này
cuối cùng đã nhận được sự công nhận nhất
trí của giới học thuật quốc tế.

17 nét

HÁN VIỆT: THÔNG QUÁ

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#524

通知
tōng zhī

thông báo, báo tin

教务处刚刚在校园官方网络平台上发布了关
于本学期期末考试日程安排与考场纪律的重
要通知。

Jiào wù chú gāng gāng zài xiào yuán guān fāng
wǎng luò píng tái shàng fā bù le guān yú běn xué
qī qì mò kǎo shì rì chéng ān pái yǔ kǎo chǎng jì lǜ
de zhòng yào tōng zhī.

Phòng Đào tạo vừa công bố thông báo quan
trọng trên cổng thông tin điện tử của trường
về lịch thi học kỳ và kỷ luật phòng thi của học
kỳ này.

21 nét

HÁN VIỆT: THÔNG TRI

HSK 2 (3.0)

Liên từ / Danh từ

#525

同时
tóng shí

đồng thời, cùng lúc đó

在加快推进经济高质量发展的同时，必须坚
定不移筑牢国家生态绿色安全屏障。

Zài jiā kuài tuī jìn jīng jì gāo zhì liàng fā zhǎn de
tóng shí, bì xǔ jiān dìng bǔ yí zhù lǎo guó jiǎ
shēng tài lǜ sè ān quán píng zhàng.

Trong khi đẩy nhanh phát triển kinh tế chất
lượng cao, đồng thời nhất thiết phải kiên
định xây đắp vững chắc bức tường thành an
toàn xanh sinh thái quốc gia.

27 nét

HÁN VIỆT: ĐỒNG THỜI

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#526

同事
tóng shì

đồng nghiệp

我和部门里的新老同事们相处得非常融洽，
大家在日常工作中经常互相支持与协作。

Wǒ hé bù mén lǐ de xīn lǎo tóng shì men xiāng chǔ
de fēi cháng róng qià, dà jiā zài rì cháng gōng zuò
zhōng jīng cháng hù xiāng zhī chí yǔ xié zuò.

Tôi và các đồng nghiệp cũ mới trong phòng
ban gần bó với nhau rất hòa thuận, mọi người
trong công việc thường nhật luôn sẵn sàng
tương trợ và phối hợp cùng nhau.

24 nét

HÁN VIỆT: ĐỒNG SỰ

HSK 2 (3.0)

Tính từ / Phó từ

#527

同样
tóng yàng

tương tự, giống nhau, cũng như vậy

在攀登科学巅峰与强国建设的伟大征程中，
基础研究与工程应用同样具有极其重要的战
略地位。

Zài pān dēng kē xué diān fēng yǔ qiáng guó jiàn
shè de wēi dà zhēng chéng zhōng, jī chǔ yán jiū
yǔ gōng chéng yìng yòng tóng yàng jù yǒu jí qí
zhòng yào de zhàn lüè dì wèi.

Trong hành trình vĩ đại xây dựng đất nước
giàu mạnh và trỗi lên đỉnh cao khoa học, ứng
dụng công trình và nghiên cứu cơ bản cũng
tương tự như vậy đều sở hữu vị thế chiến
lược vô cùng quan trọng.

23 nét

HÁN VIỆT: ĐỒNG DẠNG

HSK 2
(3.0)Danh từ / Lượng từ /
Tính từ

#528

头
tóuđầu, cái đầu; đầu tiên (đầu); con
(lượng từ)

科学家在显微镜下聚精会神地观察着，额
头上布满了细密的汗珠也全然不顾。

Kē xué jiā zài xiǎn wēi jīng xià jù jīng huì shén
dì guān chá zhe, é tóu shàng bù mǎn le xì mì de hàn
zhū yě quán rán bù gù.

Nhà khoa học chăm chú quan sát dưới kính
hiển vi, trên trán trên đầu phủ đầy những giọt
mồ hôi li ti cũng hoàn toàn không để tâm bận
lòng.

10 nét

HÁN VIỆT: ĐẦU



HSK 2 (3.0)

Danh từ

#529

头发

tóu fa

tóc

岁月如梭，母亲原本乌黑亮丽的长头发不知不觉间已悄然染上了几缕银白色的霜丝。

Suìyuè rú suǒ, mǔqīn yuánběn wūhēi liànglì de cháng tóufa bùzhī bùjué jiān yì qiǎorán rǎn shàng le jǐ lǚ yínbáisè de shuāngsī.

Năm tháng trôi đưa, mái tóc dài đen nhánh óng ả thuở nào của mẹ chẳng biết tự bao giờ đã điểm xuyết vài sợi bạc màu sương khói.

20 nét

HÁN VIẾT · ĐẦU PHÁT

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#530

图片

túpiàn

hình ảnh, bức ảnh tư liệu

这组由深空天文望远镜传回的高清遥感科学图片，清晰揭示了远古星系演变的壮观细节。

Zhè zǔ yóu shēn kōng tiān wén wàng yuǎn jìng chuán huí de gāo qīng yáo gǎn kē xué tú piàn, qīng xī jiē shì le yuǎn gǔ xīng xì yǎn biàn de zhuànguān xi xì jié.

Bộ hình ảnh bức ảnh khoa học viễn thám độ nét cao do kính viễn vọng thiên văn không gian sâu truyền về này đã hé lộ rõ ràng các chi tiết hùng vĩ về sự tiến hóa của các tinh hệ cổ xưa.

21 nét

HÁN VIẾT · ĐỒ PHẪM

HSK 2 (3.0)

Động từ

#531

推

tuī

đẩy

老师鼓励大家积极推，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí tuī, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực đẩy, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

12 nét

HÁN VIẾT · SUY

HSK 2 (3.0)

Động từ

#532

腿

tuǐ

chân

老师鼓励大家积极腿，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí tuǐ, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực chân, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

14 nét

HÁN VIẾT · THỐI

HSK 2 (3.0)

Danh từ chỉ nơi chốn

#533

外地

wàidì

nơi khác, ngoại tỉnh, ngoài địa phương

为了解决外地来京务工人员随迁子女的就学问题，政府出台了一系列保障性教育扶持政策。

Wèi le jiě jué wài dì lái jīng wù gōng rén suí qiān zǐ nǚ de jiù xué wèn tí, zhèng fǔ chū tái le yī xì liè bǎo zhàng xíng jiào yù fú chí zhèng cè.

Nhằm giải quyết vấn đề đi học của con em người lao động ngoại tỉnh nơi khác đến Bắc Kinh làm việc, chính phủ đã ban hành một loạt các chính sách hỗ trợ giáo dục mang tính bảo đảm xã hội.

20 nét

HÁN VIẾT · NGOẠI ĐỊA

HSK 2 (3.0)

Danh từ / Động từ

#534

外卖

wàimài

đồ ăn giao tận nơi, dịch vụ giao hàng mang đi

随着绿色环保行动的推广，外卖餐饮行业全面普及了全生物可降解环保餐盒与餐具包装。

Suí zhe lǜ sè huán bǎo xíng dòng de tuī guǎng, wài mǎi cān yǐn háng yè quán miàn pǔ jí le quán shēng wù kě jiàng jiě huán bǎo cān hé yǔ cān jù bāo zhuāng.

Cùng với việc nhân rộng hành động bảo vệ môi trường xanh, ngành dịch vụ ăn uống đồ ăn giao tận nơi mang đi đã phổ cập toàn diện hộp cơm và bao bì đồ dùng ăn uống thân thiện môi trường có thể phân hủy sinh học hoàn toàn.

21 nét

HÁN VIẾT · NGOẠI MẠI

HSK 2 (3.0)

Động từ

#535

完

wán

xong, hoàn thành

我做完作业了。

Wǒ zuò wán zuò yè le.

Tôi làm xong bài tập về nhà rồi.

8 nét

HÁN VIẾT · HOÀN

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#536

完成

wánchéng

Hoàn thành

在全组同事的通力协作与不懈攻坚下，我们终于按期高质量完成了核心系统开发。

Zài quán zǔ tóngshì de tōng lì xié zuò yǔ bùxié gōngjiān xià, wǒmen zhōngyú àn qī gāo zhìliàng wánchéng le héxīn xìtǒng kāifā.

Dưới sự hiệp lực đồng lòng và nỗ lực bền bỉ của toàn tổ đồng nghiệp, chúng tôi cuối cùng đã hoàn thành xuất sắc việc phát triển hệ thống cốt lõi đúng tiến độ.

18 nét

HÁN VIẾT · HOÀN THÀNH

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#537

完全

wánquán

hoàn toàn, trọn vẹn

经过连夜缜密的技术排查与代码重构，该核心支付链路的潜在安全隐患已被完全彻底消除。

Jīng guò lián yè zhēn mì de jì shù pái chá yǔ dài mǎ zhòng gòu, gāi hé xīn zhī fù lián lù de qiǎn zài ān quán yīn huán yí bèi wán quán chè dǐ xiāo chú.

Sau cả đêm rà soát kỹ thuật cẩn trọng và tái cấu trúc mã nguồn, các nguy cơ tiềm ẩn về an toàn của chuỗi thanh toán cốt lõi đã được loại bỏ hoàn toàn triệt để.

17 nét

HÁN VIẾT · HOÀN TOÀN



HSK 2 (3.0)

Cụm từ giao tiếp

#538

晚安

wǎn'ān

chúc ngủ ngon, chào buổi tối

结束了一整天紧张充实的科研攻坚工作，大家在微信工作群里互相道一声“晚安”。

Jié shù le yī zhěng tiān jǐn zhāng chōng shí de kē yán gōng jiē gōng zuò, dà jiā zài wēi xìn gōng zuò qún lǐ hù xiāng dào yī shēng "wǎn ān".

Khép lại một ngày làm việc nghiên cứu khoa học vượt khó đầy nỗ lực và căng thẳng, mọi người cùng gửi lời chào chúc ngủ ngon 'Vãn An' tới nhau trong nhóm làm việc WeChat.

📖 21 nét

HÁN VIỆT : VÃN AN

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#539

晚报

wǎnbào

báo buổi chiều, văn báo

市民们喜欢在晚饭后翻阅当天的城市晚报，了解本地民生新闻与文化体育动态。

Shì mǐn men xǐ huān zài wǎn fàn hòu fān yuè dāng tiān de chéng shì wǎn bào, liǎo jiě běn dì mǐn shēng xīn wén yǔ wén huà tǐ yù dòng tài.

Người dân thành phố thích lật giở tờ báo buổi chiều của thành phố trong ngày sau bữa cơm tối để nắm bắt các tin tức dân sinh và động thái thể thao văn hóa địa phương.

📖 21 nét

HÁN VIỆT : VÃN BÁO

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#540

晚餐

wǎncān

bữa tối, bữa cơm tối dinh dưỡng

健康营养指南建议晚餐应当清淡少油，多吃富含膳食纤维的新鲜果蔬与全谷物食品。

Jiàn kāng yíng yǎng zhǐ nán jiàn yì wǎn cān yīng dāng qīng dàn shǎo yóu, duō chī fù hán shàn shān shí xiān wéi de xīn xiān guǒ shǔ yǔ quán gǔ wù shí pǐn.

Hướng dẫn dinh dưỡng sức khỏe kiến nghị bữa tối cần ăn thanh đạm ít dầu mỡ, ăn nhiều ngũ cốc nguyên hạt và rau củ quả tươi giàu chất xơ thực phẩm.

📖 22 nét

HÁN VIỆT : VÃN XAN

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#541

晚会

wǎnhuì

đêm hội, dạ hội ca múa nhạc

在新春文艺联欢晚会上，各民族艺术家同台献艺，为全国观众呈现了精彩绝伦的视听盛宴。

Zài xīn chūn wén yì lián huān wǎn huì shàng, gè mín zú yì shù jiā tóng tái xiàn yì, wèi quán guó guān zhòng chéng xiàn le jīng cǎi jué lún de shì tīng shèng yàn.

Tại đêm hội liên hoan văn nghệ đón mừng năm mới, các nghệ sĩ thuộc các dân tộc cùng nhau biểu diễn trên sân khấu, mang đến một bữa tiệc nghe nhìn đặc sắc tuyệt đỉnh cho khán giả cả nước.

📖 23 nét

HÁN VIỆT : VÃN HỘI

HSK 2 (3.0)

Danh từ / Lượng từ

#542

碗

wǎn

bát, cái chén ăn cơm; bát (lượng từ)

中国人的饭碗任何时候都要牢牢端在自己手中，饭碗里主要装中国粮。

Zhōng guó rén de fàn wǎn rèn hé shí hòu dōu yào láo láo duān zài zì jǐ shǒu zhōng, fàn wǎn lǐ zhǔ yào zhuāng zhōng guó liáng.

Bát cơm cái chén ăn cơm của người Trung Quốc trong bất kỳ thời điểm nào cũng phải nắm chắc vững vàng trong tay mình, trong bát cơm chủ yếu đựng lương thực của nước nhà.

📖 9 nét

HÁN VIỆT : OẢN

HSK 2 (3.0)

Số từ

#543

万

wàn

vạn, mười nghìn (10.000)

经过全国数十万建设者连续数年的艰苦奋战，国家重大水利枢纽工程顺利实现全面下闸蓄水。

Jīng guò quán guó shù wàn jiàn shè zhě lián xù shù nián de jiǎn kǔ fèn zhàn, guó jiā zhòng dà shuǐ lì shǔ niú gōng chéng shùn lì shí xiàn quán miàn xià zhá xù shuǐ.

Trải qua nhiều năm chiến đấu gian khổ liên tục của hàng vạn người nghìn người xây dựng trên cả nước, công trình đầu mối thủy lợi trọng đại quốc gia đã thuận lợi thực hiện việc đóng cống tích nước toàn diện.

📖 12 nét

HÁN VIỆT : MẶC

HSK 2 (3.0)

Động từ

#544

网

wǎng

mạng lưới

老师鼓励大家积极网，勇于探索新的知识。lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jī wǎng, yǒng yǔ tàn sù xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực mạng lưới, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

📖 9 nét

HÁN VIỆT : VỎNG

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#545

网球

wǎng qiú

quần vợt, bóng tennis

网球运动不仅需要敏捷矫健的移动步伐与高超的控球技巧，更考验选手的心理抗压素质。

Wǎng qiú yùn dòng bù jīn xū yào mǐn jié jiǎo jiàn de yí dòng bù fá yǔ gāo chāo de kòng qiú jī qì, gèng kǎo yàn xuǎn shǒu de xīn lǐ kàng yā sù zhì.

Môn thể thao quần vợt (tennis) không chỉ đòi hỏi bước di chuyển thoăn thoắt nhịp nhàng và kỹ thuật điều bóng điêu luyện mà còn thử thách bản lĩnh tâm lý chịu áp lực của vận động viên.

📖 22 nét

HÁN VIỆT : VỎNG CẦU

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#546

网站

wǎng zhàn

trang web, website

为了给全球汉语学习者提供更流畅的学习体验，官方学习网站进行了全方位的视觉交互改版升级。

Wèi le gěi quán qiú hàn yǔ xué xí zhě tí gòng gèng liú chàng de xué xí tǐ yàn, guān fāng xué xí wǎng zhàn jìn xíng le quán fāng wèi de shì jué jiāo hù gǎi bǎn shēng jí.

Nhằm mang đến trải nghiệm học tập mượt mà hơn cho người học tiếng Trung trên toàn thế giới, trang web học tập chính thức đã được nâng cấp làm mới toàn diện về giao diện tương tác.

📖 22 nét

HÁN VIỆT : VỎNG TRẠM



HSK 2 (3.0)

Giới từ / Động từ

#547

往

wǎng

hướng về, đi về phía; hướng tới

新时代青年应当牢记初心使命，勇挑时代重担，坚定不移往实现高水平科技自立自强的目标奋勇前进。

Xīn shí dài qīng nián yīng dāng jì chū xīn shǐ mìng, yǒng tiǎo shí dài zhòng dàn, jiǎn dìng bù yí wǎng shí xiàn gāo shuǐ píng kē jì zì lì zì qiáng de mù biāo fèn yǒng qián jìn.

Thanh niên thời đại mới cần khắc ghi sứ mệnh sơ tâm, dũng cảm gánh vác trọng trách thời đại, kiên định không ngừng hướng về tiến bước dũng mãnh về mục tiêu thực hiện tự chủ tự cường khoa học công nghệ trình độ cao.

12 nét

HÁN VIỆT: VǍNG

HSK 2 (3.0)

Giới từ

#548

为

wéi

vì, cho

这是为你买的礼物。

Zhè shì wèi nǐ mǎi de lǐ wù.

Đây là món quà mua cho bạn.

14 nét

HÁN VIỆT: VI

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#549

为什么

wèi shén me

tại sao

许多初学者常会好奇为什么有些汉字看起来极其相似，其实只要剖析它们的形旁偏旁就能明白。

Xǔ duō chū xué zhě cháng huì hào qí wèi shén me yǒu xiē Hànzì kàn qǐ lái jí qí xiāng sì, qí shí zhǐ yào pōu xī tā men de xíng páng piān páng jiù néng míng bái.

Nhiều bạn mới học thường tò mò tại sao một số chữ Hán trông lại giống nhau đến thế, thực ra chỉ cần phân tích bộ thủ biểu ý của chúng là sẽ hiểu ngay thôi.

35 nét

HÁN VIỆT: VI THẠM YÊU

HSK 2 (3.0)

Lượng từ / Danh từ

#550

位

wèi

vị (lượng từ tôn kính chỉ người); vị trí

在这场具有里程碑意义的国际学术盛会上，多位享誉全球的战略科学家作了精彩的前瞻性学术报告。

Zài zhè chǎng jù yǒu lǐ chéng bēi yì yì de guó jì xué shù shèng huì shàng, duō wèi xiǎng yù quán qiú de zhàn lüè kē xué jiā zuò le jīng cǎi de qián zhān xìng xué shù bào gào.

Tại bữa tiệc học thuật quốc tế mang ý nghĩa cột mốc này, nhiều vị nhà khoa học chiến lược lừng danh toàn cầu đã có những bài báo cáo học thuật nhìn xa trông rộng vô cùng đặc sắc.

9 nét

HÁN VIỆT: VI

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#551

味道

wèi dào

mùi vị, hương vị, phong vị

老街拐角那家开了三十年的老字号面馆飘出浓郁诱人的骨汤香味，正是童年记忆中那熟悉的味道。

Lǎo jiē guǎi jiǎo nà jiā kāi le sān shí nián de lǎo zì hào miàn guǎn piāo sǎn chū nóng yù de gǔ tāng xiāng wèi, zhèng shì tóng nián jì yì zhōng nà shú xī de wèi dào.

Tiệm mì gia truyền mở 30 năm nơi góc phố cổ thoáng thoảng mùi nước hầm xương thơm nức mũi, đó chính là hương vị quen thuộc vẹn nguyên trong ký ức tuổi thơ.

20 nét

HÁN VIỆT: VỊ ĐẠO

HSK 2 (3.0)

Thán từ

#552

喂

wèi

alo, này

喂，请问你是哪位？

Wèi, qǐng wèn nǐ shì nǎ wèi?

Alo, xin hỏi bạn là vị nào vậy?

9 nét

HÁN VIỆT: UY

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#553

温度

wēn dù

nhiệt độ

温室大棚内部配备了高精度传感器与智能控制系统，能够全天候自动将室内温度恒定在最佳生长区间。

Wēn shì dà péng nèi bù pèi bèi le gāo jīng dù chǎn gǎn qì yǔ zhì néng kòng zhì xì tǒng, néng gòu quán tiān hòu zì dòng jiāng shì nèi wēn dù héng dìng zài zuì jiā shēng zhǎng qū jiān.

Bên trong khu nhà kính được trang bị hệ thống cảm biến chính xác cao cùng bộ điều khiển thông minh, có thể tự động duy trì nhiệt độ trong phòng ở ngưỡng sinh trưởng tối ưu nhất suốt ngày đêm.

24 nét

HÁN VIỆT: ÔN ĐỘ

HSK 2 (3.0)

Động từ / Danh từ

#554

闻

wén

ngửi; nghe thấy; tin tức, danh tiếng

漫步在盛开的江南十里荷花池畔，迎面能闻到一阵阵沁人心脾、清雅怡人的荷花幽香。

Màn bù zài shèng kāi de jiāng nán shí lǐ hé huā chí pàn, yíng miàn néng wén dào yí zhèn zhèn qīn rén xīn pí, qīng yǎ yí rén de hé huā yōu xiāng.

Dạo bước bên bờ đầm sen mười dặm nở rộ vùng Giang Nam, đón gió người ta có thể ngửi thấy từng làn hương sen thanh khiết tao nhã thơm mát ngọt ngào làm sáng khoai tận tâm can.

8 nét

HÁN VIỆT: VĂN

HSK 2 (3.0)

Cụm động từ

#555

问路

wèn lù

hỏi đường

当外国留学生在古城街头用中文向热心市民问路时，市民热情耐心地为 him 指明了方向。

Dāng wài guó liú xué shēng zài gǔ chéng jiē tóu yòng zhōng wén xiàng rè xīn shì mǐn wèn lù shí, shì mǐn rè qīng nài xīn de wèi tā zhǐ míng le fāng xiāng.

Khi bạn lưu học sinh nước ngoài dùng tiếng Trung hỏi đường người dân nhiệt tình trên đường phố cổ thành, người dân đã nhiệt tình kiên nhẫn chỉ rõ phương hướng cho bạn ấy.

22 nét

HÁN VIỆT: VĂN LỘ



HSK 2 (3.0)

Danh từ

#556

问题

wèntí

câu hỏi, vấn đề

没问题，包在我身上。
Méi wèntí, bāo zài wǒ shēnshang.
Không vấn đề gì, cứ để tôi.

21 nét

HÁN VIỆT: VẤN ĐỀ

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#557

午餐

wǔcān

bữa trưa, cơm trưa

科研园区职工餐厅提供的营养午餐荤素科学搭配，为科研人员提供了充足的体能保障。
Kē yán yuán qū zhí gōng cān tīng tí gōng de yíng yǎng wǔ cān hūn sù kē xué dā pèi, wèi kē yán rén yuán tí gōng le chōng zú de tǐ néng bǎo zhàng.
Bữa trưa cơm trưa dinh dưỡng do nhà ăn cán bộ khu nghiên cứu khoa học cung cấp kết hợp khoa học giữa món chay và mặn, mang lại sự bảo đảm thể lực đầy đủ cho các cán bộ nghiên cứu khoa học.

26 nét

HÁN VIỆT: NGỌ XAN

HSK 2 (3.0)

Động từ / Danh từ

#558

午睡

wǔshuì

ngủ trưa, giấc ngủ trưa

中午适当午睡二十分钟，能够有效缓解大脑疲劳，让下午的工作与学习精力更加充沛。
Zhōng wǔ shì dāng wǔ shuì èr shí fēn zhōng, néng gòu yǒu xiào huǎn jiě dà nǎo pí láo, ràng xià wǔ de gōng zuò yǔ xué xí jīng lì gèng jiā chōng pèi.
Buổi trưa ngủ trưa thích hợp khoảng hai mươi phút có thể giảm bớt mệt mỏi cho não bộ một cách hiệu quả, giúp năng lượng học tập và làm việc buổi chiều thêm dồi dào sung sức.

27 nét

HÁN VIỆT: NGỌ THUY

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#559

习惯

xíguàn

thói quen

每天坚持阅读半小时优秀书籍是一个终身受益无穷的卓越好习惯。
Měitiān jiān chí yuè dú bàn xiǎoshí yōuxiù shūjí shì yí gè zhōngshēn shòu yì wúqióng de zhuóyuè hào xíguàn.
Mỗi ngày kiên trì đọc nửa tiếng những cuốn sách hay là một thói quen xuất sắc mang lại lợi ích vô giá suốt cả cuộc đời.

18 nét

HÁN VIỆT: TẬP QUÁN

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#560

洗衣机

xǐ yī jī

máy giặt

这款新型滚筒变频智能洗衣机不仅具有高温除菌洗涤功能，而且在运行脱水时噪音极低。
Zhè kuǎn xīn xíng gǔn tǒng biàn pín zhì néng xǐ yī jī bù jǐn jù yǒu gāo wēn chú jūn xǐ dǎo gōng néng, ér qiě zài yùn xíng tuō shuǐ shí zǎo yīn jí dī.
Chiếc máy giặt thông minh lồng ngang biến tần thế hệ mới này không chỉ có tính năng giặt khử khuẩn bằng nước nóng mà khi vận hành rất khô tiếng ồn cũng cực kỳ êm ái.

35 nét

HÁN VIỆT: TẮY CƠ

HSK 2 (3.0)

Động từ

#561

洗澡

xǐ zǎo

đi tắm

老师鼓励大家积极洗澡，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí xǐ zǎo, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực đi tắm, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

23 nét

HÁN VIỆT: TẮY TÁO

HSK 2 (3.0)

Danh từ chỉ phương vị

#562

西北

xīběi

Tây Bắc, vùng Tây Bắc

在广袤的大西北戈壁荒原上，一座座大型现代化风电与光伏基地源源不断输出绿色电力。
Zài guǎng mào de dà xī běi gē bì huāng yuán shàng, yí zuò zuò dà xíng xiàn dài huà fēng diàn yǔ guāng fú jī dì yuán yuán bù duàn shū chū lǜ sè diàn lì.
Trên hoang nguyên sa mạc Gobi miền Đại Tây Bắc bao la, từng trạm căn cứ quang điện và điện gió hiện đại hóa quy mô lớn liên tục không ngừng xuất khẩu nguồn điện xanh.

24 nét

HÁN VIỆT: TÂY BẮC

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#563

西餐

xīcān

món ăn phương Tây, đồ ăn Tây

在这家融合多元风味的国际餐厅里，主厨巧妙将传统中式香料融入了法式经典西餐烹饪之中。
Zài zhè jiā róng hé duō yuán fēng wèi de guó jì cān tīng lǐ, zhǔ chú qiǎo miào jiāng chuán tǒng zhōng shì xiāng liào róng rù le fǎ shì jīng diǎn xī cān pēng rěn zhī zhōng.
Trong nhà hàng quốc tế dung hợp phong vị đa nguyên này, bếp trưởng đã khéo léo lồng ghép các loại gia vị truyền thống Trung Hoa vào trong nấu nướng các món ăn phương Tây kinh điển kiểu Pháp.

24 nét

HÁN VIỆT: TÂY XAN

HSK 2 (3.0)

Danh từ chỉ phương vị

#564

西方

xīfāng

phương Tây, các nước phương Tây

中国始终主张不同文明之间平等对话、交流互鉴，打破西方中心主义偏见。
Zhōng guó shǒng zhāng bù tóng wén míng zhī jiān píng děng duì huà, jiāo liú hù jiàn, dǎ pò xī fāng zhōng xīn zhǔ yì piān jiàn.
Trung Quốc luôn chủ trương đối thoại bình đẳng, giao lưu học hỏi lẫn nhau giữa các nền văn minh khác nhau, phá vỡ định kiến chủ nghĩa lấy phương Tây làm trung tâm.

20 nét

HÁN VIỆT: TÂY PHƯƠNG

HSK 2
(3.0)Danh từ chỉ phương
vị

#565

西南

xīnán

Tây Nam, vùng Tây Nam

我国西南地区山高谷深、水能资源极其丰富，建成了多座世界级特大型水电工程。

Wǒ guó xī nán dì qū shān gāo gǔ shēn, shuǐ néng zī yuán jí qí fēng fù, jiàn chéng le duō zuò shì jiè jí tè dà xíng shuǐ diàn gōng chéng.

Khu vực Tây Nam nước ta núi cao vực sâu, tài nguyên thủy năng vô cùng phong phú, đã xây dựng nên nhiều công trình thủy điện đặc biệt lớn đẳng cấp thế giới.

25 nét

HÁN VIỆT: TÂY NAM

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#566

西医

xīyī

Tây y, y học hiện đại phương Tây

国家大力推进中西医结合、中西药并用，充分发挥中医药与西医在重大疾病救治中的协同优势。

Guó jiā dà lì tuī jìn zhōng xī yī jié hé, zhōng xī yào bìng yòng, chōng fēn fā huyī zhōng yī yào yǔ xī yī zài zhòng dà jí bìng jiù zhì zhōng de xié tóng yōu shì.

Nhà nước đẩy mạnh việc kết hợp Đông Tây y, dùng đồng thời cả thuốc Tây và thuốc Đông y, phát huy đầy đủ lợi thế hiệp đồng của Tây y và Trung y trong cứu chữa các bệnh hiểm nghèo.

25 nét

HÁN VIỆT: TÂY Y

HSK 2 (3.0)

Động từ

#567

下雪

xià xuě

tuyết rơi

冬天古都北京一下雪，红墙金瓦在白雪映衬下宛如一幅典雅的水墨画卷。

Dōng tiān gǔ dū běi jīng yí xià xuě, hóng qiáng jīn wǎ zài bái xuě yǐng chèn xià wǎn rú yí fú diǎn yǎ de shuǐ mò huà juǎn.

Mùa đông Cổ đô Bắc Kinh hề tuyết rơi, tường đỏ ngói vàng dưới sự soi bóng của tuyết trắng tựa như một bức tranh thủy mặc thanh nhã tuyệt mỹ.

18 nét

HÁN VIỆT: HẠ TUYẾT

HSK 2 (3.0)

Danh từ chỉ thời gian

#568

下周

xià zhōu

tuần tới, tuần sau

下周二上午，学校将在学术报告厅举行面向全校师生的“人工智能前沿科普公开讲座”。

Xià zhōu èr shàng wǔ, xué xiào jiāng zài xué shù bào gào tīng jǔ xíng miàn xiàng quán xiào shī shēng de rén gōng zhì néng qián yán kē pǔ gōng kāi jiǎng zuò.

Sáng thứ Ba tuần tới tuần sau, nhà trường sẽ tổ chức buổi tọa đàm công khai phổ biến khoa học tiên phong trí tuệ nhân tạo dành cho toàn thể thầy cô và học sinh tại Hội trường Báo cáo Học thuật.

23 nét

HÁN VIỆT: HẠ CHU

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#569

夏天

xià tiān

mùa hè, mùa hạ

夏天漫步在绿树成荫的林荫大道上，蝉鸣阵阵、清风徐来，让人感到格外惬意舒适。

Xià tiān màn bù zài lǜ shù chéng yīn de lín yīn dà dào shàng, chán míng zhèn zhèn, qīng fēng xú lái, rén gǎn dào gé wài qiè yì shū shì.

Mùa hè dạo bước trên đại lộ rợp bóng cây xanh mát, tiếng ve kêu râm rân, làn gió mát nhẹ nhàng thổi tới, khiến con người cảm thấy vô cùng dễ chịu và thanh thoi.

21 nét

HÁN VIỆT: HẠ THIÊN

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#570

相机

xiàng jī

máy ảnh, máy chụp hình

摄影师用专业高像素单反相机定格下了野生雪豹在雪域高原悬崖峭壁上奔跑的珍贵瞬间。

Shè yǐng shī yòng zhuān yè gāo xiàng sù dān fǎn xiàng jī dìng gé xià le yě shēng xuě bào zài xuě yù gāo yuán xuān yá qiào bì shàng bēn pǎo de zhēn guī shùn jiān.

Nhiếp ảnh gia đã dùng chiếc máy ảnh máy chụp hình cơ chuyên nghiệp độ phân giải cao bắt trọn khoảnh khắc vô giá khi con báo tuyết hoang dã chạy trên vách đá cheo leo của cao nguyên tuyết trắng.

23 nét

HÁN VIỆT: TƯƠNG CƠ

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#571

相同

xiāng tóng

giống nhau

尽管这两款旗舰智能手机外观设计看似相同，但在核心处理器性能上差异显著。

Jǐng guǎn zhè liǎng kuǎn qí jiàn zhī nǎng shǒu jī wài guān shè jì kǎn sì xiāng tóng, dàn zài hé xīn chǔ lǐ qì xìng néng shàng chā yì xiǎn zhù.

Dẫu rằng thiết kế ngoại quan của 2 mẫu smartphone flagship này trông có vẻ giống nhau, nhưng hiệu năng chip xử lý cốt lõi lại khác biệt rõ rệt.

27 nét

HÁN VIỆT: TƯƠNG ĐỒNG

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#572

相信

xiāng xìn

tin tưởng

只要心中怀揣明确的奋斗目标并脚踏实地前行，就一定要坚信自己终能抵达成功的彼岸。

Zhǐ yào xīn zhōng huái chuāi míng què de dòu dòu mù biāo bìng jiǎo tà shí dì qián xíng, jiù yí dìng yào jiān xìn zì jǐ zhōng néng dī dá chéng gōng de bǐ àn.

Chỉ cần trong lòng ấp ủ mục tiêu phấn đấu rõ ràng và vững bước tiến lên, bạn nhất định phải tin tưởng rằng mình sẽ chạm tới bờ bên vinh quang.

24 nét

HÁN VIỆT: TƯƠNG TÍN

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#573

响

xiǎng

vang lên, kêu, tiếng vang

清晨清脆嘹亮的闹钟铃声准时响起，唤醒了整栋学生宿舍楼中准备晨读的莘莘学子。

Qīng chén qīng cuì liǎo liàng de nào zhōng líng shēng zhǔn shí xiǎng qǐ, huàn xǐng le zhěng dòng xué shēng zhǔn bèi chén dú de shēn shēn xué zǐ.

Tiếng chuông báo thức trong trẻo vang dội sáng sớm vang lên đúng giờ, đánh thức các bạn học sinh trong toàn bộ khu ký túc xá thức dậy chuẩn bị cho giờ đọc sách sớm.

10 nét

HÁN VIỆT: HƯỞNG



HSK 2 (3.0)

Động từ

#574

想到

xiǎngdào

nghĩ đến, nhớ tới, nghĩ ra

每当想到无数革命先辈为了民族独立英勇牺牲的奉献精神，我们心里就充满了奋进的力量。

Měi dāng xiǎng dào wú shù gé míng xiān bèi wèi le mín zú dú lì yǐng yǒng xī shēng de fèng xiàn jīng shén, wǒ men xīn lǐ jiù chōng mǎn le fèn jìn de lì liàng.

Mỗi khi nghĩ đến nhớ tới tinh thần cống hiến hy sinh anh dũng vì độc lập dân tộc của vô số các thế hệ tiền bối cách mạng, trong tim chúng tôi lại ngập tràn nguồn sức mạnh tiến bước vươn lên.

25 nét

HÁN VIỆT: TƯỜNG ĐÁO

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#575

想法

xiǎngfǎ

suy nghĩ, ý tưởng, cách nhìn nhận

在青年创新研讨会上，导师鼓励大家大胆畅谈自己的学术想法，敢于打破传统思维定式。

Zài qīng nián chuàng xīn yán tǎo huì shàng, dǎo shī gǔ lì dà jiǎ dà dǎn chàng tán zì jǐ de xué shù xiǎng fǎ, gǎn yǔ dǎ pò chuán tǒng sī wéi dìng shì.

Tại hội thảo đổi mới sáng tạo thanh niên, người thầy hướng dẫn khích lệ mọi người hãy mạnh dạn chia sẻ suy nghĩ ý tưởng học thuật của mình, can đảm phá bỏ lối mòn tư duy truyền thống.

21 nét

HÁN VIỆT: TƯỜNG PHÁP

HSK 2 (3.0)

Động từ

#576

想起

xiǎngqǐ

nghĩ về

老师鼓励大家积极想起，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiǎ jī jí xiǎng qǐ, yǒng yǔ tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực nghĩ về, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

24 nét

HÁN VIỆT: TƯỜNG KHỞI

HSK 2 (3.0)

Giới từ

#577

向

xiàng

hướng tới, về phía

请向前走。

Qǐng xiàng qián zǒu.

Xin hãy đi về phía trước.

11 nét

HÁN VIỆT: HƯỚNG

HSK 2 (3.0)

Động từ / Danh từ /
Phó từ

#578

像

xiàng

giống như, tựa như; bức
tượng/hình ảnh

高速飞驰的“复兴号”高铁列车如同一道银色闪电穿梭在神州大地之间，展现出中国速度的磅礴力量。

Gāo sù fēi chí de "fù xīng hào" gāo tiě liè chē rú tóng yí dào yín sè shǎn diàn chuān suō zài shén zhōu dà dì zhī jiān, zhǎn xiàn chū zhōng guó sù dù de páng bó lì liàng.

Đoàn tàu đường sắt cao tốc 'Phục Hưng' lao vút tốc độ cao tựa như giống như một tia chớp màu bạc con thoi qua lại trên khắp mảnh đất Thần Châu, phô diễn nguồn sức mạnh dõng non lấp biển của Tốc độ Trung Quốc.

10 nét

HÁN VIỆT: TƯỢNG

HSK 2 (3.0)

Tính từ / Phó từ

#579

小声

xiǎoshēng

nhỏ tiếng, thì thầm khẽ giọng

在图书馆自习室里，同学们都自觉小声交谈，共同维护安静专注的学习氛围。

Zài tú shū guǎn zì xí shì lǐ, tóng xué men dōu zì jué xiǎo shēng jiāo tán, gòng tóng wéi hù ān jìng zhuān zhù de xué xí fēn wéi.

Trong phòng tự học của thư viện, các bạn học sinh đều tự giác nói chuyện nhỏ tiếng khẽ giọng, cùng nhau giữ gìn bầu không khí học tập tập trung và yên tĩnh.

25 nét

HÁN VIỆT: TIỂU THANH

HSK 2 (3.0)

Danh từ chỉ thời gian

#580

小时候

xiǎoshíhou

thưở nhỏ, khi còn bé, tuổi thơ

小时候在故乡小院里仰望星空的纯真记忆，点燃了他长大后立志投身天文深空探索的科学梦想。

Xiǎo shí hòu zài gù xiāng xiǎo yuàn lǐ yǎng wàng xīng kōng de chún zhēn jì yì, diǎn rán le tā zhǎng dà hòu lì zhì tóu shēn tiān wén shēn kōng tàn suǒ de kē xué mèng xiǎng.

Ký ức trong trẻo ngược nhìn bầu trời sao nơi khoảng sân nhỏ quê nhà thuở nhỏ khi còn bé đã thắp sáng ước mơ khoa học lập chí cống hiến cho thám hiểm thiên văn không gian sâu khi lớn lên của anh ấy.

35 nét

HÁN VIỆT: TIỂU THỜI HẬU

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#581

小说

xiǎo shuō

tiểu thuyết, truyện

这部底蕴深厚的现实主义长篇巨著生动刻画了时代变迁中几代知识分子的命运抉择与心路历程。

Zhè bù dǐ yùn shēn hòu de xiàn shí zhǔ yì cháng piān jù zhǔ shēng dòng hé huà le shí dài biàn qiǎn zhōng jǐ dài zhī shǐ fēn zǐ de mìng yùn jué zé yú xīn lù lì chéng.

Cuốn tiểu thuyết trường thiên hiện thực sâu sắc này đã khắc họa sinh động những lựa chọn số phận cùng hành trình tâm lý của nhiều thế hệ trí thức trong dòng xoáy biến chuyển của thời đại.

23 nét

HÁN VIỆT: TIỂU THUYẾT

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#582

小心

xiǎo xīn

Hãy cẩn thận

冬季雪后路面结冰湿滑，大家在外出行走与驾驶机动车时一定要加倍小心谨慎。

Dōng jì xuě hòu lù miàn jié bīng shī huá, dà jiā zài wài xíng zǒu yǔ jià chē qūn shí yí dìng yào jiā bèi xiǎo xīn jǐn shèn.

Sau đợt tuyết mùa đông mặt đường đóng băng rất trơn trượt, mọi người khi ra ngoài đi bộ hoặc lái xe phải hết sức cẩn thận và thận trọng.

22 nét

HÁN VIỆT: TIỂU TÂM



HSK 2 (3.0)

Danh từ

#583

小组

xiǎozǔ

tổ, nhóm làm việc, tiểu tổ

由跨学科青年学者组成的科研攻关小组密切协同配合, 短短数月内便成功解决了算法收敛难题。

Yóu kuà xué kē qīng nián xué zhě zǔ chéng de kē yán gōng guān xiǎo zǔ mì qiè xié tóng pèi hé, duǎn duǎn shù yuè nèi biàn chéng gōng jiě jué le suàn fǎ shōu liǎn nán tí.

Nhóm tiểu tổ xung kích nghiên cứu khoa học bao gồm các học giả trẻ liên ngành đã phối hợp hiệp đồng chặt chẽ, chỉ trong vài tháng ngắn ngủi đã giải quyết thành công nan đề hội tụ thuật toán.

21 nét

HÁN VIỆT: TIỂU TỔ

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#584

校园

xiàoyuán

khuôn viên trường học, học xá

春暖花开时节, 大学校园内绿草如茵、樱花盛开, 处处洋溢着朝气蓬勃的青春活力。

Chūn nuǎn huā kāi shí jié, dà xué xiào yuán nèi lǜ cǎo rú yīn, yīng huā shèng kāi, chù chù yáng yì zhe zhào qì péng bó de qīng chūn huó lì.

Vào tiết trời xuân ấm áp hoa nở, trong khuôn viên trường học đại học cỏ xanh như nhung, hoa anh đào nở rộ, khắp nơi ngập tràn sức sống thanh xuân hừng hực.

17 nét

HÁN VIỆT: HIỆU VIÊN

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#585

校长

xiào zhǎng

Hiệu Trưởng

在隆重热烈的全校师生大会上, 校长发表了振奋人心的致辞, 勉励青年学子立志报国。

Zài lóng zhòng rè liè de quán shī shēng dà huì shàng, xiào zhǎng fā biǎo le zhèn fèn rén xīn de zhì cí, miǎn lì qīng nián xué zǐ lì zhì bào guó.

Trong đại hội toàn trường long trọng và ấm cúng, thầy hiệu trưởng đã có bài phát biểu truyền cảm hứng sâu sắc, động viên các bạn trẻ nuôi dưỡng chí lớn phụng sự quê hương.

19 nét

HÁN VIỆT: HIỆU TRƯỞNG

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#586

笑话

xiào huà

chuyện cười, trò đùa

聚会时他绘声绘色地讲了一个极其幽默风趣的小笑话, 逗得在场所有朋友捧腹大笑、前仰后合。

Jù huì shí tā huì shēng huì sè de jiǎng le yí gè jí qí yōu mò fēng qù de xiǎo xiào huà, dòu dé zài chǎng suǒ yǒu péng yǒu péng fù dà xiào, qián yǎng hòu hé.

Trong buổi tụ tập bạn bè, anh ấy đã hào hứng kể một mẩu chuyện cười dí dỏm cực kỳ duyên dáng, làm cho tất cả bạn bè có mặt đều cười nghiêng ngả ôm bụng cười xòa.

21 nét

HÁN VIỆT: TIỂU THOẠI

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#587

笑话儿

xiàohuār

truyện cười, trò cười, chuyện hài hước

课间休息时, 班长讲了一个风趣幽默的科学笑话儿, 逗得全班同学开怀大笑。

Kè jiān xiū xi shí, bān zhǎng jiǎng le yí gè fēng qù yōu mò de kē xué xiào huār, dòu dé quán bān tóng xué kāi huái dà xiào.

Trong giờ nghỉ giải lao giữa tiết, lớp trưởng đã kể một câu chuyện cười trò cười khoa học dí dỏm hài hước, khiến cả lớp được một trận cười sảng khoái.

31 nét

HÁN VIỆT: TIỂU THOẠI NHÂN

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#588

鞋

xié

giày, đôi giày

科考队员们穿上防滑耐磨的专业高山登山鞋, 顶风雪攀登上海拔五千多米的冰川采样点。

Kē kǎo duì yuán men chuān shàng fǎng huá nài mó de zhuān yè gāo shān dēng shān xié, dǐng fēng xuě pán dēng shàng hǎi bá wǔ qiān duǒ mǐ de bīng chuān cǎi yàng diǎn.

Các đội viên khảo sát khoa học đi đôi giày leo núi chuyên dụng chống trơn trượt chống mài mòn, đội gió đập tuyết trèo lên điểm lấy mẫu sông băng ở độ cao hơn năm ngàn mét so với mực nước biển.

9 nét

HÁN VIỆT: HẢI

HSK 2 (3.0)

Danh từ chỉ nơi chốn

#589

心里

xīnlǐ

trong lòng, trong tâm can

看到国家航天工程取得重大圆满成功, 在场每一位中华儿女心里都充满了无比的骄傲与自豪。

Kàn dào guó jiā háng tiān gōng chéng qǔ de zhòng dà yuán mǎn chéng gōng, zài chǎng měi yí wèi zhōng huá ér nǚ xīn lǐ dōu chōng mǎn liáo wú bí de jiāo ào yǔ zì háo.

Nhìn thấy công trình hàng không vũ trụ quốc gia giành được thành công trọn vẹn trọng đại, trong lòng trong tâm can của từng người con đất Việt/người con Trung Hoa có mặt đều ngập tràn niềm kiêu hãnh và tự hào vô bờ bến.

17 nét

HÁN VIỆT: TÂM LÝ

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#590

心情

xīn qíng

tâm trạng, tâm trạng cảm xúc

在阳光明媚、微风和煦的春日午后漫步在繁花似锦的植物园里, 整个人感觉心情格外舒畅愉悦。

Zài yáng guāng míng mèi, wēi fēng hé xù de chūn rì hòu mǎn bù zài fán huā sì jīn de zhí wù yuán lǐ, zhěng gè rén gǎn jué xīn qíng gé wài shū chàng yú yuè.

Vào buổi chiều xuân nắng vàng rực rỡ gió thoảng dịu êm dạo bước trong vườn thực vật hoa nở khoe sắc muôn màu, cả người cảm thấy tâm trạng vô cùng thư thái và hân hoan.

17 nét

HÁN VIỆT: TÂM TÌNH

HSK 2 (3.0)

Danh từ chỉ nơi chốn

#591

心中

xīnzhōng

trong tim, trong lòng sâu thẳm

人民群众在共产党人心中永远处于最高位置, 全心全意为人民服务是我们不变的初心。

Rén mín qún zhòng zài gòng chǎn dǎng rén xīn zhōng yǒng yuǎn chǔ yú zuì gāo wèi zhì, quán xīn quán yì wéi rén mín fú wù shì wǒ men bù biàn de chū xīn.

Quần chúng nhân dân trong tim trong lòng những người cộng sản luôn luôn chiếm vị trí cao nhất, hết lòng hết sức phục vụ nhân dân là sở tâm không bao giờ thay đổi của chúng ta.

17 nét

HÁN VIỆT: TÂM TRUNG



HSK 2 (3.0)

Danh từ

#592

新闻

xīn wén

Tin tức

每天早晨收听权威的早间全球新闻播报，能帮助我们及时洞察世界发展动态。

Měitiān zǎochēn shōutīng quánwēi de zǎojiān quánqiú xīnwén bōbào, néng bāngzhù wǒmen jīshí dòngchá shìjiè fāzhǎn dòngtài.

Mỗi buổi sáng lắng nghe các bản tin thời sự quốc tế chính thống uy tín sẽ giúp chúng ta nắm bắt kịp thời các chuyển động phát triển của thế giới.

22 nét

HÁN VIỆT: TÂN VĂN

HSK 2 (3.0)

Động từ

#593

信

xìn

lá thư

老师鼓励大家积极信，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí xìn, yǒng yú tàn sù xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực lá thư, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

10 nét

HÁN VIỆT: TÍN

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#594

信号

xìn hào

tín hiệu, sóng viễn thông

即便在海拔八千八百多米的世界最高峰珠穆朗玛峰之巔，我国自主建设的高原基站依然能够提供流畅稳定的通信信号。

Jí biàn zài hǎi bā bā qiān bā bǎi duō mǐ de shì jiè zuì gāo fēng zhū mù lǎng mǎ fēng zhī diǎn, wǒ guó zì zhǔ jiàn shè de gāo yuán jī zhàn yī rán néng gòu tí gòng liú chàng wěn dìng de tōng xìn xìn hào.

Ngay cả trên đỉnh Everest - nóc nhà của thế giới ở độ cao hơn 8.800 mét, trạm thu phát sóng cao nguyên do nước ta tự chủ xây dựng vẫn có thể cung cấp tín hiệu liên lạc viễn thông ổn định và mượt mà.

23 nét

HÁN VIỆT: TÍN GÀO

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#595

信息

xìn xī

thông tin, tin tức dữ liệu

以量子通信、光子计算与第六代移动通信为引领的新一代信息技术，正在深刻重构全球数字经济基础设施。

Yǐ liàng zǐ tōng xìn, guāng zǐ jì suàn yǔ dì liù dài yí dòng tōng xìn wéi yǐn lǐng de xīn yí dài xìn xī jì shù, zhèng zài shēn kè zhòng gòu quán qiú shù zì jīng jī chǔ shè shī.

Công nghệ thông tin thế hệ mới với sự dẫn dắt của truyền thông lượng tử, tính toán quang tử và mạng 6G đang tái định hình sâu sắc hạ tầng cơ sở kinh tế số toàn cầu.

23 nét

HÁN VIỆT: TÍN TỨC

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#596

信心

xìn xīn

lòng tin, sự tự tin, niềm tin

只要我们找准前进方向并坚持脚踏实地努力拼搏，就一定要对实现中华民族伟大复兴的未来充满坚定信心。

Zhǐ yào wǒ men zhǎo zhǔn qián jìn fāng xiàng bìng jiān chí jiǎo tà shí dì nǔ lì pīn bó, jiù yí dìng yào duì shí xiàn zhōng huá mín zú wéi dà fù xīng de wèi lái chōng mǎn jiān dìng xìn xīn.

Chỉ cần chúng ta xác định đúng hướng đi và kiên trì nỗ lực phấn đấu vững vàng, chúng ta nhất định phải tràn đầy niềm tin sắt son vào tương lai phát triển phồn vinh rực rỡ.

19 nét

HÁN VIỆT: TÍN TÂM

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#597

信用卡

xìn yòng kǎ

thẻ tín dụng

在境外旅游消费刷信用卡支付时，请妥善保管好卡片背面的三位安全码以确保账户资金安全。

Zài jìng wài lǚ yóu xiāo fèi shuā xìn yòng kǎ zhī fù shí, qǐng tuō shàn bǎo guǎn hǎo kǎ piàn bèi miàn de sān wèi ān quán mǎ yǐ què bǎo zhàng hù zì jīn ān quán.

Khi đi du lịch nước ngoài quẹt thẻ tín dụng thanh toán, bạn hãy giữ gìn cẩn thận mã bảo mật 3 chữ số phía sau thẻ để đảm bảo an toàn cho nguồn tiền trong tài khoản.

32 nét

HÁN VIỆT: TÍN DỤNG CA

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#598

星星

xīngxīng

ngôi sao, vì sao lấp lánh

在宁静的高原观测站夜空下，满天繁星璀璨的星星宛如无数碎钻镶嵌在深邃的夜幕之上。

Zài níng jìng de gāo yuán guān cè zhàn yè kōng xià, mǎn tiān fán xīng cuǐ càn de xīng xīng wǎn rú wú shù suì zuān xiāng qiàn zài shēn suì de yè mù zhī shàng.

Dưới bầu trời đêm của trạm quan trắc cao nguyên tĩnh lặng, muôn vì sao ngôi sao lấp lánh dày đặc khắp trời tựa như vô số viên kim cương vụn được cẩn khảm trên bức màn đêm sâu thẳm.

26 nét

HÁN VIỆT: TINH TINH

HSK 2 (3.0)

Động từ / Danh từ

#599

行动

xíng dòng

hành động, hoạt động; sự hành động

言必信，行必果；实现碳达峰碳中和目标不仅是一句庄严承诺，更是需要全社会身体力行付诸实践的扎实行动。

Yán bì xìn, xíng bì guǒ; shí xiàn tàn dà fēng tàn zhōng hé mù biāo bù jīn shì yí jù zhuāng yán chéng nuò, gèng shì xū yào quán shè huì shēn tí lì xíng fù zhù shí jiàn de zhā shí xíng dòng.

Lời nói ắt phải giữ chữ tín, hành động ắt phải có kết quả; đạt được mục tiêu đạt đỉnh carbon và trung hòa carbon không chỉ là một lời cam kết trang nghiêm, mà hơn thế nữa còn là hành động thực chất đòi hỏi toàn xã hội phải dẫn thân chung tay thực hiện.

26 nét

HÁN VIỆT: HÀNH ĐỘNG

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#600

行人

xíng rén

người đi bộ

城市主干道各交叉路口全面推行智能感应式礼让行人信号灯，有力保障了广大过街行人的交通安全。

Chéng shì zhǔ dào gè yāo yǎo kǒu quán miàn tuī xíng zhì néng gǎn yīng shì lǐ ràng xíng rén xìn hào dēng, yǒu lì bǎo zhàng le guǎng dà guò jiē xíng rén de jiāo tōng ān quán.

Các nút giao cắt trên tuyến đường trục chính đô thị đều áp dụng đèn tín hiệu cảm biến thông minh nhường đường cho người đi bộ, bảo đảm đặc lực an toàn giao thông cho đông đảo người dân sang đường.

21 nét

HÁN VIỆT: HÀNH NHÂN



HSK 2 (3.0)

Danh từ

#601

行为

xíng wéi

hành vi, cách ứng xử, việc làm

全体科研工作者应当严守学术道德底线，自觉抵制学术不端与论文剽窃等侵害学术纯洁性的不良行为。

Quán tǐ kē yán gōng zuò zhě yīng dāng yán shǒu xué shù dào dé dé xiàn, zì jué dī zhì xué shù bù duān yǔ lùn wén piào qiè děng gēng qīn hài xué shù chún jié xìng de bù liáng xíng wéi.

Toàn thể người làm nghiên cứu khoa học cần giữ vững lần ranh đạo đức học thuật, tự giác bài trừ các hành vi xấu làm tổn hại tính trong sạch học thuật như gian lận học thuật và đạo văn.

26 nét

HÁN VIỆT: HÀNH VI

HSK 2 (3.0)

Động từ

#602

姓

xìng

mang họ

请问您贵姓？

Qǐng wèn nín guì xìng?

Xin hỏi ngài mang họ gì?

8 nét

HÁN VIỆT: TÍNH

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#603

姓名

xìngmíng

họ và tên, danh tính

在填写国际学术交流报名表时，请务必核对好本人的中英文姓名与有效身份证件号码。

Zài tián xiě guó jì xué shù jiāo liú bào míng biǎo shí, qǐng wù bì hé duì hào běn rén de zhōng yīng wén xìng míng yǔ yǒu xiào shēn fèn zhèng jiàn hào mǎ.

Khi điền vào phiếu đăng ký giao lưu học thuật quốc tế, xin vui lòng kiểm tra đối chiếu thật kỹ họ và tên bằng tiếng Trung - Anh cùng số giấy tờ tùy thân hợp lệ của bản thân.

22 nét

HÁN VIỆT: TÍNH DANH

HSK 2 (3.0)

Động từ

#604

休假

xiūjià

nghỉ phép, đi nghỉ mát

国家全面落实带薪休假制度，鼓励企事业单位员工合理安排休假出行与身心调养。

Guó jiā quán miàn luò shí dài xīn xiū jià zhì dù, gǔ lì qǐ shì yè dǎn wèi yuán gōng hé lǐ ān pái xiū jià zhǔ xíng yǔ shēn xīn tiáo yǎng.

Nhà nước triển khai toàn diện chế độ nghỉ phép hưởng nguyên lương, khích lệ nhân viên các cơ quan xí nghiệp sắp xếp hợp lý việc đi nghỉ mát nghỉ phép và bồi dưỡng thể chất tinh thần.

26 nét

HÁN VIỆT: HƯU GIẢ

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#605

许多

xǔ duō

nhiều, rất nhiều

世界之大无奇不有，在浩瀚未知的自然界中还隐藏着许多等待人类去探索解答的科学奥秘。

Shì jiè zhī dà wú qí bù yǒu, zài hào hàn wèi zhī de zì rán jiè zhōng hái yín cáng zhe xǔ duō děng dài rén lèi qù tàn suǒ jiě dá de kē xué ào mì.

Thế giới bao la muôn điệu kỳ thú, trong giới tự nhiên rộng lớn khôn cùng vẫn còn ẩn chứa rất nhiều điều bí ẩn khoa học đang đang chờ nhân loại khám phá và giải đáp.

25 nét

HÁN VIỆT: HỮA ĐA

HSK 2 (3.0)

Động từ

#606

选

xuǎn

chọn, lựa chọn tuyển chọn

在高校通识课程选修系统中，同学们可以根据自己的兴趣自主选修跨学科前沿课程。

Zài gāo xiào tōng shí kè chéng xuǎn xiū xì tōng zhōng, tóng xué men kě yǐ gēn jù zì jǐ de xìng qù zì zhǔ xuǎn xiū kuà xué kē qián yán kè chéng.

Trong hệ thống đăng ký môn học tự chọn đại cương của trường đại học, các bạn sinh viên có thể căn cứ vào sở thích của bản thân để tự chủ lựa chọn các môn học liên ngành tiên phong.

12 nét

HÁN VIỆT: TUYỂN

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#607

学期

xuéqī

học kỳ

在这个充满收获的新学期里，学校开设了多门跨学科前沿创新实验课，深受同学们的欢迎。

Zài zhè ge chōng mǎn shōu huò de xīn xué qī lǐ, xué xiào kāi shè le duō mén kuà xué kē qián yán chuàng xīn shí yàn kè, shēn shòu tóng xué men de huān yíng.

Trong học kỳ mới tràn ngập niềm vui thu hoạch này, nhà trường đã mở nhiều môn học thực nghiệm đổi mới sáng tạo tiên phong liên ngành, được đông đảo các bạn học sinh đón nhận nồng nhiệt.

22 nét

HÁN VIỆT: HỌC KỲ

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#608

雪

xuě

tuyết

外面下雪了。

Wàimiàn xià xuě le.

Bên ngoài tuyết rơi rồi.

9 nét

HÁN VIỆT: TUYẾT

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#609

颜色

yánsè

Màu sắc

你喜欢什么颜色？

Nǐ xǐhuan shénme yánsè?

Bạn thích màu sắc gì?

21 nét

HÁN VIỆT: NHAN SẮC



HSK 2 (3.0)

Danh từ / Lượng từ

#610

眼
yǎn

mắt, đôi mắt; cái nhìn (lượng từ)

战略科学家必须具备洞悉未来科技大势的宏观战略眼光，善于在前瞻性前沿领域抢占先机。

Zhàn lüè kē xué jiā bì xū jù bèi dòng xī wèi lái kē jì dà shì de hóng guāo zhàn lüè yǎn guāng, shàn yú zài qián zhān xīng qián yǎn lǐng yù qiǎng zhàn xiān jī.

Nhà khoa học chiến lược bắt buộc phải sở hữu đôi mắt tầm nhìn chiến lược sâu rộng thấu suốt đại thể khoa học công nghệ tương lai, giỏi giành thế chủ động đi trước trong các lĩnh vực tiên phong có tính nhìn xa trông rộng.

12 nét

HÁN VIỆT: NHÃN

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#611

眼睛
yǎn jing

mắt

她的眼睛很大。

Tā de yǎnjīng hěn dà.

Đôi mắt của cô ấy rất to.

20 nét

HÁN VIỆT: NHÃN TÌNH

HSK 2 (3.0)

Động từ

#612

养
yǎng

nâng cao

老师鼓励大家积极养，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí yǎng, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực nâng cao, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

14 nét

HÁN VIỆT: DƯỞNG

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#613

样子
yàng zi

đáng vẻ, điệu bộ, vẻ ngoài

看他那胸有成竹、泰然自若的样子，这场关键的国际商业谈判肯定已经胜券在握了。

Kàn tā nà xiōng yǒu chéng zhú, tài rán zì ruò de yàng zi, zhè cháng guān jiàn de guó jì shāng yè tán pàn kěn dīng yí jīng shèng quàn zài wò le.

Nhìn dáng vẻ ung dung tự tại nắm chắc phần thắng trong tay của anh ấy, cuộc đàm phán thương mại quốc tế then chốt này chắc chắn đã nắm chắc phần thắng mười mươi rồi.

21 nét

HÁN VIỆT: DẠNG TỬ

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#614

药
yào

thuốc

记得吃药。

Jì de chī yào.

Nhớ uống thuốc nhé.

13 nét

HÁN VIỆT: DƯỢC

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#615

药店
yàodiàn

hiệu thuốc, nhà thuốc bán lẻ

社区便民药店推行全天候二十四小时智慧购药与医保直接结算服务，极大方便了周边居民。

Shè qū biàn mín yào diàn tuī xíng quán tiān hòu èr shí sì xiǎo shí zhì huì gòu yào yǔ yī bǎo zhí jiē jié suàn fú wù, jí dà fāng biàn le zhōu biān jū mín.

Hiệu thuốc nhà thuốc tiện dân khu dân cư triển khai dịch vụ thanh toán bảo hiểm y tế trực tiếp và mua thuốc thông minh suốt 24/24 giờ, tạo thuận tiện tối đa cho cư dân xung quanh.

23 nét

HÁN VIỆT: DƯỢC ĐIỂM

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#616

药片
yàopiàn

viên thuốc, thuốc viên

医生叮嘱患者严格按照处方剂量温水送服药片，切勿擅自增减药量。

Yī shēng dīng zhǔ huàn zhě yán gé àn zhào chǔ fāng jì liàng wēn shuǐ sòng fú yào piàn, qiè wù shàn zì zēng jiǎn yào liàng.

Bác sĩ dặn dò bệnh nhân uống viên thuốc thuốc viên bằng nước ấm đúng theo liều lượng đơn thuốc nghiêm ngặt, tuyệt đối không được tự ý tăng giảm lượng thuốc.

23 nét

HÁN VIỆT: DƯỢC PHIẾN

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#617

药水
yàoshuǐ

thuốc nước, dung dịch thuốc

护士细心地用消炎药水为受伤的小朋友清洗伤口，动作十分轻柔熟练。

Hù shì xīn dì yòng xiāo yán yào shuǐ wèi shòu shāng de xiǎo péng yǒu qīng xǐ shāng kǒu, dòng zuò shí fēn qīng róu shú liàn.

Cô y tá cẩn thận tỉ mỉ dùng thuốc nước dung dịch thuốc tiêu viêm rửa vết thương cho em nhỏ bị thương, động tác vô cùng nhẹ nhàng và thuần thục.

22 nét

HÁN VIỆT: DƯỢC THUỶ

HSK 2 (3.0)

Động từ

#618

要求
yāo qiú

yêu cầu

老师鼓励大家积极要求，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí yāo qiú, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực yêu cầu, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

22 nét

HÁN VIỆT: YÊU CẦU



HSK 2 (3.0)

Phó từ

#619

也许

yě xǔ

có lẽ, có thể, biết đâu

在探索前沿未知科学的漫漫长路上，一次偶然的实验误差也许正孕育着颠覆性的重大科学发现。

Zài tàn suǒ qián yán wèi zhī kē xué de màn màn cháng lù shàng, yí cì ǒu rán de shí yàn wù chā yě xǔ zhèng yùn yù zhe diǎn fù xīng de zhòng dà kē xué fā xiàn.

Trên hành trình dài khám phá những chân trời khoa học mũi nhọn chưa biết, một sai số thực nghiệm tình cờ rất có thể lại đang thai nghén một phát hiện khoa học mang tính bước ngoặt vĩ đại.

22 nét

HÁN VIỆT: DÃ HỨA

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#620

夜

yè

đêm, ban đêm

在繁星点点的宁静夏夜，国家天文台光学观测站的巨型望远镜正在静静巡视着遥远深邃的浩瀚星空。

Zài fán xīng diǎn diǎn de níng jìng xià yè, guó jiā tiān wén tái guāng xué guān cè zhàn de jù xīng wàng yuǎn jìng zhèng zài jìng jìng xún shì zhe yáo yuǎn shēn suì de hào hàn xīng kōng.

Trong đêm hè tĩnh mịch ngập tràn muôn vì sao lấp lánh, chiếc kính viễn vọng khổng lồ của trạm quan sát quang học Đài Thiên văn Quốc gia đang lặng lẽ tuần tra bầu trời sao bao la sâu thẳm xa xôi.

14 nét

HÁN VIỆT: DẠ

HSK 2 (3.0)

Danh từ chỉ thời gian

#621

夜里

yèlǐ

ban đêm, trong đêm khuya

虽然已是夜里十二点，科研大楼的实验室内依然灯火通明，团队正加紧攻克算法代码。

Suī rán yǐ shì yè lǐ shí èr diǎn, kē yán dà lóu de shí yàn shì nèi yǐ rán dēng huǒ tōng míng, tuán duì zhèng jiǎ jīn gōng kè suàn fǎ dài mǎ.

Dẫu đã là mười hai giờ đêm khuya ban đêm, bên trong phòng thí nghiệm của tòa nhà nghiên cứu khoa học vẫn rực rỡ ánh đèn, đội ngũ đang ráo riết vượt khó mã lệnh thuật toán.

22 nét

HÁN VIỆT: DẠ LÝ

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#622

一般

yī bān

trung bình

平日工作繁忙，周末时光我一般喜欢静静地呆在家中看一本好书或者去健身房挥洒汗水。

Píng rì gōng zuò fán máng, zhōu mò shí guāng wǒ yī bān xī huān jìng jìng de dāi zài jiā zhōng kàn yí běn hǎo shū huò zhě qù jiàn shēn fáng huī sǎ hàn shuǐ.

Ngày thường công việc bận rộn, cuối tuần mình thường thích ở nhà thanh thoi đọc một cuốn sách hay hoặc đến phòng gym tập luyện toát mồ hôi.

24 nét

HÁN VIỆT: NHẤT BAN

HSK 2 (3.0)

Số lượng / Danh từ

#623

一部分

yí bù fèn

một phần, một bộ phận

科技创新已经成为推动现代化强国建设与培育新质生产力不可或缺的核心组成一部分。

Kē jì chuàng xīn yǐ jīng chéng wéi tuī dòng xià dài huà guó qiáng jiàn shè yù péi yù xīn zhì shēng chǎn lì bù kě huò quē de hé xīn zù chéng yí bù fèn.

Đổi mới sáng tạo khoa học công nghệ đã trở thành một phần một bộ phận cấu thành hạt nhân không thể thiếu để thúc đẩy xây dựng đất nước giàu mạnh hiện đại hóa và nuôi dưỡng lực lượng sản xuất chất lượng mới.

35 nét

HÁN VIỆT: NHẤT BỘ PHẦN

HSK 2 (3.0)

Số lượng / Phó từ

#624

一点点

yí diǎn diǎn

một chút xíu, từng chút một

只要每天坚持进步一点点，积少成多、厚积薄发，终究能汇聚成攀登科学高峰的巨大力量。

Zhǐ yào měi tiān jiān chí jìn bù yí diǎn diǎn, jī shǎo chéng duō, hòu jī bó fā, zhōng jiū néng huì jù chéng pàn dēng kē xué gāo fēng de jù dà lì liàng.

Chỉ cần mỗi ngày kiên trì tiến bộ một chút xíu từng chút một, tích tiểu thành đại, tích lũy sâu dày bộc lộ rực rỡ, rồi cuộc sẽ có thể hội tụ thành nguồn sức mạnh to lớn trèo lên đỉnh cao khoa học.

34 nét

HÁN VIỆT: NHẤT ĐIỂM ĐIỂM

HSK 2 (3.0)

Phó từ

#625

一定

yí dìng

Chắc chắn rồi

只要脚踏实地、一步一个脚印地辛勤耕耘，你的梦想就一定会在未来的某一天开花结果。

Zhǐ yào jiǎo tà shí dì, yí bù yí gè jiǎo yìn de xīn qín gēng yún, nǐ de mèng xiǎng jiù yí dìng huì zài wèi lái de mǒu yí tiān kāi huā jié guǒ.

Chỉ cần bạn làm việc vững vàng, từng bước từng bước chăm chỉ vun trồng, ước mơ của bạn nhất định sẽ đơm hoa kết trái vào một ngày không xa.

20 nét

HÁN VIỆT: NHẤT ĐỊNH

HSK 2 (3.0)

Phó từ

#626

一共

yí gòng

tổng cộng, tất cả gồm có

本次国际青年科学创新大赛一共收到了来自全球五十多个国家青年学者的两千多份高质量创新成果方案。

Běn cì guó jì qīng nián kē xué chuàng xīn dà sài yì gòng shōu dào le lái zì quán qiú wǔ shí duō gè guó jiā qīng nián xué zhě de liǎng qiān duō fēn gāo zhì liàng chuàng xīn chéng guǒ fāng àn.

Cuộc thi Sáng tạo Khoa học Thanh niên Quốc tế lần này tổng cộng tất cả đã nhận được hơn hai ngàn phương án thành quả đổi mới sáng tạo chất lượng cao của các học giả trẻ đến từ hơn 50 quốc gia trên toàn cầu.

23 nét

HÁN VIỆT: NHẤT CỘNG

HSK 2 (3.0)

Thành ngữ / Lời chúc

#627

一路平安

yí lù píng ān

thượng lộ bình an, đi đường bình an vô sự

在高铁站月台上，送行的师生们热情挥手向远赴边疆参加支教的志愿者们道别：“祝大家一路平安！”

Zài gāo tiě zhàn yuè tái shàng, sòng xíng de shī shēng men rè qíng huī shǒu xiàng yuǎn fù biān jiāng cān jiā zhī jiào de zhī yuǎn zhě men dào bié : "zhù dà jiā yí lù píng ān!"

Trên sân ga đường sắt cao tốc, thầy cô và học sinh đi tiễn nhiệt tình vẫy tay từ biệt các tình nguyện viên lên đường tới biên cương tham gia hỗ trợ dạy học: "Chúc mọi người thượng lộ bình an!"

35 nét

HÁN VIỆT: NHẤT LỘ BÌNH AN



HSK 2 (3.0)

Thành ngữ / Lời chúc

#628

一路顺风

yílù shùnfēng

thuận buồm xuôi gió, đi đường may mắn hanh thông

在国际机场候机大厅, 大家紧紧拥抱并真诚送上祝福: “祝你在海外学术交流之旅一路顺风、硕果累累!”

Zài guó jī jī chāng hòu jī dà tīng, dà jiā jīn jīn yōng bào bìng zhēn chéng sòng shàng zhù fú: "zhù nǐ zài hǎi wài xué shù jiāo liú zhī lǚ yī lù shùn fēng, shuǒ guǒ lěi lěi!"

Tại sân bay chờ sân bay quốc tế, mọi người ôm chặt lấy nhau và chân thành gửi trao lời chúc phúc: "Chúc bạn trong chuyến hành trình giao lưu học thuật ở nước ngoài thuận buồm xuôi gió, gặt hái bội phần thành quả!"

35 nét

HÁN VIẾT

NHẤT LỘ THUẬN PHONG

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#629

一生

yìshēng

cả đời, một đời, trọn cuộc đời

老一辈功勋科学家把一生毫无保留地奉献给了祖国的国防尖端科技事业, 功勋永载史册。

Lǎo yì bèi gōng gōng xūn kē xué jiā bǎ yì shēng háo wú bǎo liú dì fèng xiàn gěi le zǔ guó de guó fáng jiān duān kē jì shì yè, gōng xūn yǒng zài shǐ cè.

Các nhà khoa học tiến bối có công trạng lẫy lừng đã cống hiến trọn cuộc đời cả đời không chút giữ lại cho sự nghiệp khoa học công nghệ mũi nhọn quốc phòng của Tổ quốc, công trạng lưu danh muôn thuở trong sử sách.

22 nét

HÁN VIẾT

NHẤT SINH

HSK 2 (3.0)

Phó từ

#630

一直

yìzhí

luôn luôn, liên tục suốt; đi thẳng

老一辈科学家几十年如一日, 一直默默坚守在大西北戈壁荒漠科研试验基地, 无私奉献毕生心血。

Lǎo yì bèi kē xué jiā jǐ shí nián rú yí rì, yì zhí mò mò jiǎn shǒu zài dà xī běi gē bì huāng mò kē yán shì yán jī dì, wú sī fèng xiàn bì shēng xīn xuè.

Các nhà khoa học tiến bối mấy chục năm như một, luôn luôn liên tục âm thầm bám trụ tại căn cứ thử nghiệm nghiên cứu khoa học sa mạc Gobi miền Đại Tây Bắc, cống hiến quên mình trọn vẹn tâm huyết cuộc đời.

22 nét

HÁN VIẾT

NHẤT TRỰC

HSK 2 (3.0)

Phó từ

#631

已经

yǐ jīng

Đã rồi

我已经下班了。

Wǒ yǐ jīng xià bān le.

Tôi đã tan làm rồi.

25 nét

HÁN VIẾT

DĨ KINH

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#632

以后

yǐ hòu

sau này

完成硕士研究生学业以后, 他立志投身于人工智能与自然语言处理的前沿科技创新工作。

Wánchéng shuòshì yánjiūshēng xuéyè yǐhòu, tā lìzhì tóushēn yú réngōng zhǐnéng yǔ zìrán yǔyán chǔlǐ de qiányán kējì chuāngxīn gōngzuò.

Sau khi hoàn thành chương trình thạc sĩ nghiên cứu sinh, anh ấy quyết tâm dẫn thân vào công tác nghiên cứu đổi mới công nghệ trí tuệ nhân tạo và xử lý ngôn ngữ tự nhiên.

18 nét

HÁN VIẾT

DĨ HẬU

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#633

以前

yǐ qián

trước đây

在来到中国留学深造以前, 他在本土就自学并通过了HSK四级考试, 奠定了坚实的基础。

Zài lái dào Zhōngguó liúxué shēnzuò yǐ qián, tā zài běntǔ jiù zìxué bìng tōngguò le HSK sì jí kǎoshì, diàndìng le jiānshí de jīchǔ.

Trước khi sang Trung Quốc du học nâng cao, bạn ấy đã tự học và thi đỗ HSK 4 ngay tại quê nhà, tạo lập nền tảng vô cùng vững vàng.

24 nét

HÁN VIẾT

DĨ TIỀN

HSK 2 (3.0)

Danh từ / Giới từ

#634

以上

yǐshàng

trở lên, từ... trở lên; những điều trên

凡在国家重大关键技术研发攻关中作出突出贡献的科研团队, 均可参评国家级以上科技表彰。

Fán zài guó jiā zhòng dà guān jiàn jī yán fā gōng zhōng zuò chū tū chū gòng xiàn de kē yán tuán duì, jūn kě cān píng guó jiā jí yǐ shàng kē jì biǎo zhāng.

Tất cả các nhóm nghiên cứu khoa học lập nên những cống hiến kiệt xuất trong trận đánh nghiên cứu vượt khó công nghệ lõi then chốt trọng đại quốc gia đều có thể tham gia bình xét biểu dương khen thưởng khoa học công nghệ cấp quốc gia trở lên.

18 nét

HÁN VIẾT

DĨ THƯỢNG

HSK 2 (3.0)

Danh từ / Giới từ

#635

以外

yǐwài

ngoài... ra, bên ngoài

除了课堂上的专业理论讲授以外, 导师还经常带领研究生深入国家重点实验室参与前沿实操操作。

Chú le kè táng shàng de zhuān yè lùn jiǎng hòu yǐ wài, dǎo shī hái jīng cháng dài lǐng yán jiū shēng shēn rù guó jiā zhòng diǎn shí yàn shì cān yù qián yán shí cè de cāo zuò.

Ngoài việc giảng dạy lý thuyết chuyên môn trên lớp ra bên ngoài, người thầy hướng dẫn còn thường xuyên dẫn dắt các nghiên cứu sinh đi sâu vào phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia tham gia tác nghiệp đo đạc thực tế tiên phong.

18 nét

HÁN VIẾT

DĨ NGOẠI

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#636

以为

yǐ wéi

suy nghĩ

我们原本以为今天下午会迎来倾盆大雨, 没想到傍晚的天空竟然放晴并挂起了彩虹。

Wǒmen yuánběn yǐwéi jīntiān xiàwǔ huì yíng lái qīngpén dà yǔ, méi xiǎng dào bàngwǎn de tiānkōng jīngrán fàngqíng bìng guà qǐ le cǎihóng.

Tại mình vốn cứ ngỡ chiều nay sẽ có mưa rào như trút nước, ai ngờ đến hoàng hôn trời lại hừng nắng trong veo và xuất hiện cả dải cầu vồng rực rỡ.

24 nét

HÁN VIẾT

DĨ VÌ



HSK 2 (3.0)

Danh từ / Giới từ

#637

以下
yíxià

trở xuống, dưới; dưới đây sau đây

请全体参赛选手在正式答辩前认真仔细阅读
以下几项关于答辩流程与时间控制的重要注
意事项。

Qǐng quán tǐ cān sài xuǎn shǒu zài zhèng shì dá
biàn qián rèn zhēn zì xī yuè dú yǐ xià jǐ xiàng guān
yú dá biàn liú chéng yǔ shí jiān kòng zhì de
zhòng yào zhù yì shì xiàng.

Xin toàn thể thí sinh tham gia cuộc thi hãy
đọc thật kỹ và nghiêm túc mấy điều mục lưu
ý quan trọng dưới đây sau đây về không chế
thời gian và quy trình bảo vệ trước khi chính
thức bảo vệ.

19 nét

HÁN VIỆT: DĨ HẠ

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#638

椅子
yǐ zi

cái ghế

请坐在椅子上。

Qǐng zuò zài yǐ zi shàng.

Mời ngồi trên ghế.

24 nét

HÁN VIỆT: Y TỬ

HSK 2 (3.0)

Số từ

#639

亿
yì

ức, một trăm triệu (100.000.000)

十四亿多中国人民团结一心、接续奋斗，正
在昂首阔步迈向以中国式现代化全面推进中
华民族伟大复兴的新征程。

Shí sì yì duō zhōng guó rén mín tuán jié yī xīn, jiē
xù fèn dòu, zhèng zài áng shǒu kuò bù mài xiàng
yǐ zhōng guó shì xiàn dài huà quán miàn tuī jìn
zhōng huá mín zú wēi dà fù xīng de xīn zhēng
chéng.

Hơn một tỷ bốn trăm triệu (1,4 tỷ) người dân
đồng lòng đoàn kết, tiếp nối phấn đấu, đang
vững bước tiến vào hành trình
mới thúc đẩy toàn diện sự phục hưng vĩ đại
của dân tộc bằng hiện đại hóa đất nước.

14 nét

HÁN VIỆT: ỨC

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#640

意见
yì jiàn

ý kiến, quan điểm, đóng góp

在方案评审研讨会上，各位评审专家知无不
言、言无不尽，提出了许多富有前瞻性的中
肯修改意见。

Zài fāng àn píng shěn yán tǎo huì shàng, gè wèi
píng shěn zhuan jiā zhī wú bù yán, yán wú bù jìn,
tí chū le xǔ duō fù yǒu qián zhān xìng de zhōng
kěn xiū gǎi yì jiàn.

Tại cuộc họp thẩm định phương án, các
chuyên gia giám khảo đã thẳng thắn đóng
góp nhiều ý kiến chỉnh sửa xác đáng, mang
tâm nhìn chiến lược và giàu tính xây dựng.

26 nét

HÁN VIỆT: Ý KIẾN

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#641

意思
yì si

ý nghĩa

这个词是什么意思？

Zhè gè cí shì shén me yì si?

Từ này có nghĩa là gì?

20 nét

HÁN VIỆT: Ý TƯ

HSK 2 (3.0)

Liên từ

#642

因为
yīn wèi

bởi vì

因为生病，他没去学校。

Yīn wèi shēng bìng, tā méi qù xué xiào.

Bởi vì bị ốm nên anh ấy không đến trường.

23 nét

HÁN VIỆT: NHÂN VỊ

HSK 2 (3.0)

Tính từ

#643

阴
yīn

u ám, nhiều mây

今天天阴了。

Jīntiān tiān yīn le.

Hôm nay trời âm u nhiều mây rồi.

9 nét

HÁN VIỆT: ÂM

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#644

阴天
yīn tiān

ngày nhiều mây, trời râm mát u ám

虽然今天是个微风和煦的阴天，但依然挡不
住市民们前往湿地公园散步赏景的热情。

Suī rán jīn tiān shì gè wēi fēng hé xù de yīn tiān,
dàn yī rán dǎng bú zhǔ shì mǐn men qián wǎng shì
dì gōng yuán sǎn bù shǎng jǐng de rè qíng.

Dẫu cho hôm nay là một ngày nhiều mây trời
râm mát gió thổi nhẹ nhàng, nhưng vẫn
không thể ngăn được niềm hào hứng của
người dân tới công viên đất ngập nước dạo
bộ ngắm cảnh.

22 nét

HÁN VIỆT: ÂM THIÊN

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#645

音节
yīn jié

âm tiết (ngữ âm học)

普通话的每个标准音节通常由声母、韵母和
声调三个核心要素有机组合而成。

Pǔ tōng huà de měi gè biāo zhǔn yīn jié tóng
cháng yǒu shēng mǔ, yùn mǔ hé shēng diào sǎn
gè hé xīn yào sù yǒu jī zǔ hé ér chéng.

Mỗi một âm tiết chuẩn của tiếng Phổ thông
thường được kết hợp hữu cơ bởi ba
yếu tố then chốt: thanh mẫu, vận mẫu và
thanh điệu.

22 nét

HÁN VIỆT: ÂM TIẾT



HSK 2 (3.0)

Danh từ

#646

音乐

yīn yuè

âm nhạc

古典交响音乐具有抚慰人心、净化心灵的艺术魅力，能瞬间带走一天工作的疲倦。

Gǔdiǎn jiāoxiǎng yīnyuè jùyǒu fúwèi rénxīn, jīnghuà xīnlíng de yìshù mèilì, néng shùnjiǎn dài zǒu yì tiān gōngzuò de pìjuàn.

Những bản nhạc giao hưởng cổ điển mang sức quyến rũ nghệ thuật xoa dịu tâm can và thanh lọc tâm hồn, có thể cuốn trôi đi mọi mệt mỏi của cả ngày làm việc trong chốc lát.

16 nét

HÁN VIỆT: ÂM LẠC

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#647

音乐会

yīnyuèhuì

buổi hòa nhạc, buổi biểu diễn âm nhạc

国家大剧院交响乐团在新年交响音乐会上精彩演奏了多部中国经典交响乐名曲。

Guójiā dàjùyuàn jiāoxiǎng yuè tuán zài xīn chūn jiāoxiǎng yīn yuè huì shàng jīng cǎi yǎnzòu le duō bù zhōng guó jīng diǎn jiāoxiǎng yuè míng qǔ.

Dàn nhạc Giao hưởng Nhà hát Lớn Quốc gia tại buổi hòa nhạc giao hưởng đón mừng năm mới đã diễn tấu đặc sắc nhiều bản giao hưởng danh tiếng kinh điển của Trung Hoa.

30 nét

HÁN VIỆT: ÂM LẠC HỘI

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#648

银行

yín háng

ngân hàng

请问距离本商业街最近的大型国有商业银行全功能人工服务营业厅在哪个方向?

Qǐngwèn jùlǐ běn shāngyējie zuìjìn de dàxíng guóyǒu shāngyè yínháng quán gōngnéng réngōng fúwù yíngyèting zài nǎge fāngxiàng?

Cho em hỏi quầy giao dịch phục vụ trực tiếp đầy đủ chức năng của ngân hàng thương mại quốc doanh gần phố mua sắm này nhất nằm ở hướng nào vậy ạ?

25 nét

HÁN VIỆT: NGÂN HÀNG

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#649

银行卡

yínhángkǎ

thẻ ngân hàng

国家金融管理部门全面优化境外来华人员支付服务，实现了境内重点商户全覆盖支持外卡与银行卡刷卡支付。

Guójiā jīnróng guǎnlǐ bù miàn huà jiànwài lái huá rén yuán zhī fù fú wù, shí xiàn le jìng nèi zhòng diǎn shāng hù quán fù gài zhī chí wài kǎ yǔ yín háng kǎ shuā kǎ zhī fù.

Cơ quan quản lý tài chính quốc gia đã tối ưu hóa toàn diện dịch vụ thanh toán cho người nước ngoài tới Trung Quốc, thực hiện việc bao phủ toàn diện các thương gia trọng điểm trong nước hỗ trợ thanh toán quét thẻ ngân hàng và thẻ quốc tế.

35 nét

HÁN VIỆT: NGÂN HÀNG CA

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#650

应该

yīng gāi

nên

作为当代青年学子，我们应该树立远大抱负，勇于承担社会责任与历史使命。

Zuòwéi dāngdài qīngnián xuézi, wǒmen yīnggāi shùlì yuǎndà bàofù, yǒngyú chéngdān shèhuì zérèn yǔ lìshǐ shǐmìng.

Là thế hệ thanh niên học sinh đương thời, chúng ta nên gây dựng hoài bão lớn lao, dũng cảm gánh vác trách nhiệm xã hội và sự mệnh lịch sử.

23 nét

HÁN VIỆT: ỨNG CẠI

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#651

英文

Yīngwén

tiếng Anh, văn bản tiếng Anh

我国科研团队在国际顶级学术刊物上发表了高水平原创论文，并附上了详实的英文技术附录。

Wǒ guó kē yán tuánduì zài guójí dǐngjí xuéshù kǎnwù shàng fā biǎo le gāo shuǐ píng yuán chuànglùnwén, bìng fù shàng le xiángshí de yīngwén jì shù fùlù.

Nhóm nghiên cứu khoa học nước ta đã công bố bài báo khoa học nguyên tác trình độ cao trên tạp chí học thuật hàng đầu quốc tế, đồng thời kèm theo phụ lục kỹ thuật tiếng Anh chi tiết xác thực.

21 nét

HÁN VIỆT: ANH VĂN

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#652

英语

Yīngyǔ

tiếng Anh (ngôn ngữ nói và giao tiếp)

在国际多边青年学者交流论坛上，中外学者们用流利的英语与中文展开了深入热烈的学术探讨。

Zài guójí duō biān qīngnián xuézhě jiāoliú lùn tánshàng, zhōngwài xuézhě men yòng liú lì de yīngyǔ yǔ zhōngwén zhānkāi le shēnrù rèliè de xuéshù tàn tǎo.

Tại Diễn đàn Giao lưu Học giả Trẻ Đa phương Quốc tế, các học giả trong và ngoài nước đã dùng tiếng Trung và tiếng Anh lưu loát để triển khai các cuộc thảo luận học thuật sâu sắc và nhiệt liệt.

23 nét

HÁN VIỆT: ANH NGỮ

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#653

影片

yǐngpiàn

bộ phim, tác phẩm điện ảnh

这部生动展现我国大国重器研制史诗的优秀纪录影片，在全国公映后引发了全社会的强烈共鸣。

Zhè bù shēngdòng zhǎnxiàn wǒ guó dà guó zhòngqì zhìshì de yōuxiù jìlù yǐngpiàn, zài quán guó gōngyǐng hòu yīn fā le quán shè huì de qiángliè gòngmíng.

Bộ phim tác phẩm tài liệu xuất sắc phổ biến sinh động thiên sử thi nghiên cứu chế tạo đại khí quốc gia của nước ta sau khi công chiếu trên toàn quốc đã tạo nên sự đồng cảm mạnh mẽ sâu sắc trong toàn xã hội.

21 nét

HÁN VIỆT: ẢNH PHIẾN

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#654

影响

yǐng xiǎng

ảnh hưởng

良好的原生家庭教育与阅读习惯将会深远地影响一个人一生的品格塑造与认知格局。

Liáng hǎo de yuánshēng jiāyù yǔ yuèdú xíguān jiāng huì shēnyuǎn de yǐngxiǎng yí gè rén yìshēng de pǐnggé shùzào yǔ rènzhī géjú.

Sự giáo dục gia đình nền tảng tốt và thói quen đọc sách sẽ ảnh hưởng sâu sắc đến việc định hình nhân cách và tầm nhìn nhận thức của một người suốt cả cuộc đời.

21 nét

HÁN VIỆT: ẢNH HƯỞNG



HSK 2 (3.0)

Danh từ

#655

永远

yǒng yuǎn

mãi mãi, vĩnh viễn

那些为了国家繁荣富强与人民幸福安宁而英勇奉献青春热血的先烈们，将永远被历史与后人铭记。

Nà xiē wèi le guó jiā fán róng fù qiáng yǔ rén mín xìng fú ān níng ér yǐng yǒng fèng xiàn qīng chūn rè xuè de xiān liè men, jiāng yǒng yuǎn bèi lì shǐ yǔ hòu rén míng jì.

Những anh hùng liệt sĩ đã dũng cảm cống hiến tuổi xuân và máu xương vì sự phồn vinh hưng thịnh của đất nước và bình yên của nhân dân sẽ mãi mãi được lịch sử và hậu thế khắc ghi muôn đời.

22 nét

HÁN VIỆT: VĨNH VIỄN

HSK 2 (3.0)

Động từ

#656

油

yóu

dầu

老师鼓励大家积极油，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí yóu, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực dầu, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

9 nét

HÁN VIỆT: DẦU

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#657

游客

yóukè

du khách, khách du lịch tham quan

节假日期间，来自全球的数万名中外游客纷至沓来，亲身领略世界文化遗产故宫的博大精深。

Jié jià rì qī jiān, lái zì quán qiú de shù wàn míng zhōng wài yóukè fēn zhì zǎi lái, qīn shēn lǐng lüè shì jiè wén huà yí chǎn gù gōng de bó dà jīng shēn.

Trong dịp ngày nghỉ lễ, hàng vạn khách du lịch du khách trong và ngoài nước từ khắp nơi trên toàn cầu nườm nượp kéo tới, đích thân thưởng ngoạn sự uyên bác sâu rộng của Di sản Văn hóa Thế giới Cố Cung.

23 nét

HÁN VIỆT: DU KHÁCH

HSK 2 (3.0)

Phó từ

#658

有点儿

yǒudiǎnr

hơi, hơi một chút (hơi một/hơi khó)

虽然连续高强度攻坚实验让大家感到身体有点儿疲惫，但看到数据完全吻合，大家心里无比激动。

Suī rán lián xù gāo qiáng dù gōng jiān shí yàn ràng dà jiǎ gān dào shēn tǐ yǒu diǎn ér pí bèi, dàn kàn dào shù jù wán quán wěn hé, dà jiā xīn lǐ wú bǐ jī dòng.

Dẫu thực nghiệm vượt khó cường độ cao liên tục khiến mọi người cảm thấy cơ thể hơi một chút mệt mỏi, nhưng nhìn thấy số liệu hoàn toàn khớp nhau, trong lòng ai nấy đều xúc động vô cùng.

30 nét

HÁN VIỆT: HỮU ĐIỂM NHẪN

HSK 2 (3.0)

Cụm động từ

#659

有空儿

yǒu kòngr

rảnh rỗi, có thời gian rảnh

等周末有空儿的时候，欢迎你来我们大学校园参观，我带你去体验特色留学生文化餐厅。

Děng zhōu mò yǒu kòng er de shí hòu, huān yíng nǐ lái wǒ men dà xué xiào yuán cān guān, wǒ dài nǐ qù tǐ yàn tè sè liú xué shēng wén huà cān tīng.

Đợi đến cuối tuần khi nào rảnh rỗi có thời gian rảnh, hoan nghênh bạn tới khuôn viên trường đại học của chúng tôi tham quan, tôi sẽ dẫn bạn đi trải nghiệm nhà hàng văn hóa lưu học sinh đặc sắc.

28 nét

HÁN VIỆT: HỮU KHÔNG NHÂN

HSK 2 (3.0)

Đại từ

#660

有人

yǒurén

có người, có ai đó

在清晨静谧的校园湖畔，有人在专注地背诵古诗文，有人在林荫道上慢跑晨练。

Zài qīng chén jìng mì de xiào yuán hú pàn, yǒu rén zài zhuān zhù dì bèi sòng gǔ shī wén, yǒu rén zài lín yīn dào shàng màn pǎo chén liàn.

Bên bờ hồ khuôn viên trường yên tĩnh tĩnh mịch lúc sáng sớm, có người thì đang chăm chú học thuộc thơ văn cổ, có người thì đang chạy bộ tập thể dục buổi sáng trên con đường rợp bóng cây.

18 nét

HÁN VIỆT: HỮU NHÂN

HSK 2 (3.0)

Phó từ / Cụm từ

#661

有一点儿

yǒu yídiǎnr

hơi có một chút, hơi hơi

这项前沿理论物理推导虽然有一点儿复杂抽象，但只要理清核心逻辑就能迎刃而解。

Zhè xiàng qián yán lǐ lùn wù lǐ tuī dǎo suī rán yǒu yí diǎn ér fù zá chōu xiàng, dàn zhǐ yào lǐ qīng hé xīn lóu jí jiù néng yíng rén ér jiě.

Phép suy diễn vật lý lý thuyết tiên phong này dẫu hơi có một chút phức tạp và trừu tượng, nhưng chỉ cần làm sáng tỏ mạch logic cốt lõi là sẽ có thể giải quyết dễ dàng.

35 nét

HÁN VIỆT: HỮU NHẤT ĐIỂM NHẪN

HSK 2 (3.0)

Tính từ

#662

有意思

yǒu yìsi

thú vị, có ý nghĩa, cuốn hút

这堂生动直观的中华传统文化互动体验课既寓教于乐又非常有趣，深受外国留学生喜爱。

Zhè táng shēng dòng zhí guān de zhōng huá chuán tǒng wén huà hù dòng tǐ yàn kè jì yú jiào yù lè yòu fēi cháng yǒu qù, shēn shòu wài guó liú xué shēng xǐ ài.

Tiết học trải nghiệm tương tác văn hóa truyền thống Trung Hoa sinh động trực quan này vừa mang tính giáo dục lồng ghép giải trí lại vô cùng thú vị cuốn hút, được các bạn lưu học sinh nước ngoài hết sức yêu thích.

29 nét

HÁN VIỆT: HỮU Ý TƯ

HSK 2 (3.0)

Phó từ / Liên từ

#663

又

yòu

lại, lại vừa... lại vừa..., hơn nữa

国家科技攻关重大专项又一次取得了里程碑式重大突破，全体科研人员欢欣鼓舞、倍感自豪。

Guó jiā kē jì gōng guān zhòng dà zhuān xiàng yòu yí cì qǔ dé le lǐ chéng bēi shì zhòng dà tú pò, quán tǐ kē yán rén yuán huān xīn gǔ wú, bèi gǎn zì háo.

Chuyên án trọng đại vượt khó khoa học công nghệ quốc gia lại một lần nữa giành được bước đột phá trọng đại mang tính cột mốc, toàn thể cán bộ nghiên cứu khoa học hân hoan phấn khởi, cảm thấy vô cùng tự hào.

8 nét

HÁN VIỆT: HỮU



HSK 2 (3.0)

Tính từ

#664

友好

yǒu hǎo

hữu nghị, thân thiện

中国始终坚定不移地奉行独立自主的和平外交政策，积极同世界各国发展友好合作关系。

Zhōng guó shǐ zhōng jiān dìng bù yí dì fèng xíng dú lì zì zhǔ de hé píng wài jiāo zhèng cè, jī jí tóng shì jiè gè guó fā zhǎn yǒu hǎo hé zuò guān xì.

Trung Quốc luôn kiên định thực thi chính sách ngoại giao hòa bình độc lập tự chủ, tích cực phát triển quan hệ hợp tác hữu nghị với tất cả các quốc gia trên thế giới.

24 nét

HÁN VIỆT: HỮU HẢO

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#665

鱼

yú

cá

猫喜欢吃鱼。

Māo xǐhuan chī yú.

Mèo thích ăn cá.

14 nét

HÁN VIỆT: NGƯ

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#666

语言

yǔ yán

ngôn ngữ, tiếng nói

语言不仅是人际沟通的思想载体，更是承载着一个民族悠久历史与独特哲学智慧的文化基因。

Yǔ yán bù jǐn shì rén jī gōu tōng de sī xiǎng zài tǐ, gèng shì chéng zài zhe yí gè mín zú yǒu jiǔ lì shǐ yǔ dù tè zhé xué zhī huì de wén huà jī yīn.

Ngôn ngữ không chỉ là phương tiện chuyển chở tư tưởng trong giao tiếp nhân sinh mà hơn thế nữa còn là mã gen văn hóa mang theo lịch sử lâu đời và trí tuệ triết học độc đáo của một dân tộc.

24 nét

HÁN VIỆT: NGŨ NGÔN

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#667

原来

yuán lái

hóa ra, vốn dĩ, ban đầu

经过深入现场调研排查，大家才恍然大悟：原来导致系统间歇性卡顿的根源是一处隐蔽的内存泄漏。

Jīng guò shēn rù xiàn chǎng diào yán pái chá, dà jiā cái huǎng rán dà wù: yuán lái dǎo zhì xì tǒng jiàn xiē xíng kǎ dùn de gēn yuán shì yí chù yǐn bì de nèi cún xiè lòu.

Sau khi tiến hành khảo sát rà soát thực tế chuyên sâu, mọi người mới vỡ lẽ: hóa ra căn nguyên khiến hệ thống thỉnh thoảng bị giật lag là do một lỗi rò rỉ bộ nhớ được ẩn giấu rất kỹ.

19 nét

HÁN VIỆT: NGUYÊN LAI

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#668

原因

yuán yīn

nguyên nhân, lý do

专家组正在对事故发生现场的黑匣子数据进行全面解码分析，以尽快查明飞机失事的真正原因。

Zhuān jiǎ zǔ zhèng zài duì shì gù fā shēng xiàn chǎng de hēi xiá zǐ shù jù jìn xíng quán miàn jiě mǎ fēn xī, yǐ jìn kuài chá míng fēi jī shī shì de zhēn zhèng yuán yīn.

Tổ chuyên gia đang tiến hành giải mã và phân tích toàn diện dữ liệu hộp đen tại hiện trường vụ việc nhằm nhanh chóng làm sáng tỏ nguyên nhân thực sự dẫn đến vụ tai nạn máy bay.

18 nét

HÁN VIỆT: NGUYÊN NHÂN

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#669

院

yuàn

viện (học viện, bệnh viện, viện nghiên cứu); sân vận

中国科学院汇聚了全国顶尖科研力量，在大科学装置与前沿基础科学研究中发挥着主力军作用。

Zhōng guó kē xué yuàn huì jù le quán guó dǐng jiān kē yán lì liàng, zài dà kē xué zhuāng zhì yǔ qián yán jī chǔ kē xué yán jiū zhōng fā huī zhe zhǔ lì jūn zuò yòng.

Viện Hàn lâm Khoa học Trung Quốc quy tụ lực lượng nghiên cứu khoa học đỉnh cao toàn quốc, phát huy vai trò quân chủ lực trong nghiên cứu khoa học cơ bản tiên phong và các thiết bị khoa học lớn.

13 nét

HÁN VIỆT: VIỆN

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#670

院长

yuànzhǎng

viện trưởng, hiệu trưởng học viện/giám đốc bệnh viện

人工智能学院院长在开学典礼上勉励全体青年新生：“要勇于攀登科技高峰、矢志创新报国！”

Rén gōng zhì néng xué yuàn yuán zhǎng zài kāi xué diǎn lì shàng miǎn lì quán tǐ qīng nián xīn shēng: "yào yǒng yú pān dēng kē jì gāo fēng, shǐ zhì chuàng xīn bào guó!"

Viện trưởng Học viện Trí tuệ Nhân tạo tại lễ khai giảng đã khích lệ toàn thể tân sinh viên thanh niên: "Hãy dũng cảm trèo lên đỉnh cao khoa học công nghệ, son sắt một lòng đổi mới sáng tạo phụng sự Tổ quốc!"

23 nét

HÁN VIỆT: VIỆN TRƯỞNG

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#671

院子

yuànzi

sân, khoảng sân nhà

老北京传统四合院的院子里种着石榴树与海棠花，充满着宁静悠闲的古都人文韵味。

Lǎo běi jīng chuán tǒng sì hé yuàn de yuàn zi lǐ zhòng zhe shí liú shù yǔ hǎi táng huā, chōng mǎn zhe níng jìng yōu xián de gù dōu rén wén yùn wèi.

Khoảng sân trong ngôi nhà Tứ Hợp Viện truyền thống Bắc Kinh xưa trồng cây thạch lựu và hoa hải đường, ngập tràn phong vị nhân văn cổ đô thanh bình thông dong.

24 nét

HÁN VIỆT: VIỆN TỬ

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#672

愿意

yuàn yì

sẵn sàng

只要你发自内心愿意虚心求教、不断磨砺自我，身边的良师益友都会竭诚伸出援助之手。

Zhǐ yào nǐ fā zì nèi xīn yuàn yì xū xīn qiú jiào, bú duàn mó lì zì wǒ, shēn biān de liáng shī yì yǒu dōu huì jié chéng shēn chū yuán zhù zhī shǒu.

Chỉ cần bạn xuất phát từ đáy lòng sẵn sàng khiêm tốn học hỏi và không ngừng rèn giũa bản thân, các thầy cô và bạn tốt xung quanh đều sẽ hết lòng dang tay giúp đỡ.

23 nét

HÁN VIỆT: NGUYỆN Ý



HSK 2 (3.0)

Danh từ

#673

月份

yuèfèn

tháng, các tháng trong năm

金秋九月与十月份是全国农作物喜迎大面积丰收的关键月份，广袤沃野金浪翻滚。

Jīn qiū jiǔ yuè yǔ shí yuè fèn shì quán guó nóng zuò wù xī yíng dà miàn jī fēng shōu de guān jiàn yuè fèn, guǎng mào wò yě jīn làng fān gǔn.

Tháng Chín và tháng Mười mùa thu vàng là những tháng then chốt để cây trồng nông nghiệp trên cả nước đón chào mùa màng bội thu trên diện rộng, đồng ruộng màu mỡ bao la sóng vàng cuộn trào.

21 nét

HÁN VIỆT: NGUYỆT PHẦN

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#674

月亮

yuèliang

mặt trăng

中秋佳节的静谧夜空之中，一轮皎洁如玉盘的明亮大圆月亮高悬天际，洒下满地银辉。

Zhōngqiū jiājié de jìngmì yèkōng zhīzhōng, yì lún jiǎojié rú yùpán de míngliàng dà yuán yuèliang gāoxuán tiānjì, sǎ xià mǎn dì yínhuī.

Giữa bầu trời đêm tĩnh lặng của ngày Tết Trung thu, vầng trăng rằm tròn vành vạnh trong vắt tựa mâm ngọc treo cao nơi chân trời, tỏa ánh sáng bạc lung linh khắp mặt đất.

19 nét

HÁN VIỆT: NGUYỆT LƯỢNG

HSK 2 (3.0)

Phó từ

#675

越

yuè

Yue

汉语越学越有意思，只要每天坚持练习，你就一定会爱上这门语言。

Hànyǔ yuè xué yuè yǒu yìsi, zhǐyào měitiān jiānchí liànxí, nǐ jiù yíding huì ài shàng zhè mén yǔyán.

Tiếng Trung càng học càng thấy hay và thú vị, chỉ cần mỗi ngày kiên trì luyện tập thì bạn nhất định sẽ say mê ngôn ngữ này.

10 nét

HÁN VIỆT: VIỆT

HSK 2 (3.0)

Phó từ

#676

越来越

yuè lái yuè

ngày càng, càng ngày càng (tăng tiến)

随着我国高水平对外开放持续扩大，国际经贸合作的朋友圈越来越大、发展韧性越来越强。

Suí zhe wǒ guó gāo shuǐ píng duì wài kāi fàng chí xù kuò dà, guó jì jīng mào hé zuò de péng yǒu quān yuè lái yuè dà, fā zhǎn rèn xìng yuè lái yuè qiáng.

Cùng với việc mở cửa đối ngoại trình độ cao của nước ta liên tục mở rộng, vòng bạn bè hợp tác kinh tế thương mại quốc tế ngày càng lớn, tính dẻo dai phát triển càng ngày càng mạnh mẽ.

30 nét

HÁN VIỆT: VIỆT LAI VIỆT

HSK 2 (3.0)

Động từ

#677

云

yún

đám mây

老师鼓励大家积极云，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí yún, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực đám mây, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

10 nét

HÁN VIỆT: VÂN

HSK 2 (3.0)

Động từ

#678

运动

yùndòng

thể thao, vận động

多做运动对身体好。

Duō zuò yùndòng duì shēntǐ hǎo.

Tập thể thao nhiều tốt cho sức khỏe.

25 nét

HÁN VIỆT: VẬN ĐỘNG

HSK 2 (3.0)

Đại từ

#679

咱

zán

chúng mình, bọn mình, chúng ta (thân mật)

老班长笑着对大家说：“只要咱们大家心往一处想、劲往一处使，就没有攻克不了的难关！”

Lǎo bān zhǎng xiào zhe duì dà jiā shuō: "zhǐ yào zán men dà jiā xīn wǎng yì chù xiǎng, jìn wǎng yì chù shǐ, jiù méi yǒu gōng kè bù liǎo de nán guān!"

Người lớp trưởng già mỉm cười nói với mọi người: 'Chỉ cần bọn mình chúng ta lòng cùng hướng về một nơi, sức cùng dồn vào một chỗ, thì sẽ chẳng có nan đề nào là không thể chinh phục!'

10 nét

HÁN VIỆT: TA

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#680

咱们

zán men

chúng ta, chúng mình (bao gồm cả người nghe)

时间紧迫、任务艰巨，咱们大家一定要齐心协力、通力合作，争取在下周一前提前完成系统交付。

Shíjiān jǐn pò, rèn wù jiān jù, zán men dà jiā yì dìng yào qíxīn xié lì, tōng lì hé zuò, zhēng qǔ zài xià zhōu yì qián tí qián wán chéng xì tǒng jiāo fù.

Thời gian gấp gáp, nhiệm vụ lại vô cùng nặng nề, chúng mình nhất định phải chung sức đồng lòng, phối hợp nhịp nhàng để phần đầu bàn giao hệ thống trước thứ Hai tuần sau.

20 nét

HÁN VIỆT: TA MÔN

HSK 2 (3.0)

Tính từ

#681

脏

zāng

dơ bẩn

在面对复杂的挑战时，保持脏的心态尤为重要。

zài miàn duì fù zá de tiǎo zhàn shí, bǎo chí zāng de xīn tài yǒu wéi zhòng yào.

Khi đối mặt với những thử thách phức tạp, giữ tâm thái dơ bẩn đặc biệt quan trọng.

14 nét

HÁN VIỆT: TANG



HSK 2 (3.0)

Danh từ

#682

早餐

zǎocān

bữa sáng, điểm tâm buổi sáng

营养学专家提倡早餐要包含优质蛋白质、全谷物与新鲜果蔬，为一整天注入充沛活力。
Yíng yǎng xué zhuān jiā tí yì cháng zǎo cān yào bāo hán yǒu zhì dàn bái zhì, quán gǔ wù yǔ xīn xiān guǒ shù, wèi yì zhèng tiān zhù rù chōng pèi huó lì.

Chuyên gia dinh dưỡng học đề xướng bữa sáng điểm tâm cần bao gồm rau củ quả tươi, ngũ cốc nguyên hạt và protein chất lượng cao để tiếp thêm năng lượng dồi dào cho cả ngày.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: TÀO XAN

HSK 2 (3.0)

Danh từ chỉ thời gian

#683

早晨

zǎochén

sáng sớm, buổi sáng sớm

清晨早晨的阳光透过茂密的林荫洒在校园小道上，微风拂面，令人心旷神怡。

Qīng chén zǎo chén de yáng guāng tòu guò máo mì de lín yīn sǎ zài xiào yuán xiǎo dào shàng, wēi fēng fú miàn, líng rén xīn kuàng shén yì.

Ánh nắng sáng sớm buổi sáng mai xuyên qua tán cây râm mát rơi xuống con đường nhỏ trong khuôn viên trường, gió nhẹ phả vào mặt khiến tâm hồn khoan khoái thư thái.

📖 17 nét

HÁN VIỆT: TÀO THẦN

HSK 2 (3.0)

Phó từ

#684

早就

zǎojiù

đã... từ lâu, sớm đã

科研攻关团队早就做好了应对各种极端工况挑战的周密应急预案，确保工程万无一失。
Kē yán gōng guān tuán duì zǎo jiù zuò hǎo le yìng duì gè zhǒng jí duǎn gōng kuàng tiǎo zhàn de zhōu mì yìng jí yù àn, què bǎo gōng chéng wàn wú yī shī.

Nhóm xung kích nghiên cứu khoa học sớm đã từ lâu chuẩn bị sẵn sàng phương án ứng phó khẩn cấp chu mật để ứng phó với mọi thách thức điều kiện làm việc cực đoan, bảo đảm công trình an toàn tuyệt đối không một sai sót.

📖 20 nét

HÁN VIỆT: TÀO TỰ

HSK 2 (3.0)

Cụm từ nghi vấn

#685

怎么办

zěnmé bàn

làm sao bây giờ, phải làm thế nào

在探索未知科学前沿遇到技术瓶颈时不要慌乱，大家沉着坐下来研讨到底该怎么办、如何破局。

Zài tàn suǒ wèi zhī kē xué qián yán yù dào jì shù píng jǐng shí bú yào huāng luàn, dà jiā chén zhòng zuò xià lái yán tào dào dǐ gāi zěnmé bàn, rú hé pò jú.

Khi gặp phải nút thắt kỹ thuật trong quá trình thám hiểm khám phá các lĩnh vực khoa học tiên phong chưa biết thì đừng hoang mang lo lắng, mọi người hãy bình tĩnh ngồi lại cùng nhau thảo luận rốt cuộc phải làm thế nào làm sao bây giờ, phá vỡ bế tắc ra sao.

📖 35 nét

HÁN VIỆT: CHẤM YÊU BIỆN

HSK 2 (3.0)

Đại từ

#686

怎么样

zěnmé yàng

như thế nào, ra sao

今天天气怎么样?

Jīntiān tiānqì zěnmeyàng?

Thời tiết hôm nay thế nào?

📖 35 nét

HÁN VIỆT: CHẤM YÊU DẠNG

HSK 2 (3.0)

Đại từ nghi vấn

#687

怎样

zěnyàng

như thế nào, ra sao, bằng cách nào

青年科学家在主题学术论坛上深入分享了怎样利用深度学习大模型加速前沿基础科学发现。

Qīng nián kē xué jiā zài zhǔ tí xué shù lùn tán shàng shēn fēn xiǎng le zěnyàng lì yòng shēn dù xué xí dà mó xíng jiā sù qián yán jī chǔ kē xué fā xiàn.

Nhà khoa học trẻ tuổi tại diễn đàn học thuật chuyên đề đã chia sẻ sâu sắc về việc làm thế nào bằng cách nào như thế nào để vận dụng mô hình lớn học sâu nhằm đẩy nhanh các phát hiện khoa học cơ bản tiên phong.

📖 24 nét

HÁN VIỆT: CHẤM DẠNG

HSK 2 (3.0)

Động từ

#688

占

zhàn

tính đến

老师鼓励大家积极占，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí zhàn, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực tính đến, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

📖 9 nét

HÁN VIỆT: CHIÊM

HSK 2 (3.0)

Động từ

#689

站住

zhànzhù

dừng lại, đứng vững

面对复杂严峻的外部挑战与风浪考验，我们必须站稳脚跟、站住阵地，保持坚如磐石的战略定力。

Miàn duì fù zá yán jùn de wài bù tiǎo zhàn yǔ fēng làng kǎo yàn, wǒ men bì xū zhàn wěn jiǎo gēn, zhàn zhù zhèn dì, bǎo chí jiān rú pán shí de zhàn lüè dìng lì.

Đứng trước thử thách sóng to gió lớn và thách thức hiểm nghèo phức tạp từ bên ngoài, chúng ta bắt buộc phải đứng vững gót chân, đứng vững trận địa, giữ vững định lực chiến lược kiên cố như bàn thạch.

📖 24 nét

HÁN VIỆT: TRẠM TRÚ

HSK 2 (3.0)

Động từ

#690

长

zhǎng

lớn lên, mọc

这个小孩子长得真快。

Zhè gè xiǎoháizi zhǎng de zhēn kuài.

Đứa trẻ này lớn nhanh thật.

📖 10 nét

HÁN VIỆT: TRƯỞNG


HSK 2 (3.0)

Động từ

#691

长大

zhǎng dà

lớn lên, trưởng thành khôn lớn

青年一代在党和人民的悉心关怀培育下茁壮成长，正在成为担当强国建设重任的中流砥柱。

Qīng nián yí dài zài dǎng hé rén mín de xī xīn guān huái péi yù xià zhuó zhuàng zhǎng dà, zhèng zài chéng wéi dān dāng qiáng guó jiàn shè zhòng rèn de zhōng liú dǐ zhù.

Thế hệ thanh niên dưới sự quan tâm bồi dưỡng chu đáo tận tình của Đảng và Nhân dân đã khôn lớn trưởng thành khỏe mạnh, đang trở thành rường cột trụ cột gánh vác trọng trách xây dựng đất nước giàu mạnh.

21 nét

 HÁN VIẾT : **TRƯỞNG ĐẠI**
HSK 2 (3.0)

Động từ

#692

找出

zhǎo chū

tìm hiểu

老师鼓励大家积极找出，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí zhǎo chū, yǒng yú tàn sù xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực tìm hiểu, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

16 nét

 HÁN VIẾT : **TRÀO XUẤT**
HSK 2 (3.0)

Danh từ

#693

照顾

zhào gu

chăm sóc

住院康复期间，医护人员细致入微、体贴周到的专业照顾令全家上下倍感温暖与感激。

Zhù yuàn kāng fù qī jiān, yī hù rén yuán xì zhì rù wēi, tǐ tiē zhōu dào de zhuān yè zhào gu ling quán jiā shàng xià bèi gǎn wēn nuǎn yǔ gǎn jī.

Trong thời gian nằm viện phục hồi sức khỏe, sự chăm sóc chu đáo, tận tâm và chuyên nghiệp của các y bác sĩ khiến cả gia đình cảm thấy ấm lòng và biết ơn sâu sắc.

24 nét

 HÁN VIẾT : **CHIẾU CỐ**
HSK 2 (3.0)

Danh từ

#694

照片

zhào piàn

Ảnh

翻开珍藏多年的大学毕业纪念相册，一张张泛黄的老照片瞬间勾起了无数青春的美好回忆。

Fān kāi zhēn cáng duō nián de dà xué bì yè jì niàn xiàng cǎi, yì zhāng zhāng fàn huáng de lǎo zhào piàn shùn jiān gōu qǐ le wú shù qīng chūn de měi hǎo huí yì.

Lật mở cuốn album kỷ niệm tốt nghiệp đại học cất giữ nhiều năm, từng bức ảnh cũ nhuộm màu thời gian tức khắc gợi lại biết bao kỷ ức tươi đẹp của tuổi thanh xuân.

20 nét

 HÁN VIẾT : **CHIẾU PHIẾN**
HSK 2 (3.0)

Động từ

#695

照相

zhào xiàng

chụp ảnh, chụp hình kỷ niệm

毕业典礼结束后，同学们身着庄重整齐的学士服在图书馆前合影留念留念，定格青春美好时光。

Bì yè diǎn lǐ jié shù hòu, tóng xué men shēn zhe zhuāng zhòng zhěng qí de xué shì fú zài tú shū guǎn qián hé yìng zhào xiàng liú niàn, dìng gé qīng chūn měi hǎo shí guāng.

Sau khi lễ tốt nghiệp kết thúc, các bạn sinh viên khoác lên mình bộ lễ phục cử nhân trang trọng ngay ngắn chụp ảnh chụp hình kỷ niệm trước thư viện, lưu giữ khoảnh khắc thanh xuân tươi đẹp.

24 nét

 HÁN VIẾT : **CHIẾU TƯỢNG**
HSK 2 (3.0)

Đại từ chỉ định

#696

这么

zhè me

như thế này, đến mức này

看到大家在这么短的时间内就攻克了核心工艺瓶颈，总指挥由衷地竖起了大拇指。

Kàn dào dà jiā zhè me duǎn de shí jiān nèi jiù gōng kè le hé xīn gōng yì píng jǐng, zǒng zhǐ huī yóu zhōng dì shù qǐ le dà mǔ zhǐ.

Nhìn thấy mọi người chỉ trong khoảng thời gian ngắn như thế này đến mức này đã chinh phục được nút thắt quy trình công nghệ cốt lõi, vị tổng chỉ huy đã hết lòng giơ ngón tay cái tán thưởng.

27 nét

 HÁN VIẾT : **GIÁ YÊU**
HSK 2 (3.0)

Danh từ chỉ thời gian

#697

这时

zhè shí

lúc này, vào lúc này, thời điểm này

就在实验进入最关键的冲刺阶段，这时监测大屏上跳出了完全符合理论预期的完美数据曲线。

Jiù zài shí yàn jìn rù zuì guān jiàn de chōng cì jiē duàn, zhè shí jiān cè dà píng shàng tiào chū le wán quán fú hé lǐ lùn yù qī de wán měi shù jù qǔ xiàn.

Ngay lúc thực nghiệm bước vào giai đoạn nước rút then chốt nhất, vào lúc này trên màn hình giám sát lớn đã nhảy ra đường cong số liệu hoàn hảo hoàn toàn phù hợp với lý thuyết.

27 nét

 HÁN VIẾT : **GIÁ THỜI**
HSK 2 (3.0)

Danh từ chỉ thời gian

#698

这时候

zhè shí hòu

lúc này, thời điểm này, khi ấy

越是在面临重大挑战的紧要关头，这时候越需要我们保持从容镇定、沉着应对。

Yuè shì zài miàn lín zhòng dà tiǎo zhàn de jǐn yào guān tóu, zhè shí hòu yuè xū yào wǒ men bǎo chí cóng róng zhèn dìng, chén zhuó yìng duì.

Càng vào thời khắc mấu chốt quan trọng đứng trước những thách thức trọng đại, lúc này thời điểm này lại càng cần chúng ta phải giữ vững sự điềm tĩnh ung dung, bình tĩnh ứng phó.

35 nét

 HÁN VIẾT : **GIÁ THỜI HẬU**
HSK 2 (3.0)

Đại từ chỉ định

#699

这样

zhè yàng

như thế này, như vậy, cách này

只有坚持走自主创新之路并把核心技术牢牢掌握在自己手中，我们才能这样有底气地傲立于世界科技之林。

Zhǐ yǒu jiān chí zì zhī chuàng xīn zhī lù bǐng bǎ hé xīn jī shù lǎo lǎo zhǎng wò zài zì jǐ shǒu zhōng, wǒ men cái néng zhè yàng yǒu dì qì dì ào lì yú shì jiè kē jì zhī lín.

Chỉ có kiên trì bước đi trên con đường tự chủ đổi mới sáng tạo và nắm chắc công nghệ cốt lõi trong tay mình, chúng ta mới có thể đứng vững kiêu hãnh như thế này như vậy trong hàng ngũ khoa học kỹ thuật thế giới.

23 nét

 HÁN VIẾT : **GIÁ DẠNG**



HSK 2 (3.0)

Danh từ

#700

真正

zhēn zhèng

chân chính, thực sự, đích thực

真正的强者从来不是没有眼泪与软弱，而是在含着眼泪依然选择坚定奔跑、永不言弃。

Zhēn zhèng de qiáng zhě cóng lái bú shì méi yǎn lèi yǒu ruǎn ruò, ér shì zài hán zhūo yǎn lèi yì rán xuǎn zé jiǎn dìng bēn pǎo, yǒng bù yán qì.

Người thực sự mạnh mẽ chưa bao giờ là người không có những giọt nước mắt hay giây phút yếu lòng, mà là người dẫu trong khó khăn ngăn lệ vẫn kiên cường sải bước chạy về phía trước, không bao giờ bỏ cuộc.

21 nét

HÁN VIỆT: CHÂN CHÍNH

HSK 2 (3.0)

Tính từ

#701

正常

zhèng cháng

bình thường

在面对复杂的挑战时，保持正常的心态尤为重要。

Zài miàn duì fù zá de tiǎo zhàn shí, bǎo chí zhèng cháng de xīn tài yóu wéi zhòng yào.

Khi đối mặt với những thử thách phức tạp, giữ tâm thái bình thường đặc biệt quan trọng.

23 nét

HÁN VIỆT: CHINH THƯỜNG

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#702

正好

zhèng hǎo

vừa đúng, đúng lúc, vừa vặn

今天我刚好路过母校附近，正好碰见多年未见的高中同窗好友，真是太巧了！

Jīn tiān wǒ gāng hǎo lù guò mǔ xiào fù jìn, zhèng hǎo pèng jiàn duō nián wéi jiàn de gāo zhōng tóng chuāng hǎo yǒu, zhēn shì tài qiǎo le!

Hôm nay mình vừa hay có việc đi ngang qua gần trường xưa, đúng lúc lại tình cờ gặp lại người bạn thân thời cấp 3 gần 10 năm chưa gặp, quả thực là trùng hợp vô cùng!

23 nét

HÁN VIỆT: CHINH HẢO

HSK 2 (3.0)

Tính từ

#703

正确

zhèng què

chính xác, đúng đắn

在人生的关键十字路口，树立正确的价值观与职业发展观能够指引我们做出最无悔的抉择。

Zài rén shēng de guān jiàn shí zì lù kǒu, shù lì zhèng què de jià zhí guān yǔ zhí yè fā zhǎn guān néng gōu zhǐ yǐn wǒ men zuò chū zuì wú huǐ de jué zé.

Đứng trước những khúc ngoặt ngã rẽ quan trọng của cuộc đời, việc gây dựng hệ giá trị và nhân sinh quan đúng đắn sẽ dẫn đường chỉ lối giúp chúng ta đưa ra những quyết định không bao giờ phải hối tiếc.

20 nét

HÁN VIỆT: CHINH XÁC

HSK 2 (3.0)

Phó từ / Cụm từ

#704

正是

zhèng shì

chính là, đúng là

正是因为有无数默默无闻奉献者的坚守与奋斗，才铸就了今天祖国繁荣昌盛的壮美画卷。

Zhèng shì yīn wéi yǒu wú shù mò mò wú wén fèng xiàn zhě de jiān shǒu yǔ fèn dòu, cái zhù jiù le jīn tiān zǔ guó fán róng chāng shèng de zhuàng měi huà juǎn.

Chính là nhờ có sự phấn đấu và bám trụ kiên cường của vô số những con người cống hiến thầm lặng vô danh, mới đức nên bức tranh tráng lệ tươi đẹp phồn thịnh thịnh vượng của Tổ quốc ngày hôm nay.

18 nét

HÁN VIỆT: CHINH THỊ

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#705

直接

zhí jiē

trực tiếp, thẳng thắn

在高效务实的现代团队沟通中，开门见山、直接聚焦核心问题往往能够大幅降低沟通协作成本。

Zài gāo xiào wù shí de xiàn dài tuán dui gōu tōng zhōng, kāi mén jiàn shān, zhí jiē jù jiāo hé xīn wèn tí wǎng wǎng néng gōu dà fú jiàng dī gōu tōng zuó chéng běn.

Trong giao tiếp làm việc nhóm hiện đại mang tính hiệu quả và thực tế, việc đi thẳng vào vấn đề và tập trung trực tiếp vào điểm cốt lõi thường sẽ giúp giảm thiểu đáng kể chi phí trao đổi, phối hợp.

19 nét

HÁN VIỆT: TRỰC TIẾP

HSK 2 (3.0)

Lượng từ

#706

只

zhǐ

chỉ

清晨推开雕花窗棂，只见古树梢头上俏立着一只欢快歌唱的喜鹊，歌声格外悦耳动听。

Qīng chén tuī kāi diāo huā chuāng líng, zhǐ jiàn gǔ shù shāo tóu shàng qiào lì zhe yì zhī huān kuài gē chāng de xǐ què, gē shēng gé wài yuè'ěr dòng tīng.

Sáng sớm đẩy then cửa sổ chạm khắc, chỉ thấy trên ngọn cây cổ thụ có một chú chim khách đang cất tiếng hót líu lo, giai điệu êm tai dễ chịu lạ kỳ.

14 nét

HÁN VIỆT: CHỈ

HSK 2 (3.0)

Phó từ / Động từ năng nguyện

#707

只能

zhǐ néng

chỉ có thể, chỉ đành

关键核心技术是要不来、买不来、讨不来的，我们只能依靠自力更生与自主创新实现突破。

Guān jiàn hé xīn jì shù shì yào bù lái, mǎi bù lái, tǎo bù lái de, wǒ men zhǐ néng yī kào zì lì gēng shēng yǔ zì zhǔ chuàng xīn shí xiàn tú pò.

Công nghệ lõi then chốt là thứ không thể đòi được, không thể mua được và không thể xin xỏ được, chúng ta chỉ có thể dựa vào đổi mới sáng tạo tự chủ và tự lực cánh sinh để thực hiện đột phá.

24 nét

HÁN VIỆT: CHỈ NĂNG

HSK 2 (3.0)

Liên từ

#708

只要

zhǐ yào

chỉ cần (điều kiện cần)

只要我们坚定理想信念、保持战略定力并脚踏实地奋斗，就没有任何艰难险阻能够阻挡我们前进的步伐。

Zhǐ yào wǒ men jiān dìng lì xiāng xīn niàn, bǎo chí zhàn lüè dìng lì bìng jiǎo tà shí dì fèn dòu, jiù méi yǒu rèn hé jiān nán xiǎn zǔ néng gōu zǔ dǎng wǒ men qián jìn de bù fá.

Chỉ cần chúng ta giữ vững định lực chiến lược, kiên định lý tưởng niềm tin và chân thật vững vàng phấn đấu, thì sẽ chẳng có muôn trùng gian nan hiểm trở nào có thể cản nổi bước chân tiến lên của chúng ta.

27 nét

HÁN VIỆT: CHỈ YÊU



HSK 2 (3.0)

Danh từ / Lượng từ

#709

纸

zhǐ

giấy, tờ giấy

造纸术作为中国古代四大发明之一，对人类文明知识的传播与普及作出了不可磨灭的划时代贡献。

Zào zhǐ shù zuò wéi zhōng guó gǔ dài sì dà fā míng zhī yī, duì rén lèi wén míng zhī shí de chuán bō yǒu pǔ jí zuò chū le bù kě mò miè de huà shí dài gòng xiàn.

Kỹ thuật làm giấy với tư cách là một trong Tứ đại Phát minh của Trung Hoa cổ đại, đã lập nên công hiến mang tính thời đại không thể phai mờ đối với sự phổ cập và truyền bá tri thức văn minh của nhân loại.

10 nét

HÁN VIỆT: CHỈ

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#710

中餐

zhōngcān

món ăn Trung Quốc, ẩm thực Trung Hoa

博大精深的中餐烹饪技艺讲究色香味俱全，在世界各地备受国际友人的赞赏与喜爱。

Bó dà jīng shēn de zhōng cān pēng rèn yì yì jiǎng jiū sè xiāng wèi jù quán, zài shì jiè gè dì bèi shòu guó jì yǒu rén de zàn shāng yǔ xǐ ài.

Kỹ nghệ nấu nướng ẩm thực món ăn Trung Quốc uyên thâm sâu rộng rất coi trọng sắc - hương - vị vẹn toàn, được bạn bè quốc tế khắp nơi trên thế giới hết sức tán thưởng và yêu thích.

21 nét

HÁN VIỆT: TRUNG XAN

HSK 2 (3.0)

Tính từ / Danh từ

#711

中级

zhōngjí

trung cấp, cấp bậc trung gian

通过半年的系统学习，许多留学生顺利通过了国际中文水平中级阶段的考核评估。

Tōng guò bàn nián de xì tǒng xué xí, xǔ duō liú xué shēng shùn lì tōng guò le guó jì zhōng wén shuǐ píng zhōng jí jiē duàn de kǎo hé píng gū.

Trải qua nửa năm học tập có hệ thống, nhiều bạn lưu học sinh đã thuận lợi vượt qua kỳ khảo sát đánh giá giai đoạn trung cấp Năng lực Tiếng Trung Quốc tế.

22 nét

HÁN VIỆT: TRUNG CẤP

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#712

中年

zhōngnián

trung niên, tuổi trung niên

中年骨干科研人员承上启下，在重大科研攻关与拔尖青年人才传帮带中发挥着中流砥柱作用。

Zhōng nián gǔ gàn kē yán yán rén yuán chéng shàng qǐ xià, zài zhòng dà kē yán gōng guān yǔ bá jiān qīng nián rén cái chuán bāng dài zhōng fā huī zhe zhōng liú dǐ zhù zuò yòng.

Đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học cốt cán tuổi trung niên gánh vác kết nối trước sau, phát huy vai trò rường cột trụ cột trong việc diu dắt truyền nghề cho nhân tài trẻ xuất chúng và vượt khó nghiên cứu khoa học trọng đại.

18 nét

HÁN VIỆT: TRUNG NIÊN

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#713

中小学

zhōngxiǎoxué

trường tiểu học và trung học

国家全面推进中小学科学教育体系建设，在广大青少年心中厚植科技创新的种子。

Guó jiā quán miàn tuī jìn zhōng xiǎo xué kē xué kē xué jiào yù tǐ xì jiàn shè, zài guāng dà qīng shào nián xīn zhōng hòu zhí kē jī chuàng xīn de zhǒng zǐ.

Nhà nước đẩy mạnh toàn diện xây dựng hệ thống giáo dục khoa học trường tiểu học và trung học, gieo mầm sâu đậm hạt giống đổi mới sáng tạo khoa học công nghệ trong trái tim đồng đảo thanh thiếu niên.

33 nét

HÁN VIỆT: TRUNG TIỂU HỌC

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#714

中心

zhōngxīn

trung tâm, trọng tâm, hạt nhân

该综合性国家科学中心聚集了全球顶尖的战略科学家团队与数十个世界级大科学前沿装置。

Gāi zōng hé xíng guó jiā kē xué zhōng xīn jù jí le quán qiú dīng jiān de shù shí gè shì jiè jí dà kē xué qián yán zhuāng zhì.

Trung tâm Khoa học Quốc gia Tổng hợp này quy tụ đội ngũ các nhà khoa học chiến lược hàng đầu thế giới cùng hàng chục thiết bị khoa học lớn tiên phong tầm cỡ thế giới.

17 nét

HÁN VIỆT: TRUNG TÂM

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#715

中医

zhōngyī

Trung y, Đông y, y học cổ truyền phương Đông

中医千百年来积累了深厚的辨证施治理论与丰富临床经验，是中华优秀传统文化的璀璨瑰宝。

Zhōng yī qiān bǎi nián lái jī le shēn hòu de biàn zhèng shī zhì lǐ lùn yǔ fēng fù lín chuáng jīng yàn, shì zhōng huá yǒu xiù chuán tǒng wén huà de cuī càn guī bǎo.

Trung y Đông y ngàn năm qua đã tích lũy lý luận biện chứng luận trị sâu sắc cùng kinh nghiệm lâm sàng phong phú, chính là báu vật rực rỡ của văn hóa truyền thống xuất sắc Trung Hoa.

22 nét

HÁN VIỆT: TRUNG Y

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#716

重点

zhòngdiǎn

trọng điểm, trọng tâm, điểm mấu chốt

本阶段系统重构的技术攻关重点在于全面优化底层数据库查询索引与分布式微服务并发性能。

Běn jiē duàn xì tǒng zhòng gòu de jì shù gōng guān zhòng diǎn zài yú quán miàn yōu huà dī céng shù jù kù chá xún suǒ yǐn yǔ fēn bù shì wēi fú wú bīng fā xíng néng.

Trọng tâm đột phá kỹ thuật trong giai đoạn tái cấu trúc hệ thống này nằm ở việc tối ưu hóa toàn diện chỉ mục truy vấn cơ sở dữ liệu tầng dưới và hiệu năng xử lý đồng thời của vi dịch vụ phân tán.

20 nét

HÁN VIỆT: TRỌNG ĐIỂM

HSK 2 (3.0)

Động từ / Tính từ

#717

重复

chóngfù

lặp lại, trùng lặp

通过引入自动化脚本处理流程，团队成功消除了日常运营中大量枯燥低效的重复劳动。

Tōng guò yǐn rù zì dòng huà jiǎo běn chǔ lǐ liú chéng, tuán duì chéng gōng xiāo chú le rì cháng yùn yíng zhōng dà liàng kū zào dī xiào de chóng fù láo dòng.

Thông qua việc đưa quy trình kịch bản tự động hóa vào vận hành, nhóm đã loại bỏ thành công phần lớn những công việc lặp đi lặp lại nhằm chán và kém hiệu quả trong vận hành thường nhật.

22 nét

HÁN VIỆT: TRÙNG PHỤC



HSK 2 (3.0)

Danh từ

#718

重视

zhòng shì

coi trọng, chú trọng, xem trọng

现代卓越企业高度重视青年科研技术人才的早期培养与职业成长通道建设。

Xiàndài zhuóyuè qīyè gāodù zhòngshì qīngnián kējì rén cái de zǎo qī péi yǎng yǔ zhí yè chéngzhǎng tōngdào jiànshè.

Các doanh nghiệp xuất sắc hiện đại coi trọng đặc biệt công tác đào tạo sớm và xây dựng lộ trình thăng tiến sự nghiệp cho đội ngũ nhân tài nghiên cứu khoa học công nghệ trẻ.

21 nét

HÁN VIẾT: TRÚNG THỊ

HSK 2 (3.0)

Phó từ

#719

重新

chóng xīn

làm lại từ đầu, bắt đầu lại

遇到技术瓶颈时不要气馁，我们可以重新理清架构思路并开展新一轮方案设计。

Yù dào jì shù píngjǐng shí bú yào qì nǐ, wǒ men kě yǐ chóngxīn lǐ qīng jià gòu sī lù bìng kāi zhǎn xīn yí lún fāng àn shè jì.

Khi gặp nút thắt kỹ thuật đừng vội nản lòng, chúng ta hoàn toàn có thể sắp xếp lại tư duy kiến trúc và tiến hành thiết kế phương án mới từ đầu.

23 nét

HÁN VIẾT: TRÚNG TÂN

HSK 2 (3.0)

Động từ

#720

周

Zhōu

tuần

老师鼓励大家积极周，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jīqí zhōu, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực tuần, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

14 nét

HÁN VIẾT: CHU

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#721

周末

zhōu mò

cuối tuần

难得偷得浮生半日闲，这个周末我们相约去郊外远离喧嚣的森林公园露营野餐、放松心情。

Nándé tōu de fúshēng bàn rì xián, zhè ge zhōumò wǒmen xiāngyuē qù jiāowài yuánlín xuānxiǎo de sēnlín gōngyuán lùyíng yěcān, fàngsōng xīnqíng.

Hiếm hoi mới có được chút thành thời giữa bận bịu, cuối tuần này chúng mình hẹn nhau tới công viên rừng ngoại ô tránh xa ồn ào để cắm trại dã ngoại và thư giãn tâm hồn.

22 nét

HÁN VIẾT: CHU MẠT

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#722

周年

zhōu nián

kỷ niệm năm, tròn năm, chu niên

在迎来新中国成立七十五周年之际，全党全国各族人民满怀自豪、接续奋斗，汇聚起以中国式现代化全面推进强国建设的磅礴伟力。

Zài yíng lái xīn zhōngguó chéng lì qīshíwǔ zhōu nián zhī jī, quán dǎng quán guó gè zú rén mín mǎn huái zì háo, jiē xù fèn dòu, huì jù qī yǐ zhōngguó shì xiàndài huà quán miàn tuī jìn qiángguó jiànshè de pángbó wēi lì.

Nhân dịp đón chào kỷ niệm 75 năm tròn ngày thành lập Nước Cộng hòa, toàn Đảng và nhân dân các dân tộc trên cả nước ngập tràn niềm tự hào, tiếp bước phấn đấu, hội tụ nên nguồn vī lực dồi non lấp biển đẩy mạnh toàn diện xây dựng đất nước giàu mạnh bằng hiện đại hóa đất nước.

24 nét

HÁN VIẾT: CHU NIÊN

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#723

主人

zhǔ rén

chủ nhân, người làm chủ; chủ nhà

人民是历史的创造者，是国家真正的主人，一切国家权力和国家机构都属于人民、服务于人民。

Rénmín shì lìshǐ de chuàngzào zhě, shì guójiā zhēnzhèng de zhǔ rén, yī qiè guójiā quán lì hé guójiā jīgòu dōu shǔ yú rén mín, fú wú yú rén mín.

Nhân dân là người sáng tạo nên lịch sử, là chủ nhân thực sự của đất nước, mọi quyền lực nhà nước và cơ quan nhà nước đều thuộc về nhân dân, phụng sự nhân dân.

17 nét

HÁN VIẾT: CHỦ NHÂN

HSK 2 (3.0)

Tính từ

#724

主要

zhǔ yào

chính

本期学术培训课程的主要目标在于系统化夯实学员的高级中文口语沟通与商务洽谈能力。

Bēn qī xuéshù péixùn kèchéng de zhǔyào mùbiāo zài yú xìtǒnghuà hángshí xuéyuánmen de gāojií Zhōngwén kǒuyǔ gōutōng yǔ shāngwù qiātán nénglì.

Mục tiêu then chốt của khóa đào tạo học thuật kỳ này là củng cố vững chắc có hệ thống năng lực giao tiếp khẩu ngữ tiếng Trung cao cấp và đàm phán thương mại cho học viên.

21 nét

HÁN VIẾT: CHỦ YÊU

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#725

住房

zhùfáng

nhà ở, điều kiện nhà ở

国家大力推进保障性住房建设与城中村改造，切实解决青年人和新市民的安居住房问题。

Guójiā dà lì tuī jìn bǎo zhàng xíng zhù fáng jiànshè yǔ chéngzhōng cūn gǎi zào, qiè shí jiě jué qīng nián rén hé xīn shì mín de ānjū zhù fáng wèn tí.

Nhà nước ra sức đẩy mạnh xây dựng nhà ở bảo đảm xã hội và cải tạo các làng trong đô thị, giải quyết thiết thực vấn đề nhà ở an cư lạc nghiệp cho thanh niên và cư dân đô thị mới.

19 nét

HÁN VIẾT: TRÚ PHÒNG

HSK 2 (3.0)

Động từ

#726

住院

zhùyuàn

nằm viện, nhập viện điều trị

国家医保跨省异地就医直接结算政策全面落实，极大减轻了群众异地住院就医的垫资负担。

Guójiā yībǎo kuà shěng yì dì jiù yī zhí jiē jié suàn zhèng cè quán miàn luò dì, jí dà jiǎn qīng le qúnzhòng yì dì zhù yuàn jiù yī de diàn zī fù dān.

Chính sách thanh toán trực tiếp bảo hiểm y tế khám chữa bệnh ngoại tỉnh liên tỉnh đã được triển khai toàn diện, giảm nhẹ vượt bậc gánh nặng ứng tiền trước khi nằm viện nhập viện khám chữa bệnh nơi khác của người dân.

24 nét

HÁN VIẾT: TRÚ VIỆN



HSK 2 (3.0)

Động từ / Danh từ

#727

装

zhuāng

**lắp đặt, trang bị; đóng gói; giả vờ;
trang phục**

技术人员在万米级深海载人潜水器耐压球舱外部精准安装了高灵敏度高清深海彩色摄像机与机械作业手。

Jì shù rén yuán zài wàn mǐ jí shēn hǎi zài rén qián shuǐ qì nài yā qū cāng wài bù jīng zhǔn ān zhuāng le gāo lǐng mǐn dù gāo qīng shēn hǎi cǎi sè shè xiàng jī yǔ jī xié zuò yè shǒu.

Cán bộ kỹ thuật đã lắp đặt chuẩn xác camera màu biển sâu độ nét cao độ nhạy cao cùng cánh tay thao tác cơ khí bên ngoài khoang cầu chịu áp lực của tàu lặn có người lái vạn mét biển sâu.

📖 14 nét

HÁN VIỆT : **TRANG**

HSK 2 (3.0)

Tính từ

#728

准确

zhǔn què

chuẩn xác, chính xác

在实时气象卫星遥感预警与台风路径模拟推演中，精准准确的各项数值计算关乎万千民众的生命财产安全。

Zài shí shí qì xiàng wèi xīng yáo gǎn yù fēng yǔ tái fēng lù jīng mō nǐ tuī yǎn zhōng, jīng zhǔn zhǔn què de gè xiàng shù zhí jì suàn guān hū wàn qiān mǐn zhòng de shēng mìng cái chǎn ān quán.

Trong công tác cảnh báo viễn thám vệ tinh khí tượng thời gian thực và mô phỏng đường đi của bão, các phép tính toán số liệu chuẩn xác tuyệt đối liên quan mật thiết tới an toàn tính mạng và tài sản của hàng vạn người dân.

📖 22 nét

HÁN VIỆT : **CHUẨN XÁC**

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#729

字典

zì diǎn

từ điển

遇到不熟悉的古汉语生僻字词时，随时翻阅权威的新华字典或现代汉语词典是治学严谨的好习惯。

Yù dào bù shú xī de gǔ Hànyǔ shēng pì zì cí shí, suí shí fānyuē quánwēi de Xīnhuá Zìdiǎn huò Xiàndài Hànyǔ Cìdiǎn shì zhìxué yánjīn de hào xíguàn.

Khi gặp các từ ngữ cổ hoặc chữ Hán lạ chưa biết, việc tra cứu từ điển Tân Hoa hoặc Từ điển tiếng Hán hiện đại là một thói quen học thuật chuẩn mực đáng quý.

📖 22 nét

HÁN VIỆT : **TỰ ĐIỂN**

HSK 2 (3.0)

Đại từ

#730

自己

zìjǐ

bản thân, tự mình, chính mình

关键核心技术必须牢牢掌握在自己手中，我们必须坚定不移走中国特色自主创新道路。

Guānjiàn hé xīn jì shù bì xū láo láo zhǎng wò zài zì jǐ shǒu zhōng, wǒ men bì xū jiǎn dīng bù yí zǒu zhōng guó tè sè zì zhǔ chuàng xīn dào lù.

Công nghệ lõi then chốt bắt buộc phải nắm chắc trong tay của chính mình bản thân mình, chúng ta phải kiên định không ngừng bước đi trên con đường đổi mới sáng tạo tự chủ mang đặc sắc Trung Quốc.

📖 21 nét

HÁN VIỆT : **TỰ KỶ**

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#731

自行车

zì xíng chē

xe đạp

我骑自行车去学校。

Wǒ qí zì xíng chē qù xuéxiào.

Tôi đi xe đạp đến trường.

📖 31 nét

HÁN VIỆT : **TỰ HÀNH XA**

HSK 2 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#732

自由

zì yóu

tự do

法律既充分保障每一位公民依法享有的广泛民主权利与自由，也明确规定了行使自由不得损害国家与集体利益。

Fǎ lǜ jì chōng fēn bǎo zhàng měi yí wèi gōng mǐn yì fǎ xiǎng yǒu de guǎng fàn mǐn zhǔ quán lì yǔ zì yóu, yě míng què guī dìng le xíng shǐ zì yóu bù dé sǔn hài guó jiā yǔ jí tǐ lì yì.

Pháp luật vừa bảo đảm đầy đủ các quyền dân chủ và tự do sâu rộng mà mỗi công dân được hưởng theo luật định, lại vừa quy định rõ ràng rằng việc thực thi tự do không được làm tổn hại đến lợi ích của Nhà nước và tập thể.

📖 23 nét

HÁN VIỆT : **TỰ DO**

HSK 2 (3.0)

Động từ

#733

走过

zǒuguò

đi qua, bước qua, vượt qua (chặng đường)

走过波澜壮阔的世纪奋斗征程，中华民族迎来了从站起来、富起来到强起来的伟大飞跃。

Zǒu guò bō lán zhuàng kuò de shì jì fèn dòu zhēng chéng, zhōng huá mín zú yíng lái le cóng zhàn qǐ lái, fù qǐ lái dào qiáng qǐ lái de wēi dà fēi yuè.

Đi qua bước qua chặng đường phấn đấu thế kỷ cuộn sóng dạt dào, dân tộc ta đã đón chào bước nhảy vọt vĩ đại từ đứng lên, giàu lên cho đến mạnh lên.

📖 21 nét

HÁN VIỆT : **TẨU QUÁ**

HSK 2 (3.0)

Động từ

#734

走进

zǒujìn

bước vào, đi vào trong (không gian, thế giới)

当我们走进国家重大前沿物理实验室时，映入眼帘的是排列整齐的高精尖科研仪器装备。

Dāng wǒ men zǒu jìn guó jiā zhòng dà qián yán wù lǐ shí yàn shì shí, yíng rù yǎn lián de shì pái liè zhěng qí de gāo jīng jiān kē yán yí qì zhuāng bèi.

Khi chúng tôi bước vào đi vào trong phòng thí nghiệm vật lý tiên phong trọng đại quốc gia, đập vào mắt là các trang thiết bị dụng cụ nghiên cứu khoa học mũi nhọn tinh vi tối tân xếp đặt ngay ngắn.

📖 20 nét

HÁN VIỆT : **TẨU TIẾN**

HSK 2 (3.0)

Động từ

#735

走开

zǒukāi

bước ra chỗ khác, đi ra xa

在特种高压电气实验作业期间，现场安全员提醒无关人员请迅速走开、保持安全距离。

Zài tè zhǒng gāo yǎ diàn qì shí yàn zuò yè qī jiān, xiàn chǎng ān quán yuán tí xīng wú guān rén yuán qīng xùn sù zǒu kāi, bǎo chí ān quán jù lí.

Trong thời gian tác nghiệp thực nghiệm điện cao áp đặc chủng, nhân viên an toàn tại hiện trường nhắc nhở những người không có nhiệm vụ xin hãy nhanh chóng đi ra xa bước ra chỗ khác, giữ cự ly an toàn.

📖 22 nét

HÁN VIỆT : **TẨU KHAI**



HSK 2 (3.0)

Động từ

#736

租

zū

thuê, cho thuê, tiền thuê

刚步入职场的年轻毕业生们在交通便利的地铁站附近合租了一套温馨明亮的三居室公寓。

Gāng bù rù zhí chǎng de nián qīng bì yè shēng men zài jiāo tōng biàn lì de dì tiě zhàn fù jìn hé zū le yī tào wēn xīn míng liàng de sān jū shì gōng yú.

Các bạn trẻ mới tốt nghiệp bước vào đời đã cùng nhau thuê chung một căn hộ 3 phòng ngủ ấm cúng và sáng sủa ở gần ga tàu điện ngầm giao thông thuận tiện.

8 nét

HÁN VIỆT : TỔ

HSK 2 (3.0)

Danh từ / Lượng từ / Động từ

#737

组

zǔ

tổ, nhóm, bộ linh kiện; tổ chức hợp thành

由两院院士领衔的国家重大科技项目专家攻关组，进驻工程核心现场开展全天候技术指导。

Yóu liǎng yuàn yuán shì lǐng xián de guó jiā zhòng dà kē jì xiàng mù zhuān jiā gōng guān zǔ, jìn zhù gōng chéng hé xīn xiàn chǎng kāi zhǎn quán tiān hòu jì shù zhǐ dǎo.

Tổ nhóm xung kích chuyên gia dự án khoa học công nghệ trọng đại quốc gia do các viện sĩ Viện Hàn lâm hai viện dẫn đầu đã đóng chốt tại hiện trường cốt lõi của công trình để triển khai hướng dẫn kỹ thuật 24/24.

8 nét

HÁN VIỆT : TỔ

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#738

组成

zǔ chéng

tạo thành, cấu thành, hợp thành

这支朝气蓬勃的深空探测青年科研突击队，由来自航天工程、微电子以及人工智能等多个学科的拔尖学者共同组成。

Zhè zhī zhāo qì péng bó de shēn kōng tàn cè qīng nián kē yán tǔ jī duì, yóu lái zì háng tiān gōng chéng, wēi diàn zǐ yǐ jì rén gōng zhī néng děng duō gè xué kē de bá jiān xué zhě gòng tóng zǔ chéng.

Đội xung kích nghiên cứu khoa học trẻ khám phá không gian sâu tràn đầy sức sống này được hợp thành bởi các học giả xuất sắc đến từ nhiều chuyên ngành như kỹ thuật hàng không vũ trụ, vi điện tử và trí tuệ nhân tạo.

18 nét

HÁN VIỆT : TỔ THÀNH

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#739

组长

zǔzhǎng

tổ trưởng, trưởng nhóm phụ trách

重大科研攻关项目课题组组长带领全体科研骨干昼夜奋战，按期高质量交付了核心研发任务。

Zhòng dà kē yán gōng guān xiàng mù kè tí zǔ zǔ zhǎng dài lǐng quán tǐ kē yán gǔ gàn zhòu yè fèn zhàn, àn qī gāo zhì liàng jiāo fù le hé xīn yán fā rèn wù.

Tổ trưởng trưởng nhóm đề tài dự án nghiên cứu khoa học vượt khó trọng đại đã dẫn dắt toàn thể cán bộ nghiên cứu cốt cán ngày đêm chiến đấu, bàn giao nhiệm vụ nghiên cứu phát triển cốt lõi chất lượng cao đúng kỳ hạn.

18 nét

HÁN VIỆT : TỔ TRƯỞNG

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#740

嘴

zuǐ

miệng, mồm, cái miệng

在实验室开展高精度化学试剂滴加操作时，实验员必须严格佩戴防护口罩，严禁用嘴直接吹吸移液管。

Zài shí yàn shì kāi zhǎn gāo jīng dù huà xué jì zhì dī jiā cāo zuò shí, shí yàn yuán bì xū yán gé pèi dài fáng hù kǒu zhào, yán jìn yòng zuǐ zhí jiē chuī xī yí yè guǎn.

Khi triển khai thao tác nhỏ giọt hóa chất thuốc thử độ chính xác cao trong phòng thí nghiệm, thí nghiệm viên bắt buộc phải đeo khẩu trang bảo hộ nghiêm ngặt, nghiêm cấm dùng miệng mồm trực tiếp thổi hút ống hút pipet.

12 nét

HÁN VIỆT : CHUỖ

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#741

最近

zuì jìn

Gần đây

最近随着气温显著回升，各大学府与城市园林景观区内已是一派杨柳依依、春和景明的繁荣景象。

Zuì jìn suí zhe qì wēn xiǎn zhù huí shēng, gè dà xué fǔ yǔ chéng shì yuán lín jīng qū nèi yì shì yí pài yáng liǔ yī yī, chūn hé jǐng míng de fán róng jǐng xiàng.

Gần đây khi nhiệt độ tăng dần lên rõ rệt, khắp các khuôn viên trường đại học và danh lam thắng cảnh đô thị đã ngập tràn sắc xuân ấm áp, dương liễu xanh mượt reo vui trong gió.

26 nét

HÁN VIỆT : TỐI CẬN

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#742

作家

zuò jiā

nhà văn, tác giả văn học

著名人民作家深入基层农村扎根生活数年，创作出了一部深刻反映新时代乡村振兴史诗的传世巨著。

Zhù míng rén mín zuò jiā shēn rù jī céng nóng cūn zhā gēn shēng huó shù nián, chuàng zuò chū le yī bù shēn kè fǎn yǐng xīn shí dài xiāng zhīng shí zhēn xīng shǐ shī de chuán shì jù zhù.

Vị nhà văn nhân dân nổi tiếng đã đi sâu xuống cắm bản ở nông thôn cơ sở suốt nhiều năm, sáng tác nên một bộ kiệt tác để đời phản ánh sâu sắc thiên sử thi chấn hưng nông thôn thời đại mới.

18 nét

HÁN VIỆT : TÁC GIA

HSK 2 (3.0)

Danh từ / Động từ

#743

作文

zuò wén

bài văn, tập làm văn; làm văn

语文老师课堂上指导同学们在写作文时要善于观察生活细节、抒发真情实感，切忌虚假空洞的辞藻堆砌。

Yǔ wén lǎo shī zài kè táng shàng zhǐ dǎo tóng xué men zài xiě zuò wén shí yào shàn yú guān chá shēng huó xì jié, shū fā zhēn qíng shí gǎn, qiè jì xū jiǎ kōng dòng de cí zǎo duī qī.

Thầy giáo dạy Ngữ văn tại lớp học đã hướng dẫn các bạn học sinh khi viết bài tập làm văn cần giới quan sát các chi tiết trong đời sống, bộc bạch cảm xúc và tình cảm chân thật, tuyệt đối tránh việc chấp vớ từ ngữ sáo rỗng giả tạo.

18 nét

HÁN VIỆT : TÁC VĂN

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#744

作业

zuò yè

bài tập về nhà

每天放学回到家中，他都会自觉在书桌前专心致志地完成老师布置的各科课后作业。

Měi tiān fàng xué huí dào jiā zhōng, tā dōu huì zhuān xīn zhì zhì de wán chéng lǎo shī bù zhì de gè kē kè hòu zuò yè. Měi ngày tan học về nhà, bạn ấy đều tự giác ngồi trước bàn học chăm chú hoàn thành trước tiên toàn bộ bài tập về nhà các môn mà thầy cô giao.

20 nét

HÁN VIỆT : TÁC NGHIỆP



HSK 2 (3.0)

Danh từ

#745

作用

zuò yòng

tác dụng

保持科学合理的膳食结构与规律适度的有氧运动对增强人体综合抵抗力起着至关重要的积极促进作用。

Bǎochí kēxué hélǐ de shànshí jiégòu yǔ guīlǚ shìdù de yǒuxiàng yùndòng duì zēngqiáng réntǐ zōnghé dǐkānglì qǐ zhē zhìguān zhòngyào de jījī cùjìn zuòyòng.

Việc duy trì cơ cấu ăn uống khoa học hợp lý cùng chế độ tập thể dục cardio đều đặn vừa sức đóng vai trò thúc đẩy tích cực tối quan trọng trong việc nâng cao sức đề kháng của cơ thể.

22 nét

HÁN VIỆT : TÁC DỤNG

HSK 2 (3.0)

Động từ

#746

座

zuò

tòa, ngọn, cây cầu (lượng từ cho công trình, núi, cầu); chỗ ngồi

在这座依山傍水、风景如画的江南古城中，保留着数十座历经数百年的古石拱桥。

Zài zhè zuò yī shān bàng shuǐ, fēngjǐng rú huà de jiāng nán gǔ chéng zhōng, bǎoliú zhāoshù shí zuò lǐ jīng shù bǎi nián de gǔ shí gǒng qiáo.

Trong tòa thành cổ Giang Nam tựa núi nhìn sông đẹp như tranh vẽ này vẫn còn lưu giữ hàng chục cây cầu vòm đá cổ kính trải qua hàng trăm năm lịch sử.

12 nét

HÁN VIỆT : TOA

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#747

座位

zuò wèi

chỗ ngồi, ghế ngồi

在乘坐公共汽车与城市地铁出行时，请主动将爱心座位让给老弱病残孕以及怀抱婴儿的乘客。

Zài chéng zuò gōnggòng qì chē yǔ chéng shì dì tiě chū xíng shí, qǐng zhǔ dòng jiāng ài xīn zuò wèi ràng gěi lǎo ruò bìng cán yùn yǐ jǐ huái bào yīng ér de chéng kè.

Khi đi xe buýt công cộng và tàu điện ngầm trong thành phố, xin vui lòng tự giác nhường ghế ưu tiên cho người cao tuổi, người khuyết tật, bệnh nhân, phụ nữ mang thai và người bế con nhỏ.

21 nét

HÁN VIỆT : TOA VỊ

HSK 2 (3.0)

Động từ

#748

做到

zuò dào

làm điều đó

老师鼓励大家积极做到，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jījī zuò dào, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực làm điều đó, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

25 nét

HÁN VIỆT : TỔ ĐÁO

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#749

做法

zuò fǎ

cách làm, phương pháp thực hiện; cách chế biến

这种将大数据智能化分析与传统农业精细化管理相结合的创新做法，在全国各省区得到了大力推广。

Zhè zhǒng jiāng dà shù jī zhì huà fēnxī yǔ chuán tǒng nóng yè jīng lǐ xiǎng jié hé de chuàng xīn zuò fǎ, zài quán guó gè gè shěng qū dé dà lì tuī guǎng.

Cách làm phương pháp thực hiện đổi mới sáng tạo kết hợp giữa quản lý tỉ mỉ nông nghiệp truyền thống và phân tích thông minh hóa dữ liệu lớn này đã được nhân rộng mạnh mẽ tại các tỉnh thành khu vực trên cả nước.

21 nét

HÁN VIỆT : TỔ PHÁP

HSK 2 (3.0)

Động từ

#750

做饭

zuò fàn

nấu cơm, nấu ăn

周末闲暇时光，全家人分工协作在厨房里开心地做饭烹饪，充满了浓浓的家庭温馨。

Zhōu mò xián xiá shí guāng, quán jiā rén fēn fēn gōng xié zuò zài chú fáng lǐ kāi xīn de zuò fàn pēng rèn, chōng mǎn le nóng nóng de jiā tíng wēn xīn.

Thời gian rảnh rỗi cuối tuần, cả gia đình phân công phối hợp cùng nhau vui vẻ nấu cơm nấu ăn trong gian bếp, ngập tràn sự ấm áp thắm nồng của mái ấm gia đình.

20 nét

HÁN VIỆT : TỔ PHẠM

🎉 HOÀN THÀNH TẬP 2 (375 TỪ)!

- ☐ Đã đọc thuộc lòng 100% phiên âm Pinyin
- ☐ Đã quét mã QR nghe giọng đọc chuẩn Bắc Kinh

- ☐ Đã nhớ trọn vẹn âm Hán Việt để hiểu gốc từ
- ☐ Đã làm bài tập ôn tập ngắt quãng SRS


Chúc mừng hoàn thành trọn bộ! 🎉

LỘ TRÌNH CHINH PHỤC HÁN NGỮ FOXHSK

Đồng hành cùng hàng vạn học viên Việt Nam bứt phá chứng chỉ HSK & HSKK với phương pháp học tập cá nhân hóa chuẩn thể hệ mới.

BẬC SƠ CẤP

HSK 1 – 2 – 3

Xây dựng nền tảng phát âm chuẩn Bắc Kinh, nắm chắc bộ thủ, cấu trúc ngữ pháp cơ bản và phản xạ giao tiếp đời sống thường nhật.

BẬC TRUNG CẤP

HSK 4 – 5

Mở rộng 1.200 – 2.500 từ vựng thực chiến, rèn luyện kỹ năng đọc hiểu chuyên sâu, chinh phục học bổng du học toàn phần Trung Quốc.

BẬC CAO CẤP

HSK 6 & HSK 7–9

Làm chủ văn phong học thuật, thương mại và dịch thuật song ngữ. Đạt ngưỡng ngôn ngữ tinh thông như người bản xứ.



Phòng Thi Thử HSK Trực Tuyến

Bộ đề thi thật có bấm giờ, chấm điểm tự động & giải thích chi tiết



Học Từ Vựng Thông Minh SRS

Thuật toán ghi nhớ ngắt quãng tối ưu theo đường cong quên lãng



Tập Viết Chữ Hán Động Chuẩn Nét

Mô phỏng thứ tự nét bút chuẩn giáo khoa kèm quy tắc bút thuận



Trợ Lý AI Cáo Foxi 24/7

Giải đáp ngữ pháp, dịch song ngữ và chỉnh sửa lỗi sai bài thi

Tham Gia Hệ Sinh Thái Học Tập FoxHSK

Truy cập website chính thức để thi thử đề HSK miễn phí, tra cứu hơn 11.000 từ vựng và tải trọn bộ tài liệu học tập độc quyền.

[TRUY CẬP FOXHSK.COM →](https://foxhsk.com)

